

Nguyễn Bính

THƠ VÀ ĐỜI



NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

NGUYỄN BÌNH

NGUYỄN BÌNH
Thơ và Đời

HOÀNG XUÂN
Tuyển chọn

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC



Thơ

Nguyễn Bình

Mưa xuân

Em là con gái trong khung cửi
 Dệt lụa quanh năm với mẹ già
 Lòng trẻ còn như cây lụa trắng
 Mẹ già chưa bán chợ làng xa.

Bữa ấy mưa xuân phơi phới bay
 Hoa xoan lớp lớp rụng vơi đầy
 Hội chèo làng Đặng đi ngang ngõ
 Mẹ bảo: “Thôn Đoài hát tối nay”.

Lòng thấy giăng tơ một mối tình
 Em ngừng thoi lại giữa tay xinh
 Hình như hai má em bừng đỏ
 Có lẽ là em nghĩ đến anh.

Bốn bên hàng xóm đã lên đèn
 Em ngửa bàn tay trước mái hiên
 Mưa chấm bàn tay từng chấm lạnh
 Thế nào anh ấy chú sang xem!

Em xin phép mẹ, vội vàng đi
 Mẹ bảo xem về kể mẹ nghe.
 Mưa bụi nên em không ướt áo⁽¹⁾
 Thôn Đoài cách có một thôi dề.

⁽¹⁾ Có bản in là: Mưa nhỏ nên em không ướt áo

Thôn Đoài vào đám hát thâu đêm
 Em mãi tìm anh chả thiết xem.
 Chắc hẳn đêm nay giường cử lạnh
 Thoi ngà nằm nhớ ngón tay em.

Chờ mãi anh sang anh chẳng sang
 Thế mà hôm nọ hát bên làng
 Năm tao bảy tuyết anh hò hẹn
 Để cả mùa xuân cũng nhớ nhàng!

Mình em lâm lụi trên đường về
 Có giấu gì đâu một dải dê!
 Áo mỏng che đầu mưa nặng hạt
 Lạnh lòng thêm tủi với canh khuya.

Bữa ấy mưa xuân đã ngại bay
 Hoa xoan đã nát dưới chân giày
 Hội chèo làng Đặng về ngang ngõ
 Mẹ bảo: "Mùa Xuân đã cạn ngày".

Anh ạ! Mùa xuân đã cạn ngày
 Bao giờ em mới gặp anh đây?
 Bao giờ hội Đặng đi ngang ngõ
 Để mẹ em rằng hát tới nay?

1936

Thời trước

Sáng giăng chia nửa vườn chè
 Một gian nhà nhỏ đi về có nhau
 Vì tầm tôi phải chạy dâu
 Vì chồng tôi phải qua cầu đặng cay
 Chồng tôi thi đỗ khoa này
 Bỏ công đèn sách từ ngày lấy tôi¹⁾
 Kẻo không rồi chúng bạn cười
 Rằng tôi nhan sắc cho người say sưa.
 Tôi hằng khuyên sớm khuyên trưa
 “Anh chửa thi đỗ thì chửa động phòng”.

Một quan là sáu trăm đồng
 Chắt chiu tháng tháng cho chồng đi thi.
 Chồng tôi cưới ngựa vinh quy
 Hai bên có lính hầu đi dẹp đường.
 Tôi ra đón tận gốc hàng
 Chồng tôi xuống ngựa, cả làng ra xem.
 Đêm nay mới thật là đêm
 Ai đem trăng giải lên trên vườn chè.

1936

¹⁾ Có bản in là: Bỏ công kinh sử từ ngày lấy tôi

Lòng mẹ

Gái lớn ai không phải lấy chồng
 Can gì mà khóc, nín đi không!
 Nín đi, mặc áo ra chào họ
 Rõ quý con tôi! Các chị trông!

Ương ương dờ dờ quá đi thôi!
 Cô có còn thương đến chúng tôi
 Thì đứng lên nào! Lau nước mắt
 Mình cô làm khổ mấy mươi người.

Này áo đông lắm, quần lĩnh tía
 Này gương này lược này hoa tai
 Muốn gì tôi sắm cho cô đủ
 Nào đã thua ai đã kém ai?

Ruộng tôi cày cấy, dâu tôi hái
 Nuôi dạy em cô tôi đảm đang
 Nhà cửa tôi coi, nợ tôi trả
 Tôi còn mạnh chán! Khiến cô thương!⁽¹⁾

⁽¹⁾ Khổ thơ này có bản in là:
 Tôi già tôi chết... khiến cô thương!
 Nuôi dạy em cô, tôi đảm đang,
 Nhà cửa tôi coi, tôi trả nợ
 Ai nhờ gái gọi việc quân vương!

*Đưa con ra đến cửa buồng thôi
Mẹ phải xa con, khổ mấy mươi!
Con ạ! Đêm nay mình mẹ khóc
Đêm đêm mình mẹ lại đưa thôi.*

1936

Cây bàng cuối thu

*Thu sang trên những cành bàng
Chỉ còn hai chiếc lá vàng mà thôi*

*Hôm qua đã rụng một rồi
Lá theo gió cuốn ra ngoài sơn thôn*

*Hôm nay lá thấy tôi buồn
Lìa cành theo gió lá lượn qua song*

*Hai tay ôm lá vào lòng
Than ôi, chiếc lá cuối cùng là đây!*

*Quạnh hiu như tấm thân này
Lại âm thầm sống những ngày gió mưa...*

1937

Lòng yêu đương

*Yêu yêu yêu mãi thế này!
Tôi như một kẻ sa lầy trong yêu
Cao bao nhiêu thấp bấy nhiêu
Một hai ba bốn năm chiều rồi... thôi.*

*Nơi này chán vạn hoa tươi
Để yên tôi hái đòng mời tôi lên
Một đi làm nở hoa sen
Một cười làm rụng hàng nghìn hoa mai
Hương thơm như thể hoa nhài
Những môi tô đậm làm phai hoa đào
Nồn nà như thể hoa cau
Thần hình yếu điệu ra màu hoa lan.*

*Ai yêu như tôi yêu nàng
Hợp nhau lại, hợp thành làng cho xinh
Chung nhau dựng một trường đình
Thờ riêng một vị thần linh là Nàng.*

Một lần

Tặng My Nương

*Gặp một lần thôi, nhớ chẳng quên
Nghe đâu đường những sáu ngày thuyền.
Chao ôi! Lòng ngỗng mà bay hết,
Biết lối nào lên tới xứ tiên?*

*Biết lối nào lên tới xứ nàng?
Để người Hà Nội nhớ mang mang.
Nàng đi, Hà Nội buồn như chết
Hà Nội buồn như một nhỡ nhàng.*

*Ôi! Lụa! Ôi! Đàn! Ôi! Tóc tơ!
Nàng làm thiên hạ muốn tơ vương.
Mưa xuân bay mãi làm chi thế?
Tôi nhớ ai nào? Xuân biết chưa?*

Vũng nước

*Hồn tôi như vũng nước đầy
Em như cữ nắng bảy ngày chưa thôi
Nắng dĩa vũng nước lên giờ
Làm mây lơ lửng để rồi làm mưa
Vũng khô năm đợi mười chờ
Mưa sang xứ khác, ai ngờ hồn tôi!*

Hết bướm vàng

*Anh trồng cả thấy hai vườn cải
Tháng chạp hoa non nở cánh vàng
Lũ bướm lảng giềng đang khát nhụy
Mách cùng gió sớm rủ rê sang.*

*Qua dâu tằm xuân thấy bướm nhiều
Bướm vàng vàng quá, bướm yêu yêu
Em sang bắt bướm vườn anh mãi
Quên cả làng Ngang động trống chèo.*

*Cách có một hôm em chẳng sang
Hôm nay đã đám ở làng Ngang
Hôm nay vườn cải hoa tàn hết
Em hồi từ nay hết bướm vàng!*

*Năm sau vườn cải nở hoa vàng
Bướm lại sang mà em chẳng sang
Thui thui một mình em bắt bướm
Trống chèo thuta thốt đám làng Ngang.*

*Em đã sang ngang với một người
Anh còn trông cải nữa hay thôi?
Đêm qua mơ thấy hai con bướm
Khép cánh tình chung ở giữa giờ.*

Không đề

*Hôm nay dưới bến xuôi đò
Thương nhau qua cửa tò vò nhìn nhau
Anh đi đây, anh về đâu?
Cánh bướm nâu, cánh bướm nâu, cánh bướm...*

Lữ bước sang ngang

1

-Em ơi! Em ở lại nhà
 Vườn dâu em đón, mẹ già em thương
 Mẹ già một nắng hai sương
 Chị đi một bước trăm đường xót xa
 Cây em, em ở lại nhà
 Vườn dâu em đón, mẹ già em thương.

Hôm nay xác pháo đầy đường
 Ngày mai khói pháo còn vương khắp làng
 Chuyển này chị bước sang ngang
 Là tan vỡ giấc mộng vàng từ đây
 Rượu hồng em uống cho say
 Vui cùng chị một vài giây cuối cùng
 Rồi đây sóng gió ngang sông
 Đây thuyền hận, chị lo không tới bờ.
 Miếu thiêng vụng kén người thờ
 Nhà hương khói lạnh chị nhờ cây em.
 Đêm nay là trắng ba đêm
 Chị thương chị kiếp con chim lìa đàn
 Một vai gánh lấy giang san...

Một vai nữa gánh muôn vàn nhớ thương
 Mắt quầng tóc rối tơ vương
 Em còn cho chị lược gương làm gì!
 Một lần này bước ra đi
 Là không hẹn một lần về nữa đâu
 Cách mấy mươi con sông sâu
 Và trăm ngang vạn nhịp cầu chênh vênh
 Cũng là thôi cũng là đành
 Sang sông lỡ bước riêng mình chị đâu?
 Tuổi son nhạt thấm phai đào
 Đầy thuyền hận, có biết bao nhiêu người!

Em đừng khóc nữa em ơi!
 Dầu sao thì sự đã rồi nghe em!
 Một đi bảy nổi ba chìm
 Trăm cay nghìn đắng con tim héo dần
 Dù em thương chị mười phần
 Cũng không ngăn nổi một lần chị đi.

Chị tôi nước mắt đầm đìa
 Chào hai họ để đi về nhà ai
 Mẹ trông theo mẹ thở dài
 Dây pháo đỏ hồng vang trời nổ ran
 Tôi ra đứng tận đầu làng
 Mẹ trông theo chị khuất ngàn dâu thừa...

2

Trời mưa ướt áo làm gì?
 Năm mươi bảy tuổi chị đi lấy chồng
 Người ta pháo đỏ rượu hồng
 Mà trên đầu chị một vòng hoa tang
 Lấn đầu chị bước sang ngang
 Tuổi son sông nước dò giang chưa tường
 Ở nhà em nhớ mẹ thương
 Bu gian trống, một mảnh vườn xác xơ
 Mẹ ngồi bên cửa xe tơ
 Thời thường nhắc: "Chị này giờ ra sao?"
 Chị bây giờ... nói thế nào?
 Bướm tiên khi đã lạc vào vườn hoang
 Chị từ lữ bước sang ngang
 Trời giông bão giữa tràng giang lật thuyền
 Xuôi dòng nước chảy liên miên
 Đưa thân thế chị tới miền đau thương
 Mười năm gói hận bên giường
 Mười năm nước mắt bữa thường thay canh
 Mười năm đưa đám một mình
 Đào sâu chôn chặt mối tình đầu tiên
 Mười năm lòng lạnh như tiền
 Tìm đi hết ... rồi duyên không về.

Nhưng em ơi! Một đêm hè
 Hoa xoan nở, xác con ve hoàn hồn
 Dừng chân trên bến sông buồn
 Nhà nghệ sĩ tưởng đồ còn chuyển sang
 Đoái thương thân chị lỡ làng
 Đoái thương phận chị dở dang những ngày
 Rồi... rồi chị nói sao đây?
 Em ơi! Nói nhỏ câu này với em...
 Thế rồi máu chảy về tim
 Duyên làm lành chị duyên tìm về môi
 Chị nay lòng ấm lại rồi
 Môi tình chết đã có người hồi sinh
 Chị từ đan díu với tình
 Đời tươi như buổi bình minh nạm vàng.
 Tìm ai khắc một chữ Nàng
 Mà tìm chị một chữ Chàng khắc theo...
 Nhưng yêu chỉ để mà yêu
 Chị còn dám ước một điều gì hơn
 Một lần hai lỡ keo sơn
 Mong gì gắn lại phím đòn ngang cung
 Rồi đêm kia lệ ròng ròng
 Tiễn đưa người ấy sang sông, chị về.
 Tháng ngày qua cửa buồng the
 Chị ngồi nhặt cánh hoa lê cuối mùa.

3

Úp mặt vào hai bàn tay
 Chị tôi khóc suốt một ngày một đêm
 - Đã dành máu chảy về tim
 Nhưng khôn buộc nổi cánh chim giang hồ
 Người đi xây dựng cơ đồ
 Chị về giống cỏ năm mốt thanh xuân
 Người đi khoác áo phong trần
 Chị về may áo liệm dần nhớ thương
 Hồn trinh ôm chặt chân giường
 Đã cùng chị khóc đoạn trường thơ ngây
 Năm xưa đêm ấy giường này
 Nghiến răng nhắm mắt cau mày... cực chưa?
 Thế là tàn một giấc mơ
 Thế là cả một bài thơ nào nùng
 Tuổi son má đỏ môi hồng
 Bước chân về đến nhà chồng là thôi
 Đêm qua mưa gió đầy giờ
 Trong hồn chị có một người đi qua
 Em về thương lấy mẹ già
 Đành mong ngóng chị nữa mà uống công
 Chị giờ sống cũng bằng không
 Coi như chị đã ngang sông đắm dờ.

1939

Đàn tôi

*Đàn tôi đứt hết dây rồi
Không người nối hộ, không người thay cho
Rì rào những buổi gieo mưa,
Lòng dờn ngổ tiếng quay tơ dầm dề.*

*Có cô lối xóm hàng năm
Trồng dâu tốt lá, chăn tằm ươm tơ
Năm nay đợi đến bao giờ
Dâu cô tới lứa, tằm cô chín vàng?
Tơ cô óng chuốt mịn màng
Sang xin một ít cho đàn có dây.*

Thoi tơ

*Em lo gì giờ giời
Em sợ gì giờ mưa
Em buồn gì mùa hạ
Em tiếc gì mùa thu.*

Em cứ yêu đời đi
Yêu đời như thuở nhỏ.
Rồi để anh làm thơ
Và để em dệt lụa.

Lụa dệt xong may áo
Áo anh và áo em
May áo nếu lụa thiếu
Xe tơ em dệt thêm.

Thơ làm xong anh đọc,
Bên anh em lắng nghe.
Và để lòng thổn thức,
Theo vần âu yếm kia.

Mộng đẹp theo ngày tháng
Đi êm đềm như thơ,
Khắc nào trên khung cửi
Qua lại chiếc thoi tơ...

Cô lái đò

*Xuân đã đem mong nhớ trở về
Lòng cô gái ở bến sông kia
Cô hồi tưởng lại ba xuân trước
Trên bến cùng ai đã nặng thề.*

*Nhưng rồi người khách tình xuân ấy
Đi biệt không về với bến sông
Đã mấy lần xuân trôi chảy mãi
Mấy lần cô gái mãi mòn trông...*

*Xuân này đến nữa đã ba xuân
Đóm lửa tình duyên tắt ngụi dần.
Chẳng lẽ ôm lòng chờ đợi mãi
Cô đành lỗi ước với tình quân.*

*Bỏ thuyền, bỏ bến, bỏ dòng trong
Cô lái đò kia đi lấy chồng
Vắng bóng cô em từ dạo ấy
Để buồn cho những khách sang sông.*

Cô hái mơ

*Thơ thần đường chiếu một khách thơ
Say nhìn ra rặng núi xanh lơ
Khí trời lặng lẽ và trong trẻo
Thấp thoáng rừng mơ cô hái mơ.*

*Hồi cô con gái hái mơ già
Cô chưa về ư? Đường thì xa
Mà ánh chiều hôm dần một tắt
Hay cô ở lại về cùng ta?*

*Nhà ta ở dưới gốc cây dương
Cạnh dòng Hương Sơn nửa dặm đường
Có suối nước trong tuôn róc rách
Có hoa bên suối ngát đưa hương.*

*Cô hái mơ ơi⁽¹⁾
Chẳng trả lời nhau lấy một lời
Cứ lặng rồi đi, rồi khuất bóng
Rừng mơ hiu hắt lá mơ rơi...*

⁽¹⁾ Câu này có bản in là: *Cô hái mơ ơi, cô hái mơ*

Lá thư về Bắc

Gửi anh N.H.C

*Có những đêm dài thức trắng đêm
Nghĩ thơ riêng gửi để anh xem
Anh ơi, từ độ ta xa cách
Anh có khi nào nhớ đến em?*

*Nhớ buổi chia tay trên bến xe
Lòng em thất lại lúc xe đi
Lẻ loi thân nhận sang Nam ấy
Biết có làm nên công cán gì?*

*Xe lửa qua Gôi, qua Ninh Bình
Lần lần xe lửa tuốt vô Thanh
Quay về đất Bắc, em thăm nhủ
Nơi ấy quê ta, ôi, cảm tình!*

*Xe lướt trôi đi những dặm đường
Những cồn cát trắng, những rừng hoang
Những ven biển thẳm, hăm om tối
Trong bóng đêm lan, trong nắng vàng.*

Một buổi sớm mai đến Sài Gòn
Thân em chẳng khác con chim non
Bơ vơ trong xứ người xa lạ
Rộn những phồn hoa, em chạnh buồn.

Rồi men tráng lệ châu thành ấy
Từ ấy in thêm bóng một người
Bóng một nhà thơ đầy nguyện vọng
Giấu lòng tin tưởng bước tương lai.

Nhà thơ còn trẻ lắm anh ơi
Chưa xã giao quen, chưa trải đời
Song le trường học thiên nhiên sẽ
Đào luyện nhà thơ nên một người.

Quán trọ nhà thơ như chiêm bao
Khi thì chợ Quán, khi Đa Kao
Hiện nay sống tạm bên Cầu Muối
Rồi biết mai kia ở chốn nào?

Lẽo đẽo đi trong gió bụi đời,
Gian nan vất vả quá anh ơi,
Lắm khi thấy thiếu lời an ủi
Nhưng kiếm đâu ra? Dẫu một lời!

*Thình thoảng anh nên phi ít giờ
Viết cho em lấy một dòng thư
Trời ơi! Tưởng tượng em sung sướng
Được đọc thư anh gửi bất ngờ.*

*Viết gửi về anh, anh coi chơi
Một vài dòng ngắn thế này thôi.
Để anh thấu rõ tình mong nhớ
Của đứa em anh ở cuối trời.*

*Kính thăm tất cả người thân thích
Còn chuyện phương xa, để lúc về
(Là lúc khải hoàn thân gió bụi)
Quê nhà em sẽ kể anh nghe.*

Tương tư

Thôn Đoài nhớ thôn Đông
 Một người chín nhớ mười mong một người
 Gió mưa là bệnh của giời
 Tương tư là bệnh của tôi yêu nàng.
 Hai thôn chung lại một làng.
 Cớ sao bên ấy chẳng sang bên này?
 Ngày qua ngày lại qua ngày
 Lá xanh nhuộm đã thành cây lá vàng
 Bảo rằng cách trở đò giang
 Không sang là chẳng đường sang đã đành
 Nhưng đây cách một đầu đình
 Có xa xôi mấy mà tình xa xôi?
 Tương tư thức mấy đêm rồi
 Biết cho ai, hỏi ai người biết cho?
 Bao giờ bến mới gặp đò
 Hoa khuê các bướm giang hồ gặp nhau?

Nhà em có một giàn giầu
 Nhà tôi có một hàng cau liên phòng
 Thôn Đoài thì nhớ thôn Đông
 Cau thôn Đoài nhớ giầu không thôn nào?

Hoàng Mai 1939

Viếng hồn trinh nữ

*Chiều về chậm chậm trong hiu quạnh
Tơ liễu theo nhau chảy xuống hồ
Tôi thấy quanh tôi và tất cả
Kinh thành Hà Nội chút khăn xô.*

*Nước mắt chạy quanh, tình thắt lại
Giờ đây tôi khóc một người về
Giờ đây tôi thấy hồn cay đắng
Như có ai mời chén biệt ly.*

*Sáng nay vô số lá vàng rơi
Người gái trinh kia đã chết rồi!
Có một chiếc xe màu trắng đục
Hai con ngựa trắng xếp hàng đôi.*

*Đem đi một chiếc quan tài trắng
Và những vòng hoa trắng lạnh người
Theo bước, những người khăn áo trắng
Khóc hồn trinh trắng mãi không thôi.*

Để đưa nàng đến nghĩa trang này
Nàng đến đây rồi ở lại đây
Ở nhỉ, hôm nay là mấy nhỉ?
Suốt đời tôi nhớ mãi hôm nay.

Từ nay xa cách mãi mà thôi
Tìm thấy làm sao được bóng người
Vừa mới hôm nào còn then then
Tay cầm sáp đỏ đặt lên môi.

Chiếc áo màu xanh tựa nước hồ
Nàng vừa may với gió đầu thu
Gió thu còn lại bao nhiêu gió
Chiếc áo giờ đây bạc dưới mộ.

Chắc hẳn những đêm như đêm qua
Nàng còn xây mộng giữa chôn hoa
Chôn hoa ướp một trời xuân sắc
Đến tận tận canh rộn tiếng gà.

Chắc hẳn những đêm như đêm kia
Nửa đêm lạnh lạnh gió thu về
Nàng còn thao thức ôm cho chặt
Chiếc gối bông mềm giữa giấc mê...

Nhưng sáng hôm nay nàng lặng im
Máu đào ngừng lại ở nơi tim¹¹
Mẹ già xé vội khăn tang trắng
Quán vội lên đầu mấy đứa em.

Người mẹ già kia tuổi đã nhiều
Đã từng đau khổ biết bao nhiêu
Mà nay lại khóc thêm lần nữa
Nước mắt còn đâu buổi xế chiều.

Những đứa em kia chưa khóc ai
Mà nay phải khóc một người rồi
Mà nay trên những môi non ấy
Chẳng được bao giờ gọi: Chị ơi!

Nàng đã qua đời, để tới nay
Có chàng đi hứng gió heo may
Bên hồ để mặc mưa rơi ướt
Đếm mãi hàng quơ những dấu giày.

¹¹ Có bản in là: Máu đào ngừng lại chẳng về tim

Người ấy hình như có biết nàng
 Có lần toan tính chuyện sang ngang
 Nhưng hôn nàng tựa con thuyền bé
 Vội cầm nghìn thu ở suối vàng.

Có gì vừa mất ở đâu đây
 Lòng thấy mềm như rượu quá say
 Hốt hoảng chẳng tìm trong bóng tối
 Bàn tay lại nắm phải bàn tay.

Chỉ một vài hôm nữa thế rồi,
 (Người ta thương nhớ có ngần thôi)
 Người ta nhắc đến tên nàng để
 Kể chuyện nàng như kể chuyện vui.

Tôi với nàng đây không biết nhau
 Mà tôi thương tiếc bởi vì đâu?
 “Mỹ nhân tự cổ như danh tướng,
 Bất hủ nhân gian kiến bạch đầu.”⁽¹⁾

Hà Nội 1940

⁽¹⁾ Hai câu thơ Đường, tạm dịch:
 Người đẹp từ xưa như tướng giỏi
 Chẳng dễ trên gian thấy bạc đầu.

Ghen

*Cô nhân tình bé của tôi ơi!
Tôi muốn môi cô chỉ mỉm cười
Những lúc có tôi và mắt chỉ
Nhìn tôi những lúc tôi xa xôi.*

*Tôi muốn cô đừng nghĩ đến ai
Đừng hôn dù thấy cánh hoa rơi⁽¹⁾
Đừng ôm gối chiếc đêm nay ngủ
Đừng tắm chiều nay biển lắm người.*

*Tôi muốn mùi thơm của nước hoa
Mà cô thường xúc chẳng bay xa
Chẳng làm ngáy ngất người qua lại
Dẫu chỉ qua đường khách lại qua.*

*Tôi muốn những đêm đông giá lạnh
Chiêm bao đừng lẫn quất bên cô
Bằng không tôi muốn cô đừng gặp
Một trẻ trai nào trong giấc mơ.*

⁽¹⁾ Có bản in là: Đừng hôn dù thấy bó hoa rơi

Tôi muốn làn hơi cô thở nhẹ
Đừng làm ẩm áo khách chưa quen
Chân cô in vết trên đường bụi
Chẳng bước chân nào được giẫm lên.

Nghĩa là ghen quá đấy mà thôi
Thế nghĩa là yêu quá mất rồi
Và nghĩa là cô và tất cả
Cô là tất cả của riêng tôi!

Chân quê

Hôm qua em đi tỉnh về
Đợi em ở mãi con đê đầu làng
Khăn nhung quần lĩnh rộn ràng
Áo cài khuy bấm, em làm khổ tôi!
Nào đâu cái yếm lụa sồi?
Cái dây lưng dũi nhuộm hồi sang xuân?
Nào đâu cái áo tứ thân?
Cái khăn mỏ quạ, cái quần nái đen?

Nói ra sợ mất lòng em
Van em em hãy giữ nguyên quê mùa

Như hôm em đi lễ chùa
Cứ ăn mặc thế cho vừa lòng anh

Hoa chanh nở giữa vườn chanh
Thầy u mình với chúng mình chân quê
Hôm qua em đi tỉnh về
Hương đồng gió nội bay đi ít nhiều.

1936

Đêm cuối cùng

Hội làng mở giữa mùa thu
Giời cao gió cả giăng như ban ngày.

Hội làng còn một đêm nay
Gặp em còn một lần này nữa thôi
Phường chèo đóng Nhị Độ Mai
Sao em lại đứng với người đi xem?
Mấy lần tôi muốn gọi em
Lớp Mai Sinh tiễn Hạnh Nguyên sang Hồ.

Tình tôi mở giữa mùa thu
Tình em lặng lặng kín như buồng tắm.

1936

Nhớ

Ví chẳng nhớ có như tơ nhĩ
Em thử quay xem được mấy vòng
Ví chẳng nhớ có như vừng nhĩ
Em thử lào xem được mấy thưng!

Anh ơi! Em nhớ em không nói
Nhớ cứ đẩy lên cứ rối lên
Từ đây về đây xa quá đỗi!⁽¹⁾
Đường đi bằng ngựa hay bằng thuyền?

Gieo thoi gieo thoi lại gieo thoi
Nhớ nhớ mong mong mãi mãi rồi
Thoi à làm sao thoi lại cứ
Đi về giăng mắc để trêu tôi?

Hôm qua chim khách đậu trên cành
Kêu mãi làm em cứ tưởng anh
Nói nhét hôm qua về tới bến
Ai ngờ chim khách cũng không linh!

Anh bốn mùa hoa em một bẽ
Anh muôn quán trọ, em thâm khuê
May còn hơn được ai sương phụ
Là nhớ người đi có thể về.

1936

⁽¹⁾ Có bản in là: Từ đây về đây xa lắm nhĩ.

Qua nhà

Cái ngày cô chưa có chồng
Đường gần tôi cứ đi vòng cho xa
Lối này lắm bụi nhiều hoa
(Đi vòng để được qua nhà đấy thôi)
Một hôm thấy cô cười cười
Tôi yêu yêu quá nhưng hơi mất lòng
Biết đâu rồi chả nói chồng:
“Làng mình khối đứa phải lòng mình đây!”.

Một năm đến lắm là ngày
Mùa thu mùa cốm vào ngay mùa hồng.

Từ ngày cô đi lấy chồng
Góm sao có một quăng đồng mà xa
Bờ rào cây bụi không hoa
Qua bên nhà thấy bên nhà vắng teo.

Lợn không nuôi, đặc ao bèo
Giậu không dây chẳng buồn leo vào giàn
Giếng phơi mưa ngập nước tràn
Ba gian đầy cả ba gian nắng chiếu.

Những bóng người trên sân ga

Những cuộc chia lìa khởi từ đây
Cây đàn sum họp đứt từng dây
Những đời phiêu bạt thân đơn chiếc
Lần lượt theo nhau suốt tối ngày.

Có lần tôi thấy hai cô bé
Sát má vào nhau khóc sụt sùi
Hai bóng chung lưng thành một bóng
“Đường về nhà chị chắc xa xôi?”.

Có lần tôi thấy một người yêu
Tiễn một người yêu một buổi chiều
Ở một ga nào xa vắng lắm
Họ cầm tay họ bóng xiêu xiêu.

Hai người bạn cũ tiễn chân nhau
Kẻ ở trên toa kẻ dưới tàu
Họ giục nhau về ba bốn bận
Bóng nhòa trong bóng tối từ lâu.

Có lần tôi thấy vợ chồng ai
Thên thện đưa nhau bóng chạy dài
Chị mở khăn giấu, anh thất lại:
"Mình về nuôi lấy mẹ, mình ơi!".

Có lần tôi thấy một bà già
Đưa tiễn con đi trấn ải xa
Tàu chạy lâu rồi bà vẫn đứng
Lưng còng đổ bóng xuống sân ga.

Có lần tôi thấy một người đi
Chẳng biết về đâu nghĩ ngợi gì
Chân bước hững hờ theo bóng lẻ
Một mình làm cả cuộc phân ly.

Những chiếc khăn màu thổn thức bay
Những bàn tay vẫy những bàn tay
Những đôi mắt ướt tìm đôi mắt
Buồn ở đâu hơn ở chốn này?

Hà Nội 1937

Quan Trạng

*Quan Trạng đi bốn lọng vàng
Cờ thêu tám lá qua làng Trang Nghiêm⁽¹⁾
Mọi người hôn hờ ra xem
Chỉ duy có một cô em chạnh buồn
Từ ngày cô chữa thành hôn
Từ ngày anh khoá vẫn còn hàn vi
Thế rồi vua mở khoa thi
Thế rồi quan Trạng vinh quy qua làng...*

1937

Giấc mơ anh lái đò

*Năm xưa chở chiếc thuyền này
Cho cô sang bãi tước đay chiều chiều
Để tôi mơ mãi mơ nhiều
“Tước đay xe võng nhuộm điều ta đi.*

⁽¹⁾ Làng Trang Nghiêm tục gọi là làng Ngâm.

"Tung bình vua mở khoa thi
 "Tôi đồ quan Trạng vinh quy về làng
 "Võng anh đi trước võng nàng
 "Cả hai chiếc võng cùng sang một dò".

Đón rặng đám cưới cô to
 Nhà giai thuê chín chiếc đồ đón dâu
 Nhà gái ăn chín nghìn cau
 Tiễn cheo tiễn cưới chùng đầu chín nghìn...
 Lang thang anh dạm bán thuyền
 Có người giá chín quan tiễn lại thôi!

Buông sào cho nước sông trôi
 Bãi dáy loáng thoáng, tôi ngồi tôi mơ
 Có người con gái đang tơ,
 Vẫy tay ý muốn sang nhờ bãi dáy.

Sao cô không gọi sáng ngày
 Giờ thuyền tôi chờ đã đầy thuyền mơ.
 Con sông nó có hai bờ
 Tôi chưa đồ Trạng thôi cô lại nhà.

1938

Chùa vắng

*Gió chiều cần nguyện đầu dây
Nắng chiều cắt đoạn một ngày cuối thu
Sư già quét lá sau chùa,
Để thiêu xác lá trước giờ lên chuông.*

Hoa cỏ may

*Hồn anh như hoa cỏ may
Một chiều cả gió bám đầy áo em.*

Chờ nhau

*Láng giếng đã đổ đèn đầu
Chờ em chừng đập miếng giầu em sang
Đôi ta cùng ở một làng
Cùng đi một ngõ vội vàng chỉ anh
Em nghe họ nói mong manh
Hình như họ biết chúng mình với nhau.*

*Ai làm cả gió đất cau
Mấy hôm sương muối cho giầu đổ non?*

1937

Tình tôi

*Tình tôi là giọt thủy ngân
Dù nghiêng chẳng nát dù lăn vẫn tròn
Tình cô là đoá hoa đơn
Bình minh nở để hoàng hôn mà tàn.*

*Lòng tôi rồi những tơ đàn
Cao vời những ước đầy tràn những mơ
Lòng cô chẳng có dây tơ
Ước sao đến thấp mà mơ đến nghèo!*

*Hồn tôi giếng ngọt trong veo
Trăng thu trong vắt biển chiều trong xanh
Hồn cô cát bụi kinh thành
Đa đoan vó ngựa chung tình bánh xe.*

1940

Xuân về

Đã thấy xuân về với gió đông
 Với trên màu má gái chửa chồng
 Bên hiên hàng xóm cô hàng xóm
 Ngútóc mắt nhìn giờ đôi mắt trong.

Từng đàn con trẻ chạy xun xoe
 Mưa tạnh giờ quang nắng mới hoe
 Lá nồm nhành non ai trắng bạc
 Gió về từng trận gió bay đi.

Thong thả dân gian nghỉ việc đồng
 Lúa thì con gái mượt như nhung
 Đầy vườn hoa buổi hoa cam rụng
 Ngào ngạt hương bay, bướm vẽ vòng.

Trên đường cát mịn một đôi cô
 Yếm đỏ khăn thâm thấy hội chùa
 Gậy trúc dắt bà già tóc bạc
 Tay lần tràng hạt miệng nam mô.

1937

Người hàng xóm

Nhà nàng ở cạnh nhà tôi
 Cách nhau cái giậu mừng tôi xanh rờn
 Hai người sống giữa cô đơn
 Nàng như cũng có nỗi buồn giống tôi
 Giá đừng có giậu mừng tôi
 Thế nào tôi cũng sang chơi thăm nàng
 Tôi chiêm bao rất nhẹ nhàng
 Có con bướm trắng thường sang bên này...
 Bướm ơi, bướm hãy vào đây
 Cho tôi hỏi nhỏ câu này chút thôi
 Chả bao giờ thấy nàng cười
 Nàng hong tơ ướt ra ngoài mái hiên
 Mắt nàng đắm đắm trông lên
 Con bướm bướm trắng về bên ấy rồi
 Bỗng dưng tôi thấy bồi hồi
 Tôi buồn tự hỏi: hay tôi yêu nàng?
 Không, từ ân ái nhớ nhàng
 Tình tôi than lạnh tro tàn làm sao!
 Tơ hong nàng chả cất vào
 Con bướm bướm trắng hôm nào cũng sang.
 Máy hôm nay chớ thấy nàng
 Giá tôi cũng có tơ vàng mà hong

Cái gì như thể nhớ mong?
 Nhớ nàng, không, quyết là không nhớ nàng.
 Vàng, từ ân ái nhớ nhàng
 Lòng tôi riêng nhớ bạn vàng ngày xưa.

Tầm tầm giời cứ đổ mưa
 Hết hôm nay nữa là vừa bốn hôm!
 Cô đơn buồn lại thêm buồn
 Tạnh mưa bướm bướm biết còn sang chơi?

Hôm nay mưa đã tạnh rồi
 Tơ không hong nữa, bướm lười không sang
 Bên hiên vẫn vắng bóng nàng
 Rưng rưng tôi gục xuống bàn... rưng rưng.

Nhớ con bướm trắng lạ lùng
 Nhớ tơ vàng nữa, nhưng không nhớ nàng
 Hối ới bướm trắng tơ vàng
 Mau về mà chịu tang nàng đi thôi
 Đêm qua nàng chết thật rồi
 Nghẹn ngào tôi khóc, quả tôi yêu nàng.
 Hồn trinh còn ở trần gian
 Nhập vào bướm trắng mà sang bên này.

1940

Thư gửi thầy mẹ

Ai về làng cũ hôm nay
 Thư này đưa hộ cho thầy mẹ tôi
 Con đi mười mấy năm trời
 Một thân bé bỏng, nửa đời gió sương.
 Thầy đừng nhớ, mẹ đừng thương.
 Cầm như đồng kẽm, ngang đường bỏ rơi!
 Thầy mẹ ơi! thầy mẹ ơi
 Tiếc công thầy mẹ để người con hư!

Con đi năm ấy tháng tư
 Lúa chiêm xấp xỉ gổ từ tháng ba
 Con đi quanh cửa quanh nhà
 Cha già đập lúa, mẹ già giũ rơm
 Cha dậm gạo, mẹ vắn cơm
 Có con con vắng ai làm thay con
 Con đan dúi nợ giang hồ
 Một mai những tướng cơ đồ làm nên.

Ai ngờ ngày tháng lưu niên
Đã không gọi chút báo đền dương sinh
Lại mang ân ái vào mình
Cái yêu làm tội làm tình cái thân
Bỏ tay như kẻ hàng thần
Chán chường như lũ tàn quân lia thành.

Mẹ cha thì nhớ thương mình
Mình đi thương nhớ người tình xa xôi...
Ở thư này thầy mẹ ơi
Nhận cho con lấy vài lời kính thăm
Xin thầy mẹ cứ yên tâm
Đừng thương nhớ, một vài năm con về
Thầy ơi, đừng chặt vườn chè
Mẹ ơi đừng bán cây lê con trồng...
Nhớ thương thầy mẹ khôn cùng
Lạy thầy, lạy mẹ thấu lòng cho con.

Nhớ người trong nắng

*Hà Nội cơ hồ loạn tiếng ve
Nắng dằng làm lụi cả trưà hè
Năm xưa một buổi đang mưa lụi
Tôi tiễn chân người sang biệt ly.*

*Từ buổi về đây sâu lại sâu
Người xa vời quá, ai thương đâu!
Tôi đi giữa mặt trên hè vắng
Xem những cành cây nó cười nhau.*

*Nhớ nhung trắng xóa cả mây trời.
Trắng xóa hồn tôi, ai nhớ tôi?
Hoa cuối cùng xoan rồi rụng hết
Lấy gì phảng phất được màu môi?*

*Có một trai hiền, một gái xinh
Ngang qua, chùng giữa chuyện ân tình
Trai cười: “Bữa ấy mình toan giữ
Mãi dấu môi son trên má mình...”.*

*Cây bông thưa dần, bông dần ra
Quanh tôi chỉ thấy nắng chan hoà
Hồn này lãng dăng trôi trong nắng
Cho được trôi về bến Trữ La!*

Khăn hồng

Gửi chị Trúc

*Chị cho em chị chiếc khăn thêu
Ý chị thương em khóc đã nhiều
Khóc chị ngày xưa, giờ lại khóc
Cho mình khi tắt một tình yêu.*

*Em nhớ mùa xuân năm ngoái đây
Em sang thăm chị, ở hai ngày
Vắng người, em có thưa cùng chị:
- Em đã yêu và đã đắm say!*

*Đưa ảnh người yêu cho chị xem,
(Cả thư người ấy gửi cho em)
Chị cười: "Đáng sợ là đôi mắt...
Chưa khóc đêm nào đến trắng đêm.*

*Em cứ yêu đi, thực thủy chung,
Yêu đi rồi chị tặng khăn hồng.
Bao giờ... vui nhỉ? Về ăn cưới
Chắc chẳng như chị lấy chồng".*

Em đi theo đuổi mãi tơ duyên
 Dò mãi lòng sông, sắm mãi thuyền.
 Cho đến một hôm em mới nhớ:
 “Lòng người...” chị Trúc nhớ hay quên?

Người ta đi lấy cái giàu sang
 Rồi cả keo sơn, bỏ đá vàng
 Mới nửa đời thôi em phải khóc
 Hai lần hai chuyến bước sang ngang.

Em đi mất tích một mùa xuân
 Đi để chôn vùi hận ái ân
 Không hiểu nghe ai mà chị biết
 Em về chị giữ một vuông khăn.

Em đã dùng khăn chị để lau
 Bao nhiêu nước mắt của u sầu
 Em còn sợ nữa mùa thu tới
 Người ấy còn đan áo nữa đâu.

Em vẫn nghe lời chị: “Thuỷ chung...”
 Cho nên khăn chị vẫn phai hồng
 Đen thân về ở vườn dâu cũ
 Buồn cũng như khi chị lấy chồng...

Nhật nắng

Cô gái nhà ai ở xóm Đông
Sang đây một sớm nắng vàng trong
Cùng hai cô bạn bên bờ giếng
Nhật nắng trong cây, kể chuyện lòng.

Tôi về dưỡng bệnh ở nơi đây
Nhà trọ thân đơn tối lại ngày
Từ buổi nhìn qua song cửa sổ
Bệnh dường như khỏi, dạ như say

Tôi ở thôn Đoài, cô thôn Đông
Biết còn gặp gỡ được nhau không?
Cách hai bờ giếng như xa cách
Như kẻ đầu sông, kẻ cuối sông.

Giếng cạn nên khôn thả lá vàng
Khôn nhờ gió sớm nhắn tin sang
Lá ơi! Và gió ơi! Tôi biết
Tình chữa chung đôi đã lỡ làng.

Cô chẳng bao giờ biết đến tôi
Mà tôi đan diều mấy đêm rồi
Mấy đêm đan diều người trong mộng
Mộng tỉnh, canh tàn, lệ ướt rơi.

Chòm hoa dâm bụt bên bờ giếng
Nở đỏ như muôn mảnh lụa điều
Tôi dối lòng tôi nên chẳng dám
Nhận là mình đã bắt đầu yêu.

Quán trọ từ nay thêm bóng cô
Nhưng tôi hồn mất tự bao giờ!
Tôi mong nhớ lắm, tôi mong mãi
Một buổi nào đây chẳng hẹn hò.

Cô lại sang đây, cô lại ngồi
Bên bờ giếng nắng nắng vàng rơi
Nắng vàng rơi mãi bên bờ giếng
Sao nắng vàng không hẹn một lời?

Tình có cho đi chẳng có về
Lòng kêu gọi mãi chẳng ai nghe
Cho nên từ đây tôi ngơ ngẩn
Làm những bài thơ lạc cả đề.

Em với anh

*Lòng em như quán bán hàng
Dừng chân cho khách qua đường mà thôi
Lòng anh như mảng bèo trôi
Chỉ về một bến chỉ xuôi một chiều.*

*Lòng anh như biển sóng cồn
Chứa muôn con nước nghìn con sông dài
Lòng em như chiếc lá khoai
Đổ bao nhiêu nước ra ngoài bấy nhiêu.*

*Lòng anh như hoa hướng dương
Trăm nghìn đổ lại một phương mặt trời
Lòng em như cái con thoi
Thay bao nhiêu suốt mà thoi vẫn lành.*

1940

Một con sông lạnh

*Chén sầu nghiêng giữa trăng giang
Canh gà bên nớ giăng sang bên này
Khoan dân, em hãy gắng say
Một đêm, chỉ một đêm nay thôi mà!
Chúng tôi người bên sông xa
Giang hồ một chuyến về qua xứ này
Phiên em dăm bảy đường tay
Một con sông lạnh vài dây tơ tằm.*

*... Rung rung ánh nến hoen vàng
Hơi men lắng xuống tiếng đàn cao lên.
Ô, nàng chẳng phải là em
Tôi nghe vó ngựa hoà Phiên, rõ ràng
Đừng em - quên đấy - thôi nàng
Đất Hồ xa quá, nàng sang sao đành.
Trời ơi Hán Đế vô tình
Tôi xin đốt cả kinh thành ấy đi...
Chưa say, em, đã say gì
Chúng tôi còn uống, còn nghe em đàn.*

... Rung rung ánh nến hoen vàng
Rồi đây nước nở muôn ngàn nhớ thương
Đôi dây như thể đôi đường
Em ơi, Hà Nội là phương hướng nào?
Đêm tàn chẳng có chiêm bao
Đêm tàn có mấy chùm sao cũng tàn
Chén sầu đổ ướt trăng giăng
Canh gà bên nớ giăng sang bên này
Lay giới đừng sáng đêm nay
Đò quên cập bến, tôi say suốt đời.
Chiêu Quân lên ngựa mất rồi...

Huế - 1941

Thôi nàng ở lại

*Hoa đào từng cánh rơi như tuyết
Xuống mặt sân rêu những giọt buồn
Như những tim tình tan vỡ ấy
Nhện già giăng mắc sợi tơ đơn.*

*Nàng đến thăm tôi một buổi chiều
Những mong chấp nối lại thương yêu
Nhưng tôi không dám, tôi không thể
Chấp nối bao nhiêu khổ bấy nhiêu.*

*Nàng hỏi! Tôi không thể dối nàng
Dối tôi mà lại nói yêu đương
Tôi giờ như một người tang tóc
Chả dám cùng ai dệt mộng vàng.*

*Nàng hãy vì tôi đoán một lời,
Từ nay nàng đã hết yêu tôi
Từ nay ta sẽ xa nhau mãi
Và sẽ quên nhau đến trọn đời.*

Nàng hãy đi xây lại cuộc đời
Rồi đây ai nhắc đến tên tôi
Và ai có hỏi: "Là ai nhỉ?"
Nàng lạnh lùng cho: "Chả biết ai!".

Tôi sẽ đi đây! Tôi sẽ quên!
Trọn đời làm một kẻ vô duyên
Trọn đời làm một thân cô lữ
Ở mọi đường xa ở mọi miền

Ài đi chấp lại cánh hoa rơi?
Bắt bóng chim xa tận cuối trời
Có lẽ ngày mai đò ngược sớm
Thôi nàng ở lại... để quên tôi.

Truyện cổ tích

*Em ạ! Ngày xưa vua nước Bướm
Kén nhân tài mở Đệch lang khoa
Vua không lấy trạng, vua thể thể
Con bướm vàng tuyền đậu Thâm Hoa.*

*Vua liền gọi gả con gái yêu
Nàng đẹp như em chả nói điều
Vua nuông hai vợ chồng phò mã
Cho nhờ xem hoa sớm lại chiều.*

*Một hôm hai vợ chồng quan Thám
Mê mãi xem hoa lạc lối về
Vợ khóc: "Mình ơi, em hãi lắm!"
Trời chiều lạc lối tới vườn lê.*

*Vườn đầy hoa trắng như em ấy
Bỗng một bà tiên hiện ra
Sao mà đẹp thế! Tiên mà lại!
Nữ chúa vườn lê đi thăm hoa.*

Bà thấy vợ chồng con bướm dại
Sụt sùi ngồi khóc dưới hoa lê
Đến bên âu yếm bà thương hại:
“Ý hân hai con lạc lối về?”

“Đây về nước Bướm đường thì xa
“Về tạm nhà ta ngủ với ta
“Có đủ chăn thêu cùng gối gấm
“Có nhiều bánh ngọt ướp hương hoa...”

Đêm ấy chăn êm và gối êm
Vợ chồng ăn bánh với bà tiên
Ăn xong thoát chốc liền thay lột
Chồng hoá làm anh, vợ hoá em.

1938

Đôi khuyên bạc

*Làng bên vào đám, tối nay chèo
Nàng thấy bà đi, tất tuổi theo.
Tầm tơ kéo được đôi khuyên bạc
Dấu giếm nay nàng mới dám đeo.*

*Nàng đẹp mà nàng lại có duyên
Trai thôn thâm liếc, liếc thâm khen.
Thấy họ nhìn mình, nàng quá thẹn
Niu bà về để... tháo đôi khuyên.*

Thơ xuân

*Đây cả mùa xuân đã đến rồi
Từng nhà mở cửa đón vui tươi
Từng cô em bé so màu áo
Đôi má hồng lên nhí nhánh cười.*

*Và tựa hoa tươi cánh nở dần
Từng hàng thực nữ dậy thi xuân
Đường hương thảo thức lòng quân tử
Vó ngựa quen rồi ngõ ái ân.*

Từng gã thư sinh biếng chải đầu
Một mình mơ ước chuyện mai sau
Lên kinh thi đỗ làm quan Trạng
Công chúa cài trâm thả tú cầu.

Có những ông già tóc bạc phơ
Rượu đào đôi chén bút để thơ
Những bà tóc bạc hiền như Phật
Sắm sửa hành trang trẩy hội chùa.

Pháo nổ đầu dây khói ngợp trời
Nhà nhà đoàn tụ dưới hoa tươi
Lòng tôi như cánh hoa tiên ấy
Một áng thơ để nét chẳng phai.

Mùa xuân xanh

*Mùa xuân là cả một mùa xanh
Giời ở trên cao, lá ở cành
Lúa ở đồng tôi và lúa ở
Đồng nàng và lúa ở đồng anh.*

*Cỏ nằm trên mộ đợi thanh minh
Tôi đợi người yêu đến tự tình
Khỏi lũy tre làng tôi nhận thấy
Bắt đầu là cái thất vọng xanh.*

Xây lại cuộc đời

Gửi chị Trúc

*Đố chị thư này ai viết nhé,
Chị ơi, em bé chị đây mà!
Được tin người ấy cho em biết:
"Chị Trúc giờ đang bận chữa nhà".*

Ổ nhỉ, nhà ta ở phố nào?
 Số để chẵn lẻ? Máy tầng cao?
 Quanh nhà rụng trắng hay rơi đỏ?
 Giăng gió bao nhiêu lối lọt vào?

Nhà mới bao giờ chị chữa xong?
 Bao giờ cho thợ chén "hồi công?"
 Bao giờ chị dọn sang bên đó?
 Xem lịch khai trương, đốt pháo hồng?

Ủi chà, chị bận nhiều như thế
 Em lại còn đi hỏi vấn vợ.
 Vốn đoảng là em, chiều ấy chị
 Thôi em đến chị một bài thơ.

Nhưng chị hiền ơi, chị Trúc ơi,
 (Câu này em chỉ hỏi thăm thôi)
 "Chị tôi ai giúp, hay giới giúp
 Cho chị tôi xây lại cuộc đời?"

Người con gái lâu hoa

*Nhà nàng ở gốc cây mai trắng
Trên xóm mai vàng dưới đê kinh
Có một buổi chiều qua lối ấy
Tôi về dệt mãi mộng ba sinh.*

*Tôi rót hồn tôi xuống mắt nàng
Hồn tôi là cả một lời van
Tôi van nàng đấy! Van nàng đấy!
Ai có yêu đương chả vội vàng?*

*Tôi rót hồn tôi xuống đã nhiều
Hồn tôi còn có được bao nhiêu?
Tôi đi sợ cả lời tôi nói
Sợ cả gần nàng, sợ cả yêu.*

*Nàng có bao giờ nghĩ đến không?
Không, nàng đan áo suốt mùa đông
Mùa xuân qua cửa tôi qua cửa
Nàng chả nhìn cho đến nỗi nùng!*

Tôi mĩa mai tôi, oán trách tôi
Làm sao lại cứ cậm lời? ...
Thì trăm con gái nghìn con gái
Nàng cũng là người con gái thôi.

Có một nghìn đêm tôi chiêm bao
Ba đêm nay khóc với mưa rào
Đêm nay mắt đỏ rồi mưa tạnh
Tôi khóc âm thầm dưới bóng sao.

Nàng ở lâu hoa ở đêm hồng
Có đêm nào nghĩ đến tôi không?
Không không, chẳng có đêm nào cả
Chẳng có đêm nào hé cửa song...

Thanh đạm

*Nhà gianh thì sẵn đấy
Vợ xấu có làm sao
Cuộc kêu dài bãi sậy⁽¹⁾
Hoa súng nở đầy ao.*

*Mấy sào vườn đất mới
Giống dâu và giống cam
Không ngại xa người tới
Thăm tôi tôi cảm ơn.*

*Làng bên sẵn rượu ngon
Đêm nay ta đối ẩm
Tre nhà đương cũ ẩm
Tha hồ mà măng non.*

*Đường làng không tiện xe
Sớm mai người hãy trẩy
Cây nguyệt nằm suông mãi
Tôi xin đàn người nghe.*

⁽¹⁾ Có bản in là: Cuộc kêu ngoài bãi sậy

Trưa hè

*Trưa hè một buổi nắng to
Gió tây nổi, cánh đồng ngô rào rào
Con đường thấp, con đê cao
Bọn người đi chợ rẽ vào đồng ngô
Tiếng cười chen tiếng nói to
Dáng chững trong bọn có cô chưa chồng.*

Tết của mẹ tôi

*Tết đến mẹ tôi vất vả nhiều
Mẹ tôi lo liệu đủ trăm chiều
Sắn gạch tường hoa người quét lại
Vẽ cây trừ quỷ, giống cây nêu.*

*Nuôi hai con lợn tết ngày xưa
Mẹ tôi đã tính “Tết thì vừa”
Trữ gạo nếp thơm, mo gói bó
Dọn nhà, dọn cửa, rửa ban thờ.*

Nay là hăm tám tết rồi đây
 (Tháng thiếu cho nên hụt một ngày)
 Sắm sửa đồ lễ về việc tết
 Mẹ tôi đi buổi chợ hôm nay.

Không như mọi bận người mua quà
 Chỉ mua pháo chuột và tranh gà
 Cho các em tôi đứa mỗi chiếc
 Dán lên khắp cột, đốt inh nhà.

Giết lợn, đồ xôi, lại giết gà
 Cổ bàn xong cả từ hôm qua
 Suốt đêm giao thừa mẹ tôi thức
 Lắm nhấm cầu kinh Đức Chúa Ba.

Mẹ tôi gọi cả các em tôi
 Đến bên mà dặn: "Sáng ngày mai"
 Các con phải dậy sao cho sớm
 Đầu năm năm mới phải lạnh trai.

Mặc quần mặc áo lên trên nhà
Thắp hương thắp nến lễ ông bà
Chớ có cãi nhau, chớ có quấy
Đánh đồ, đánh vỡ như người ta..."

Sáng ngày mồng một sớm tinh sương
Mẹ tôi cấm chúng tôi ra đường
Mở hàng mỗi đứa năm xu rưỡi
Rửa mặt hoa mùi nước đượm hương.

Thấy tôi lấy một tờ hoa tiên
Bút lông chấm mực viết lên trên
Trên những gì gì tôi chẳng biết
Giữa đề năm tháng, dưới đề tên.

Mẹ tôi thắt lại chiếc khăn sồi
Rón rén lên bàn thờ ông tôi
Đôi mắt người trông thành kính quá
Ngước xem hương cháy đến đâu rồi.

Mẹ tôi uống hết một cốc rượu
Mặt người đỏ ửng vì hơi men
Người rủ cô tôi đánh tam cúc
Cười âm tối đỏ dè tối đen.

Tôi mặc một chiếc quần mới may
Áo hương, khăn lượt, chân đi giày
Cho tôi sang lễ bên quê ngoại
Người dặn con đừng uống rượu say.

Xong ba ngày tết mẹ tôi lại
Đầu tắt mặt tối nuôi chồng con
Rồi một đôi khi người dậm gạo
Chuyện trò kể lại tuổi chân son.

Làm dâu

*Ngày xưa dệt cửi chần tằm
Em còn bé lắm, mười lăm tuổi dâu
Bây giờ cắt cỏ chần trâu
Bây giờ em đã làm dâu nhà người
Buồn thôi chả thiết nói cười
Đáng cay sống những ngày dài như năm.*

Vài nét rừng⁽¹⁾

1

*Xanh cây xanh cỏ xanh đôi
Xanh rừng xanh núi da giời cũng xanh
Áo chàm cô Mán thanh thanh
Mắt xanh biêng biếc một mình tương tư.*

⁽¹⁾ Dựa theo tập Nước giếng thời. Trong tập Mây Tần, NXB Hương Sơn - Hà Nội 1951, bài 1 có tên "Xanh", bài 2 có tên "Vài ai", bài 3 có tên "Giữa đường" và không có bài 4.

2

Cỏ đồi ai nhuộm mà xanh?
Áo em ai nhuộm mà anh thấy chàm?
Đa trời ai nhuộm mà lam?
Tình ta ai nhuộm ai làm cho phai?

3

Đường rừng sỏi đỏ như son
Xe hàng một cỗ theo con ngựa gầy
Lối mòn leo đá luồn cây
Nhá nhem dừng lại quán này, mai xuôi ⁽¹⁾

4

Nhà em cách bốn quả đồi
Cách ba ngọn suối cách đôi cánh rừng
Nhà em xa cách quá chừng
Em van anh đấy, anh đừng yêu em.

Phú Thọ 1938

⁽¹⁾ Câu 3 và câu 4 bài 3, có bản in là:
Đường đi ba bốn ngày rày
Dừng lại quán này cho lái ăn cơm.

Cảm tác

*Thơ sương, rượu nhạt, quán cơm nghèo
Xuân xé mùa xuân, chiều xé chiều
Chín hẹn đã sai mười: bạn quý
Nghìn voi không được một: người yêu.
Bá Nha thuở trước còn Chung Tử⁽¹⁾
Kim Trọng đời nay hết Thuý Kiều
Vỡ tía tàn vàng đi nọp nọp
Giữ tà áo vải bụi bay theo.*

1941

⁽¹⁾ Bá Nha và Chung Tử Kỳ là hai người bạn. Bá Nha đàn cho Chung Tử Kỳ nghe, Bá Nha muốn bày tỏ tình ý gì qua tiếng đàn Chung Tử Kỳ đều thấu hiểu. Sau Chung Tử Kỳ chết, Bá Nha treo đàn không đánh cho ai nghe nữa, vì cho rằng không còn ai hiểu tiếng đàn của mình.

Rượu xuân

*Cao tay nâng chén rượu hồng
Mình em: Em sắp lấy chồng xuân nay.
Uống đi! Em uống cho say
Để trong mơ sống những ngày xuân qua.*

*Đây tình duyên của đôi ta
Đến đây là... đến đây là... là thôi
Em đi dệt mộng cùng người
Lẻ loi chỉ một góc trời riêng anh.*

Xuân tha hương

Gửi chị Trúc

Tết này chưa chắc em về được
 Em gửi về đây một tấm lòng
 Ôi! Chị một em, em một chị
 Giờ làm xa cách mấy con sông!
 Em đang dang dở đời mưa gió
 Chị ở vương tròn phận lãnh cung;
 Chén rượu tha hương! Trời! Đắng lắm!
 Trăm hồn nghìn giận suốt mùa đông!
 Chiều qua ngồi ngắm hoàng hôn xuống
 Nhớ chị làm sao, nhớ lạ lòng!

*

* *

Tết này chưa chắc em về được
 Em gửi về đây một tấm lòng.
 Vườn ai thấp thoáng hoa đào nở
 Chị vẫn môi son, vẫn má hồng?
 Áo rét ai đan mà ngóng đợi
 Còn vài hôm nữa hết mùa đông

Cột nhà hàng xóm lên câu đối
 Em đọc tương tư giữa giấy hồng!
 Gạo nếp nơi đây sao trắng quá
 Mỗi ngày phiên chợ một thêm đông.
 Thiên hạ đua nhau mà sắm tết
 Một mình em vẫn cứ tay không!
 Vườn nhà tết đến hoa còn nở
 Chị gửi cho em một cánh hồng,
 (Tha hương chả gặp người tri kỷ
 Một cánh hoa tươi đỡ lạnh lòng!).

*

* *

Tết này chưa chắc em về được,
 Em gửi về đây một tấm lòng.
 Chao ôi! Tết đến mà không được
 Trông thấy quê hương thật náo nùng!

Ai bảo mắc vào duyên bút mực
 Suốt đời mang lấy số long đong
 Người ta đi kiếm giàu sang cả
 Mình chỉ mơ toàn chuyện viễn vông!

Em biết giàu sang đâu đến lượt,
 Nợ đời nặng quá gỡ sao xong?

*

* *

Tết này chửa chắc em về được
 Em gửi về đây một tấm lòng
 Tết này, ô! thế mà vui chán
 Những một mình em uống rượu hồng
 Rượu say, nhớ chị hỏi con gái
 Thương chị từ khi chị lấy chồng!
 Cố nhân chẳng biết làm sao ấy
 Rặt những tin đồn chuyện bướm ong
 Thôi em chả dám đa mang nữa
 Chẳng buộc vào chân sợi chỉ hồng
 Nặng bèo bọt quá em lặn lội
 Chấp nối nhau hoài cũng uống công
 (Một trăm con gái đời nay ấy
 Đừng nói ân tình với thủy chung!)
 Người ấy xuân già chê gối lẻ
 Nên người nôn ná chuyện sang sông!
 Đò ngang bến dọc tha hồ đấy
 Quý hoá gì đâu một chữ "đồng"!

Vâng, em trẻ dại, em dẫu dám...
 Thôi để người ta được kén chồng
 Thiếu nữ hoài xuân mơ cái sĩ
 Chịu làm sao được những đêm đông?
 (Khốn nạn, tương yêu thì khó chứ,
 Không yêu thì thực dễ như không!)
 Chị ơi! Tết đến em mua rượu
 Em uống cho say đến nảo nùng!
 Uống say cười vỡ ba gian gác
 Ném cái chung tình xuống đáy sông!⁽¹⁾

*

* *

Tết này chưa chắc em về được
 Em gửi về đây cả tấm lòng!
 Sương muối gió may rầu rĩ lắm
 Còn vài hôm nữa hết mùa đông.

⁽¹⁾ Có bản chép thêm hai câu:

Thiên hạ "Chi nhỉnh nam bắc diên"

Tình đời "Diệp tông vãng lai phong"

Phân chữ Hán trích dẫn thơ Đường, nghĩa là:

Cánh đón chìm nam bắc - lá đưa gió lại qua.

Xuân đến cho em thêm một tuổi
 Thế nào em cũng phải thành công
 Em đừng khóc nữa, không than nữa
 Đây một bài thơ hạn cuối cùng!
 Không than chắc hẳn hồn tươi lại
 Không khóc tha hồ đôi mắt trong
 Chị ơi! Em cười mùa xuân nhé
 Đốt pháo cho thơm với rượu hồng!
 Xa nhà, xa chị tuy buồn thật
 Cũng cố vui ngang gái được chồng.
 Em sẽ uống say hơn mọi bạn
 Để hồn về mãi xứ Hà Đông!

*

* *

Tết này chưa chắc em về được
 Em gửi về đây một tấm lòng
 Với lá thư này là tất cả
 Những lời tâm sự một đêm đông
 Thôn gà eo óc ngoài xa vắng
 Trời đất tàn canh tối mịt mùng.

*Đêm nay em thức thi cùng nển
Ai biết tình em với núi sông?
Mấy sông, mấy núi mà xa được
Lòng chị em ta vẫn một lòng!*

*

* *

*Tết này chưa chắc em về được
Em gửi về đây cả tấm lòng
Cầu mong cho chị vui như Tết
Tóc chị bện xanh, má dầy hồng
Trong mùa nắng mới sầu không đến
Giữa hội hoa tươi ấm lại lòng
Chắc chị đời nào quên nhắc nhở:
- Xa nhà, rượu uống có say không?*

Huế, tháng chạp năm Nhâm Ngọ 1942

Hành phương Nam

*Đôi ta lưu lạc phương Nam này
Trải mấy mùa qua, én nhận bay
Xuân đến khắp trời hoa rượu nở
Mà ta với người buồn vậy thay.*

*Lòng đắng sá gì muôn hớp rượu
Mà không uống cạn mà không say
Lời thề buổi ấy cầu Tư Mã
Mà áo khinh cừu không ai may.*

*Người giam chí lớn vòng còm áo
Ta trí thân vào nợ nước mây
Ai biết thương nhau từ buổi trước
Bây giờ gặp nhau trong phút giây.*

*Nợ tình chưa trả tròn một món
Sòng đời thua đến trắng hai tay
Quê nhà xa lắc, xa lơ đó
Ngaoảnh lại tha hồ mây trắng bay.*

Tâm giao mấy kẻ thì phương Bắc
Ly tán vì cơn gió bụi này
Ngồi ơ buồn lắm mà không khóc
Mà vẫn cười qua chén rượu đây.

Vẫn dám tiêu hoang cho đến hết
Ngày mai ra sao rồi hỡi hay
Ngày mai sán lạn màu non nước
Cốt nhất làm sao tự buổi nay.

Rã ruộng châu ngọc, thù son phấn
Mắt đỏ lên rồi cứ chết ngay
Hỡi ơi nhiếp chính mà bầm mặt
Giữa chợ ai khóc mà nhận thấy.

*Kính Kha giữa chợ sâu nghiêng chén
Ai kẻ dâng vàng, kẻ biếu tay?
Mơ gì áp Tiết thiên văn tự,
Giấy cỏ gươm cùn ta đi đây.*

*Ta đi nhưng biết về đâu chứ?
Đã đẩy phong yên lộng bốn trời,
Thà cứ ở đây ngồi giữa chợ,
Uống say mà gọi thế nhân ơi!*

*Thế nhân mắt trắng như ngân nhũ,
Ta với nhà ngươi cả tiếng cười,
Ngươi ơi! Hề! Ngươi ơi!
Ngươi sang bên ấy sao mà lạnh,
Nhịp trúc ta về lạnh mấy mươi...*

Đoá hoa hồng

*Thưa đây một đoá hoa hồng
Và đây một áng hương lòng hoang vu
Đầu bù trở lại kinh đô
Tơ vương chín mối sầu cho một lòng
Tình tôi như đoá hoa hồng
Ở mương oan trái trong lòng tịch liêu
Kinh đô cát bụi bay nhiều
Tìm đâu thấy một người yêu hoa hồng?*

1942

Nhiều

*Thuyền trăng ai chở sang Đoài
Đêm khuya mở rộng then cài cửa ra
Trăng vào, bóng nữa là ba
Với em ở trái tim ta là nhiều.*

Mất nhưng

*Bao năm đi giữa kinh thành
Bao năm lẻ bóng, lẻ hình, lẻ đôi.
Cả kinh thành có những ai?
Cả kinh thành có một người mất nhưng!*

*Người ơi! Cứu vớt tôi cùng
Dành đôi rất đẹp cho lòng rất đơn
Tôi còn mơ ước gì hơn?
Hai tay người chấp phím đàn cho tôi
Phải chăng tôi đã yêu rồi?
Hồn xin quỳ dưới mắt người từ đây*

*Đêm qua buồn quá tôi say
Đã mơ một giấc mơ đầy mất nhưng!*

Sài Gòn - 1944

Câu nguyện

*Nàng hãy vui đi, dầu một ngày
Dầu phần ba phút, góc tư giây
Dầu trong thoáng mắt nhìn như chớp
Cũng đủ cho nàng quên đắng cay.*

*Nàng đừng nên tưởng tôi không biết
Những nỗi yêu thương những oán sầu,
Tràn ngập những đêm đầy nước mắt
Những ngày đầy hận của nàng đâu?*

*Không, không, tôi biết, nhưng nàng hỏi!
Tôi biết làm sao giữa lúc này?
Giữa lúc nắng không tươi đẹp nữa
Hoa không buồn thắm bướm không bay.*

*Giữa lúc tâm hồn trong sáng ấy
Đương mờ như thủy mảnh gương phai
Ngáy thơ hấp hối trong nhan sắc
Đợi hắt hơi thừa một sớm mai.*

Khuyên một lời ư? Nhưng biết đâu,
Lời khuyên không chạm đến tim đau
Tim đau sẽ vọt ngàn tia máu
Động lại muôn ngày vết hận sâu...

Song tôi phải nói khi oan khổ
Đã hiện hình lên ám ảnh nàng
Ai nữ quay đi không cứu vớt
Lấy người tri kỷ đắm dò ngang.

Nàng sống sao cho khỏi yếu hèn
Khóc là uỷ mị, chết là diên
Gây cho hoàn cảnh thêm tươi đẹp
Lọc mãi cho hồn trong sáng lên.

Nàng nên gìn giữ lấy dung nhan
Chớ tắt khi chưa đến độ tàn
Chớ hết khi còn và phải mãi
Ngược dòng tàn phá của thời gian.

Và nên thương lấy đứa con thơ
Săn sóc ai người những sớm trưa
Mùa nắng ai người may áo mỏng
Ai người ấp ủ những đêm mưa?

Những câu nhạt nhẽo tâm thường ấy
Tôi viết ra đây để tặng nàng
Mong sẽ vì tôi nàng bớt khổ
Giờ tay cười đón ánh xuân sang.

Xóm ngự viên

*Xóm Ngự Viên ở cạnh đường Gia Hội (Huế)
ngày xưa là khu vườn Thượng uyển.*

*Lâu nay có một người du khách
Gió bụi mang về xóm Ngự Viên
Giậu đổ dây leo suông sã quá
Hoa tàn con bướm cánh nghiêng nghiêng
Buồn thu rơi nhẹ đôi tờ lá
Xóm vắng rêu xanh những lối hèn
Khách du lần giờ trang hoài cổ
Mơ lại thời xưa xóm Ngự Viên.*

*Có phải ngày xưa vườn Ngự uyển⁽¹⁾
Là đây, hoa cỏ giống vườn tiên?
Sớm Đào, trưa Lý, đêm Hồng phấn
Tuyết Hạnh sương Quỳnh, máu Đỗ quyền
Đức vua một sớm đầu xuân ấy
Lòng đẹp theo giờ, dạo Ngự viên
Cung tẩn mỹ nữ ngồi son phấn
Theo gót nhà vua nở gót sen*

⁽¹⁾ Có bản in là: Thượng uyển.

Hương đưa bát ngát ngoài trăm dặm
Cung nữ đa tình vua thiếu niên
Một đời công chúa đều hay chữ
Hoàng hậu nhu mì không biết ghen.

Đất rồng can chi mà đổi khác
Thời bình đâu dựng chước hoà Phiên
Mẫu đơn nở đỏ nhà vua nhớ
Câu chuyện: "Hô lai bất thượng quyền".

Có phải ngày xưa vườn Ngự uyển
Là đây, hoa cỏ giống vườn tiên?
Gót son bước nhẹ lầu Tôn nữ
Ngựa bạch buông chùng áo Trạng nguyên
Mười năm vay mượn vào kinh sử
Đã giả xong rồi nợ bút nghiên
Quan Trạng tân khoa tàn tiệc yến
Đi xem hoa nở mấy hôm liền
Đường hoa, má phấn tranh nhau ngó
Nhạc ngựa vang lừng khắp bốn bên
Thấp hương Tôn nữ xin Trời Phật:
"Phù hộ cho con được phỉ nguyên"

Lòng Trạng láng láng màu phú quý
Quả cầu nho nhỏ bói lương duyên
Tai ai đấy nhủ gieo cầu đấy?
Nghiêng cả mùa xuân Trạng ngược nhìn
Trạng bắt sai rồi, lâu rủ sáo
Có người đêm ấy khóc giăng lên
Bóng ai thấp thoáng sau bờ trúc
Chẳng Tống Trân ư cũng Nguyễn Hiền?
Khách du buồn mỗi buồn sông núi
Núi lở sông bồi cảnh biến thiên
Ngự viên ngày trước không còn nữa
Giờ chỉ còn tên xóm Ngự Viên
Khoa cử bỏ rồi, thôi hết Trạng!
Giờ đem hoa cỏ giả vườn tiên
Tôn nữ ngồi đan từng chiếc áo
Dân thường qua lại lối đi quen
Nhà cửa xúm nhau thành một xóm
Cay nồng hơi thuốc lẫn hơi men.

Mụ vợ bắc nam người tứ xứ
Anh chống tay trắng lẫn tay đen
Đổi thay tình nghĩa như cơm bữa
Khúc “Hậu đình hoa” hát tự nhiên
Nhọc nhằn tiếng cú trong canh vắng
Nhao nhác đàn dơi lúc đỏ đèn...

Hôm nay có một người du khách
Ở Ngự Viên mà nhớ Ngự Viên.

Huế 9-1941

Thu rơi từng cánh

Mùa thu hoa cúc lại tàn
Thuyền ai buộc mãi bên làn cây cong!
Người về để lạnh phòng không
Thu rơi từng cánh cho lòng nhớ thương
Có người cùng nữ họ Vương
Lên lầu nhìn dải sông Hương nhớ nhà.

Vài nét Huế

1

*Cầu cong như chiếc lược ngà
Sông dài mái tóc cung nga buông hờ
Đôi bờ đôi cánh tay vua
Cung nga úp mặt làm thơ thất tình.*

2

*Ở đây áo tím riêng màu
Bài thơ nón mỏng che đầu mỹ nhân
Loanh quanh xóm vắng đường gần
Ấy ai làm dáng phi tần với ai!
Con sông không rộng mà dài
Con đò không chở những người chính chuyên.*

3

*Ở đây có nước sông Hương
Có cây núi Ngự có đường Nam Giao
Bồng bồng sáu nhịp cầu cao
Thờ ơ bóng mát nơi nào cũng xanh
Thâm u một dải hoàng thành
Đình suông con én không đành bay đi.*

1941

Hoa với rượu

*Thấy rét u tôi học lại men
Cô hàng cất rượu ủ thêm men
Mẹ cha mất sớm còn em nhỏ
Say cả tư mùa cho khách quen.*

*Em nhỏ là Nhi, bạn nhỏ tôi
Suốt ngày hai đứa nhả nha chơi
Chị Nhi bán rượu đôi chiều chợ
Vẫn nhớ mua quà cho cả đôi.*

*Hai đứa thường nhân buổi vắng nhà
Người ta bắt chước chị người ta!
Ra vườn nhặt những hoa cam rụng
Về bỏ đầy nồi cất nước hoa.*

*Nước hoa tuy chẳng thơm là mấy
Hai đứa hôi đầy cả tóc nhau
Hí hửng bảo nhau: "Thơm đấy chứ
Nước hoa ngoài tỉnh thấm vào đây!"*

Một tối nhà Nhi có giỗ thầy
Chị Nhi cho uống rượu cay cay
Chừng đâu chén nhỏ làm hai đứa
Đỏ mặt lên rồi chénh choáng say.

Hai đứa ôm nhau đánh giấc dài
Bất đồ ngủ đến sáng ngày mai.
Chị Nhi cứ chế làm sao ấy
Hai đứa nhìn nhau ngớ ngẩn cười.

Chị Nhi thường nói với u tôi:
"- Hai đứa, thừa bà, đến đẹp đôi"
U tôi cười đáp ngay như thật:
"- Tôi có nàng dâu giúp đỡ rồi!"

Thuở ấy làm sao thật thái bình⁽¹⁾
Trai hiền bạn với gái đồng trinh
Đời say men rượu thơm hoa rụng
Tràn những thơ ngây ngập cảm tình.

⁽¹⁾ Có bản in là: Thuở ấy non sông thật thái bình.

Ấy thế mà rồi cách biệt nhau
 Nhà Nhi không biết dọn đi đâu
 Mình tôi giờ bắt làm thi sĩ
 Mẹ mất khi chưa kịp bạc đầu.

Bỏ lại vườn cam bỏ mái gianh
 Tôi đi du đấu với kinh thành
 Hoa thơm mơ mãi vườn tiên giới
 Chúc mãi men say rượu ái tình.

Rượu ái tình kia thành thuốc độc
 Vườn trần theo bướm phấn hương bay
 Đời tôi sa mạc, ôi sa mạc!
 Hoa hết thơm rồi, rượu hết say.

Trăm sáu nghìn tuổi mình tôi chịu
 Ba bốn năm rồi năm sáu năm
 Khóc vụng mỗi lần tôi nhớ lại
 Men nồng gạo nếp nước hoa cam.

*Xa lắm rồi Nhi! Muộn lắm rồi
Bẽ bàng lắm lắm nữa Nhi ơi!
Từ ngày Nhi bỏ nơi làng cũ
Mộng ngát duyên lành cũng bỏ tôi.*

*Chắc ở nơi nào dưới mái gianh
Chị em Nhi vẫn sống yên lành
Chị Nhi cất rượu cho Nhi bán
Hồn vẫn trong mà mộng vẫn trinh.*

*Ngày xưa còn bé Nhi còn đẹp
Hương nữa giờ Nhi đã đến thì
Tháng tháng mười mười lăm buổi chợ
Cho người thiên hạ phải say Nhi.*

*Xóm chị em Nhi ở mấy nhà?
Bến dò đông vắng? Chợ gần xa?
Nhà Nhi thuê có vườn không nhỉ?
Vườn có giống cam có nở hoa?*

Mơ tưởng vu vơ lòng dối lòng
Thực ra có phải thế này không
Chị Nhi đã lấy chồng năm trước
Nhi đến năm sau lại lấy chồng?

Ước gì trên bước đường lưu lạc
Một buổi chiều nào lạnh gió mưa
Gõ cửa nhà ai xin ngủ trọ
Giật mình tôi thấy tiếng Nhi thưa.

Ngồi bên lò rượu đêm hôm đó
Nhi rót cho tôi nước rượu đầu
Nhắc lại ngày xưa mà thẹn lại
Ngậm ngùi⁽¹⁾ hai đứa uống chung nhau.

Tôi kể: “U tôi đã mất rồi
Cửa nhà còn có một mình tôi...”
Nhi rằng: “Ngày trước u thường nói
Hai đứa mình trông đến đẹp đôi...”

⁽¹⁾ Có bản in là: E dề.

*“Chị em mới lấy chồng năm trước
Chồng chị giống cam ở mé sông
Em ở mình đây nhà trống trải
Trắng vàng đầy ngô gió mênh mông...”*

*Như truyện Tương Như và Trác Thi
Đưa nhau về ở đất Lâm Cùng⁽¹⁾
Vườn xuân trắng xoá hoa cam rụng
Tôi với em Nhi kết vợ chồng.*

*Rượu cất kỳ ngon men ủ khéo
Say người thiên hạ lại say nhau
Chiều chiều hai đứa sang thăm chị
Chồng hái hoa cho vợ giắt đầu.*

⁽¹⁾ Trác Nhi (Tức Trác Văn Quân) đẹp người, giỏi văn, vì góa chồng về ở với cha ở đất Lâm Cùng. Tương Như (tức Từ Mã Tương Như) có lần qua chơi đã gây khúc “Phượng cầu hoàng” để quyến. Văn Quân cam lòng dân bỏ nhà trốn theo Tương Như về Thanh Đô. Sau hai người lại đưa nhau về mở quán cơm ở Lâm Cùng (chuyện đời Hán, Trung Hoa).

*Chao ơi! Là mộng hay là thực?
Là thực hay là mộng bấy lâu?
Hai đứa sống bằng hoa với rượu
Sống vào giờ đất, sống cho nhau.*

*Nhưng mộng mà thôi mộng mất thôi
Hoa tàn rượu ế ấy tình tôi
Chiều nay tôi chấp đôi tay lại:
“Đừng gặp người xưa nữa, lạ giờ”.*

Huế 1941

Giời mưa ở Huế

*Giời mưa ở Huế sao buồn thế!
Cứ kéo dài ra đến mấy ngày.
Thêm cũ nôn nao đàn kiến đói
Giời mờ ngao ngán một loài mây.
Trường Tiền vắng ngắt người qua lại
Đập Đá mệnh mang bến nước đầy.*

*Đò vắng khách chơi nằm bát úp
Thu về lại giờ gió heo may...*

*Chúng tôi hai đứa xa Hà Nội
Bốn tháng hình như kém mấy ngày
Lăn lóc có dư mười mấy tỉnh
Để rồi nằm mốc ở nơi đây.*

*Thuốc lào hút mãi người ra khỏi
Thơ dọc suông tình hết cả hay
Túi rỗng nợ nần hơn Chúa Chôm
Áo quần trộm mượn, túng đồ thay
Hàng xóm có người con gái lẻ
Ý chừng duyên nợ với nhậu đây
Chao ơi! Ba bốn tao ân ái
Đã đủ tan tành một kiếp trai.
Tôi rờn rợn lắm giai nhân ạ!
Đành phụ nhau thôi, kéo đến ngày
Khăn gói gió đưa sang xứ lạ
Ai cười cho được lúc chia tay?*

Giời mưa ở Huế sao buồn thế!
 Cút kéo dài ra đến mấy ngày
 Xa xôi ai nhớ mà thương nhớ?
 Mà nhớ mà thương đến thế này!
 Cố nhân chẳng khoá buồn xuân lại
 Vung vãi ân tình khắp đó đây
 Mưa chiều, nắng sớm, người ta bảo
 Cả đến ông giời cũng đổi thay!
 Gia đình dọn cả lên Hà Nội⁽¹⁾
 Buôn bán loanh quanh hồ cẩu cày
 “Anh em cánh nhận người Nam Bắc
 Tâm sự hồn quyên lệ ngắn dài...”

Giời mưa ở Huế sao buồn thế!
 Cút kéo dài ra đến mấy ngày
 Hôm qua còn sót hơn đồng bạc
 Hai đứa bàn nhau uống rượu say
 Nón lá áo toại ra quán chợ
 Trơ vơ trên bến nước sông đây
 Sáu nghiêng mái quán mưa tong tả

⁽¹⁾ Có bản in là: Gia đình thiên cả lên thành thị.

Chén ứa men lành, lạnh ngón tay.
Ôn lại những ngày mưa gió cũ
Những chiều quán trọ, những đêm say
Người quen nhắc lại từng tên một
Kể lại từng nơi đặt dấu giày
Trôi dạt dăm mong gì vẩn vít
Sòng đời thua hẳn cả thơ ngây
Tỉ tẻ gợi tới niềm tâm sự
Cúi mặt soi gương chén rượu đầy
Bốn mắt nhuộm chung màu lữ thứ
Đôi lòng hoà một vị chua cay
Đứa thương cha yếu chẳng thương mẹ
Cha mẹ chiều chiều... con nước mây
Hoa rao bán nhụy tình nên vợ
Chim nửa bình minh bóng trúc gầy.
Không hiểu vì đâu hai đứa lại
Chung lưng làm một chuyến đi đây?
Giời mưa ở Huế sao buồn thế!
Cứ kéo dài ra đến mấy ngày...
Mai đây bỏ Huế rồi quên Huế
Quên được làm sao bữa rượu này.

Huế 1941

Lửa đèn

Suốt giờ không một điểm sao
Suốt giờ mực ở nơi nào loang ra
Lửa đèn chong cái giếng hoa
Mơ sóng dùng đục canh gà te te
Chữ đây bên nở bên tê
Sương thu xuống gió thu về hồng bênh
Đàn ai chùng đứt dây tình
Nổi lên một tiếng buồn tênh rồi chìm.
Huế 1941

Anh về quê cũ

(trích đoạn đầu bản thơ Thôn Vân)

Anh về quê cũ: thôn Vân
Sau khi đã biết phong trần ra sao?
Từ nay lại tắm ao đào
Rượu dâu nhà cất, thuốc Lào nhà phơi.
Giang hồ sót lại mình tôi
Quê người đắng khổi, quê người cay men.
Nam Kỳ rồi lại Cao Miên

Tắm trong một cái biển tiền người ta...
 Biển tiền, ôi biển bao la
 Mình không bắt được vẫn là tay không...
 Thôn Vân có biếc có hồng
 Hồng trong nắng sớm, biếc trong vườn chiều
 Đê cao có đất thả diều
 Gờ cao lăm lăm có nhiều chim bay
 Quả lành nặng trĩu từng cây
 Sen đầy ao cá, cá đầy ao sen
 Hiu hiu gió quạt trắng đèn
 Với dăm trẻ nhỏ thả thuyền ta chơi
 Ăn gỏi cá, đánh cờ người
 Thân tiền riêng một góc trời thôn Vân.

Ôi thôn Vân, hỡi thôn Vân!
 Phương nao kết dải mây Tần cho ta
 Từ nay khi nhớ quê nhà
 Thấy mây Tần biết đó là thôn Vân

Ôi thôn Vân, hỡi thôn Vân!
 Anh em lỵ tán lâu dần thành ra
 Không còn ai ở quê nhà
 Hỏi còn ai nữa? Để hoa đầy vườn
 Trắng đầy ngõ, gió đầy thôn
 Giờ về quê cũ có buồn không anh?

1942

Một trời quan tái

Chiều lại buồn rồi, em vẫn xa
Lá rừng thu đổ, nắng sông tà
Chênh vênh quán rượu mờ sương khói
Váng vắt thôn sâu quanh tiếng gà.

Tôi đi mãi mãi vào sơn cước
Em vượt tua rèm cửa vọng lâu
Lá úa kinh thành rơi ngập đất
Lòng vòng hỏi vẫn nhớ thương nhau?

Có những mâm cau phủ lụa điều
Đi vào trong gió lạnh hiu hiu
Những xe hoa cưới, sao mà đẹp!
Cửa kính huy hoàng vật áo thêu.

Em có buồn chăng? Tôi vẫn xa
Chiều nay say nhấp chén quan hà
Bao giờ cau được tươi màu lụa?
Được đón em bằng xe kết hoa?

Thân em là liễu dạ em tơ
Mềm yếu bên chăng với đợi chờ?
Chưa xót lòng tôi mơ ước mãi
Áo bào nguyệt bạch ngựa kim ô!

Tôi lạnh dầu sông giá ngọn nguồn
Nhớ nhà thì ít, nhớ em luôn
Chênh vênh bóng ngả sầu lau lách
Chiều ngái hương rừng lồi nhạt son.

Đã mấy năm rồi thương mến nhau
Em còn thơ dại biết chi đâu!
Đến nay ba bảy mai đương độ
Ai đánh em bằng giá ngọc châu?

Châu ngọc làm sao hái được nhiều
Tôi là thi sĩ của thương yêu
Lấy đâu xe cưỡi ngời hoa trắng?
Với những mâm cau phủ lụa điều?

Chiều nay... thương nhớ nhất chiều nay
Thoáng bóng em trong cốc rượu đầy
Tôi uống cả em và uống cả
Một trời quan tái, mấy cho say!

Lạng Sơn 1940

Trường huyện

*Học trò trường huyện ngày năm ấy
Anh tuổi bằng em lớp tuổi thơ
Những buổi học về không có nón
Đội đầu chung một lá sen tơ.*

*Lá sen vương vấn hương sen ngát
Ấp ủ đôi ta chút nhụy hờ
Lũ bướm tưởng hoa cài mái tóc
Theo về tận cửa mới tan mơ.*

*Em đi phố huyện tiêu điều lắm
Trường huyện giờ xây kiểu khác rồi
Mà đến hôm nay anh mới biết
Tình ta như chuyện bướm xưa thôi.*

1938

Đường rừng chiều

Lữ hành bắt gặp quán cơm
Bầy ong bắt gặp mùi thơm hoa rừng
Đèo cao cho suối ngập ngừng
Nắng thoai thoải nắng chiều lưng lửng chiều
Giăng non như một cánh diều
Trẻ con phát dũi thả liều lên mây
Chim nào kêu mới ngàn cây
Ngán ngơ đôi chiếc ngựa gầy dong xe
Đôi xim đan dũi nương chè
Trắng phau khói núi, xanh lè áo ai...

Thái Nguyên 1938

Nhạc xuân

*Hôm nay là xuân, mai còn xuân
Xuân đã sang đồ nhớ cố nhân
Người ở bên kia sông cách trở
Có về Chiêm Quốc như Huyền Trân?*

*Hôm nay là xuân, mai còn xuân
Phơi phới mưa sa nhớ cố nhân
Phận gái ví theo lệ ép uống
Đã về Chiêm Quốc như Huyền Trân?*

*Hôm nay là xuân, mai còn xuân
Lãng lã đường xa nhớ cố nhân
Nay đã vội quên tình nghĩa cũ
Mà về Chiêm Quốc như Huyền Trân?*

*Hôm nay là xuân, mai còn xuân
Một cánh đào rơi nhớ cố nhân
Cung nữ như hoa vườn Thượng uyển
Ai về Chiêm Quốc với Huyền Trân?*

Hôm nay là xuân, mai còn xuân
Rượu uống say rồi nhớ cố nhân
Đã có yêu nhau là đến thế
Đừng về Chiêm Quốc nhé Huyền Trân!

Đừng về Chiêm Quốc nhé Huyền Trân
Ta viết thơ này gửi cố nhân
Năm mới tháng giêng mong một tết
Còn nguyên vẹn cả một mùa xuân.

Huyền Trân ơi!
Mùa xuân, mùa xuân, mùa xuân rồi
Giờ đây chín vạn bông trời nở
Riêng có tình ta khép lại thôi!

Khai bút năm Canh Thìn 1940

Nhà tôi

Nhà tôi có một vườn dâu
 Có giàn đỗ ván có ao cấy cần
 Hoa đỗ ván nở mùa xuân
 Lúa dâu tháng tháng, lúa cần năm năm
 Em tôi là gái mười lăm
 Quét sân chạy chợ chăn tằm sớm trưa
 Thầy tôi dạy học chữ nho
 Dạy dấm ba đĩa học trò loanh quanh
 Có gì, tiếng cả nhà thanh
 Cơm ăn đủ bữa, áo lành đủ thay
 Còn tôi sống sót là may
 Mẹ hiền mất sớm, giờ đây làm thơ
 Con tằm được mấy tiền tơ
 Chao ôi, mà ước mà mơ lấy nàng
 Giàu sang kiếm chốn giàu sang
 Vần tin tưởng chữ là nàng yêu tôi

Mấy khoa thi chót thấy ơi
 Thấy không thi đỗ để rồi làm quan
 Để rồi lắm bạc nhiều vàng
 Để cho con được lấy nàng, thấy ơi!
 Nàng thế làm dâu nhà tôi
 Vườn dâu có thẹn với đôi tay ngà
 Ai thế như mới hôm qua
 Lấy nhau không được chẳng thà chết đi
 Nhưng thôi nói nữa làm gì
 Thế gian chán vạn kẻ thế có sao.

Nhà tôi không bán vườn dâu
 Tháng hai giàn đỗ bắt đầu ra hoa
 Sang năm tôi phải về nhà
 Để xem vườn đỗ ra hoa có nhâm?

1940

Tâm hồn tôi

*Tâm hồn tôi là bình rượu nhỏ
Rót lần rót mãi xuống nàng Oanh
Không xua tay nhưng nàng đã vô tình
Hất ly rượu hồn tôi qua cửa sổ...*

1941

Chùa Hương xa lắm

*Chùa Hương xa lắm em ơi!
Đò giang cách trở... chịu thôi cô mình
Câu này anh nói thực tình:
Anh đi thì phải cho anh mượn tiền
Chùa Hương ví độ đường liền
Anh xin điểm chỉ một nghìn ngón tay.*

*Để dành tấm áo mẹ may
Để dành em ạ, đến ngày đôi ta⁽¹⁾*

⁽¹⁾ Trích từ sổ tay nhà thơ Nguyễn Bao. Theo nhà văn Tô Hoài, bài này đã đăng trên *Tiểu thuyết thứ Năm*.

Một mình

*Người có đôi, ta rất một mình.
Phong trần đâu dám mắt ai xanh
Đêm nay giăng rụng về bên ấy
Gác trọ còn nguyên gió thất tình.*

Diệu vợi

*Một buổi giờ đi đưa đám tang
Có người về ở Mộc Hoa Trang
Người là một gã thi nhân đó
Tha thân đi chôn những mộng vàng.*

*Đêm nay ngồi khóc trong trăng lạnh
Trăng đắm chìm đi gió thổi dài
Tôi nhớ đến người - Ôi! Diệu vợi
Ở lâu hoa ấy trong rừng mai*

*Lâu hoa từ ngày xưa tới nay
Ai biết hồn tôi đắm ở đây
Có những buổi chiều sương đổ xuống
Lá vàng đổ xuống như mưa bay.*

*Tôi tưởng rồi tôi quên được người
Nhưng mà nản lắm! Tú Uyên ơi!
Tôi vào sâu quá và xa quá!
Đường lứt sương mờ lứt lá rơi...*

*Nghĩ đến mai kia rồi một buổi
Có ai đâu đó mới manh nàng
Ngoài trời có tiếng con chim lạ
Lệ nén thi nhau rỏ trắng bàn!*

Bước đi bước nữa

*Xé lại gần đây, xích lại đây!
Lại đây cho mẹ nhủ câu này:
Mẹ không muốn thế, nhưng mà nghĩ
Bấy lâu mẹ đã nhiều đắng cay.*

*Kể con giờ cũng lớn khôn rồi.
Chín suối cha con hẳn ngấm cười.
Mẹ muốn bước đi thêm bước nữa,
Còn đàn em nhỏ cậy con nuôi.*

*Con ơi! Mẹ khóc suốt đêm kia,
Khóc suốt đêm qua nữa, chỉ vì...
Con mẹ có còn thương em đại
Thì con gái mẹ nhận lời đi!*

*Mẹ cũng không mong sướng lấy mình,
Nhưng mà số phận bắt điều linh.
Vả chẳng thiên hạ nào riêng mẹ,
Gái goá qua đồ uống tiết trinh.*

*Mai mốt... con ơi! Mẹ lấy chồng,
Chúng con coi mẹ có như không
Khuya rồi đấy nhỉ! Con đừng nghĩ.
Gió bắc đêm nay lạnh ngập phòng.*

Hôn nhau lần cuối

*Cầm tay anh khẽ nói:
- Khóc lóc mà làm chi?
Hôn nhau một lần cuối.
Em về đi, anh đi...*

*Rồi một hai ba năm,
Danh thành anh trở lại.
Với em anh chẵn tầm,
Với em anh dẹt vãi.*

*Ta sẽ là vợ chồng,
Sẽ yêu nhau mãi mãi.
Sẽ se sợi chỉ hồng,
Sẽ hát câu ân ái.*

*Anh và em sẽ sống
Trong một mái nhà tranh.
Lấy trúc thưa làm cổng,
Lấy tơ liễu làm màn.*

*Nghe lời anh, em hỡi!
Khóc lóc mà làm chi?
Hôn nhau một lần cuối.
Em về đi, anh đi...*

Bảy chữ

*Mây trắng đang xây mộng viễn hành
Chiều nay tôi lại ngắm giới xanh
Giới xanh là một tờ thư rộng
Tôi thảo lên giới mấy nét nhanh.*

Viết tròn năm dài theo vách đá
 Bốn bề lá đổ ngập hơi thu
 Vừa may cánh nhạn về phương ấy
 Tôi gửi cho nàng bức ngọc thư

Xe ngựa chiều nay ngập thị thành
 Chiều nay nàng bắt được giờ xanh
 Đọc xong bảy chữ thì thương lắm:
 "Vạn lý tương tư, vũ trụ tình".

Bắc Giang 1940

Sao chẳng về đây?

Lối đỏ như son tới xóm Dừa
 Ngang cầu đã điểm hạt mưa thưa
 (Xuân sang xao xuyến lòng tôi quá)
 Tôi đã xây tròn sự nghiệp chưa?

Ở mãi kinh kỳ với bút nghiên
 Đêm đêm quán trọ thức thi đèn
 Xót xa một buổi soi gương cũ
 Thấy lệch bao nhiêu mặt chữ điền⁽¹⁾

⁽¹⁾ Bản thảo đầu của tác giả, hai câu thơ này được viết là:
 Làm thơ mang bán cho thiên hạ
 Thiên hạ đem thơ đọ với tiền.

Chẳng đợi mà xuân vẫn cứ sang
Phồn hoa thôi hết mộng huy hoàng
Sớm nay sức tỉnh sâu đô thị
Tôi đã về đây rất vội vàng.

Ở đây vô số những trời xanh
Và một con sông chảy rất lành
Và những tâm hồn nghe rất đẹp
Tôi chung sống dưới mái nhà tranh.

Sao chẳng về đây mức nước sông
Tươi cho những luống cỏ hoa trồng
Xuân sang hoa nọ rồi hoa nọ
Phổ nhụy vàng hây với cánh nhung?

Sao chẳng về đây bắt bướm vàng
Nhốt vào tay áo đợi xuân sang
Thả ra cho bướm xem hoa nở
Cánh bướm vờn hoa loạn phấn hương?

Sao chẳng về đây, có bạn hiền
Có hương, có sắc, có thiên nhiên
Sống vào giản dị, ra tươi sáng
Tìm thấy cho lòng một cảnh tiên?

Sao chẳng về đây lục tứ thơ
 Hồi ơi, hôn biển rộng không bờ
 Chìm hoa sự nghiệp thắm muôn thuở
 Thiên hạ bao nhiêu kẻ đợi chờ?

Sao chẳng về đây, nở lác loài
 Giữa nơi thành thị gió mưa phai
 Chết dần từng nấc, rồi mai một
 Chết cả mùa xuân, chết cả đời?

Xuân đã sang rồi em có hay
 Tình xuân chan chứa, ý xuân đầy
 Kinh kỳ bụi quá xuân không đến
 Sao chẳng về đây? Chẳng ở đây?

Xóm Dừa cuối 1944

Tặng Kiên Giang

Có những dòng sông chảy rất mau
 Nhớ chi nghĩa bến với duyên cầu
 Lá vàng hoa đỏ trôi không kịp
 Lưu lạc ai ngờ lại gặp nhau?

Từ đó về đây

*Từ đó về đây sống rất nghèo
Bạn bè chỉ có gió trăng theo
Những thằng bất nghĩa xin đừng đến
Hãy để thêm ta xanh sắc rêu.*

Trưa hè

*Bên thềm chiếc võng nhẹ đưa
Mẹ ru bé ngủ giữa trưa mùa hè
Dịu dàng bé khép làn mi
Hỗ Tây gió thoảng bay về hương sen.
Thơm thơm giấc ngủ êm êm
Chúm đôi môi nhỏ, bé tìm sữa tươi.
Mẹ buông dây võng ra rồi,
Ngây thơ bé vẫn nhoèn cười trong mơ.
Mẹ đi gấp lựa may cờ,
Giũ lên "Vườn tre", kịp giờ liên hoan.*

Tôi từ xa cách miền Nam
 Quê nhà lửa xém vườn cam bao lần.
 Cây rừng mây núi khôn gần.
 Trông về, con mắt dăm dăm từng giờ
 Vợ tôi giăng võng gốc dừa,
 Đặt con tôi ngủ giữa trưa mùa hè.
 Dịu dàng con khép làn mi
 Thấp Mườn gió thoảng bay về hương sen.
 Thơm thơm giấc ngủ êm đêm
 Chúm đôi môi nhỏ con tìm sữa tươi.
 Trong mơ con bú chưa rồi,
 Lưỡi còn đưa đẩy, đôi môi còn thềm...
 Giật mình, con bỗng thét lên
 Hai tay chới với, quơ tìm mẹ đâu!
 Quân thù bắt lính, dón xâu¹⁾
 Đạn thù nghiêng dứt mấy tao võng rồi!
 Lao trong lửa đạn bời bời,
 Vợ tôi ôm chặt con tôi vào lòng.
 Thương con lại nhớ lời chồng,
 Lấy thân làm bức thành đồng che con.

Hà Nội 1956

¹⁾ Dón xâu: bắt phu.

Đêm sao sáng

*Đêm hiện dần lên những chòm sao
Lòng trời dương thấp bỗng nhiên cao.
Sông Ngân đã tỏ đôi bờ lạnh,
Ai biết cầu Ô ở chỗ nào?*

*Tìm mũ Thần Nông chẳng thấy đâu.
Thấy con vịt lội giữa dòng sâu,
Sao Hôm như mắt em ngày ấy,
Rớm lệ nhìn tôi bước xuống tàu.*

*Chòm sao Bắc Đẩu sáng tinh khôi
Lộng lẫy uy nghi một góc trời.
Em ở bên kia bờ vô tuyến,
Nhìn sao thao thức mấy năm rồi...*

*Sao đặc trời cao sáng suốt đêm
Sao đêm chung sáng chẳng chia miền.
Trời còn có bữa sao quên mọc,
Tôi chẳng đêm nào chẳng nhớ em.*

Chiều thu

Thăm thẳm trời xanh lộng đáy hồ
Mùi hoa thiên lý thoảng chiều thu.
Con cò bay lả trong câu hát
Giấc trẻ say dài nhịp vông ru.

Lá thấp cành cao gió đuổi nhau
Góc vườn rụng vội chiếc mo cau
Trái na mở mắt, nhìn ngơ ngác,
Đàn kiến trường chinh tự thuở nào.

Lúa trở dòng tơ, ngậm cốm non,
Lá dài vươn sắc lười gươm con.
Tiếng chim mách lẻo cây hồng chín
Điểm nhạt da trời những chấm son.

Hai cánh chia quân chiếm mặt gò,
Bê con đùa mẹ bú chưa no.
Cờ lau súng sậy giam chân địch
Trận Điện Biên này lại thắng to.

Sông đỏ phù sa, nước lớn rồi,
Nhà bè khói bếp lững lờ trôi
Đường mòn rộn bước chân về chợ,
Vú sữa đầy căng mặt yếm sôi.

Thong thả trăng non rụng cuối làng
Giữa nhà cây lá bóng xiên ngang
Chiều con, cặm cũi đôi ngày phép,
Ngôi bẽ đèn sao, phát giấy vàng.

Chuyện tiếng sáo diều

Ngày còn để chỏm chẵn bề
Xin tre hàng xóm, mải mê vót diều.
Vòi cha gọt sáo cho kêu,
Phát thơm nước cây, se đều chỉ gai.
(Thâu đêm tiếng sáo ngàn dài,
Vỉ vu tiếng vọng muốn đời quê ta).
Mải chơi, tối mịt về nhà,
Tây lòng cộng sản, bắt cha mất rồi!

Bè non bán chạy cho người,
 Tôi buồn, tôi chả buồn chơi thả diều.
 Đầu làng tiếng sáo ai kêu,
 Từng đàu tiếng nức trẻ nghèo thương cha.

Người đi Côn Đảo, Sơn La,
 Có nghe tiếng sáo quê nhà nuôi theo?
 Chăm bé đòi gạo từng chiều,
 Thương cha, đánh trống cho diều lên cao.

Cha về, tóc đã phai màu
 Đình làng mái đỏ cờ sao ngồi ngồi.
 Chiều thu diều dồng sáo đôi,
 Thênh thênh gió hát giữa trời tự do.

Lúa chiêm chắc hạt hai mùa
 Sừng thù bông nổ, đôn thù lại xây.
 Nửa chiều hạ sáo, cuốn dây
 Con bé gục giữa luống cày dở dang.
 Tôi xin đi Vệ quốc đoàn,
 Đất tẻ cha ở, bầm làng bầm dân.

Những chiều gió ngược, hành quân.
 Réo ngang đầu súng tiếng ngàn sáo diều
 Bốn bé ở cạp hang beo
 Làng tôi chắc chả chơi diều nữa đâu.

Hoà bình đẹp cánh bồ câu,
Tóc cha tôi bạc cho màu trời xanh
Cờ bay lại đỏ mái đình,
Điều nắng sáo rớt gió lành chơi vơi.

Kịp ngày cải cách quê tôi,
Nỗi mừng càng lớn, niềm vui càng đầy.
Bống mà oán mướn, thù vay,
Cha tôi phải sống những ngày tối tăm.
Bụi đầy miệng sáo nín câm.
Dây treo chuột cắn, khung nằm mỗi xông.

Quê giờ tiếng sáo lại trong,
Trăng sao lại tỏ, ruộng đồng lại tươi.
Cha tôi lại được phục hồi,
Lại mê công tác, lại chơi thả diều.
Lại ngồi gọt sáo cho kêu,
Đẫn cây tre đục, làm diều ba gian.
Diều kêu tiếng sắt tiếng vàng,
Thâu thêm réo rắt, cả làng vui chung...

Tôi theo đơn vị biên phòng,
Hôm qua mừng được mấy dòng thư quê.
Đèo cao đồi gác, ra về,
Nghe chim rừng hót, tưởng nghe sáo diều.

9-1957

Trở về quê cũ

*Đi đã mười năm mới trở về
Tâm tình tràn ngập bước đường quê
Nghe sao nao nức như hồi trẻ
Núi áo theo cha buổi hội hè!*

*Dãy núi Trang Nghiêm đứng chống trời
Mười năm núi vẫn đợi chờ tôi
Sườn cao rêu phủ xanh đồn giặc
Tôi đã về đây: núi mỉm cười!*

*Ruộng vỡ đường cày, ngô trái rơm
Phải đây Văn Miếu lối vào thôn?
Đi lâu quên cả màu hoa dại
Quên cả mùi hương gạo tám thơm!*

*Ngõ xuống bờ ao chơi ú tim
Nhà em hàng xóm biết đâu tìm?
Biết đâu vườn táo cành sai quả
Giếng đá trắng vàng đâu bóng em?*

Một cơn khói lửa mấy tôi bởi
Cảnh cũ làng xưa khác cả rồi
Ngước mắt trông lên trời cũng lạ
Nhà ai đây chứ phải nhà tôi!

Hỏi tên nhận mặt nhớ ra rồi
Mừng tủi bằng khuâng khóc lẫn cười
Trẻ xóm mười năm giờ lớn bỗng
Mười năm mất mát biết bao người...

Mẹ cha khuất núi mấy thu tròn
Vườn táo cô mình đã bốn con
Nhớ thuở hội xuân chèo đống trống
Xin mình giấy đỏ đánh môi son.

Nháo nhác đầu hồi chim sẻ kêu
Mưa thưa trắng lạnh nửa ao bèo
Sửa sai câu chuyện với trâu mận...
Giọng kể cô tôi nặng bóng chiều!

.....

Đất nước qua bao trận mất còn
Vàng son vẫn vẹn giá vàng son
Cô mừng trẻ lại năm mười tuổi,
Chẳng uống công mình, xương máu con.

*Xuân này vui tết lại vui quê
Lại chuyện làm ăn, chuyện hội hè,
Xanh biếc đầu xuân nương mạ sớm
Đậu tằm xuân nở, bướm vàng hoe.*

*Vào đám làng tôi mở trống chèo
Bay cờ, lộng gió, đỏ đuôi nheo
Lớp mà Thị Kính nuôi con mọn
Tôi biết người xem lệ chảy nhiều...*

*Hôm ấy tôi đi nắng ửng vàng
Bời bời ngô cũ tím hoa xoan.
Xóm giếng tiền hiệt, cô đưa cháu
Đến mãi đầu thôn cạnh giếng làng.*

*Dãy núi Trang Nghiêm xích lại gần
Trời cao vời vợi một màu xuân
Ta đi, chào núi, ta đi nhé!
Phơi phơi tình quê buổi xuất quân...*

Hà Nội 1952

Tháng Ba

I

Mùa vải năm nay chừng đến muộn
Chưa nghe tu hú giục xuân đi.
Nóng lòng cây gạo lia hoa đỏ
Trở búp tơ xanh đón gió hè.

II

Xếp lại chăn hồng cùng áo dạ
Mở toang bốn cửa cát then cài.
Nắng lên mất thú ngồi bên lửa
Mùa hết hoa rồi, bạn với ai?

Nam Định 3-1960

Trách mình

Còn bao nhiêu việc chưa làm đây
Quanh quẩn vào ra hết tối ngày
Vừa tính chuyện cơm, toan chuyện nước
Lại buồn khi đậu tiếc khi bay.

Có đâu thơ thần hoài như vậy
Không lẽ loay hoay mãi thế này
Mỗi sáng mỗi thêm tờ lịch rụng
Giật mình nghĩ lại trách mình thay.

Nam Định - Xuân 1960

Bài thơ quê hương

(trích)

Trải nghìn dặm trời mây bạn tôi
Thăm quê tôi, tôi rất đổi vui mừng.
Bạn nán lại cùng tôi thêm buổi nữa
Để tôi xin kể nốt chuyện quê hương.

... Quê hương tôi có cây bầu cây nhĩ
Tiếng đàn kêu tích tích tình tang...
Có cô Tấm nấu mình trong quả thị
Có người em may túi đúng ba gang.

Quê hương tôi có ca dao tục ngữ
Ông trăng tròn thường xuống mọi nhà chơi
Một đĩa muối cũng mặn tình chồng vợ
Một dây trầu cũng nhắc chuyện lứa đôi.

Con chim nhỏ cũng đau hồn nước mắt
 “Cuộc cuộc” kêu nhỏ máu những đêm vàng
 Chân ngựa đá cũng dính bùn trận mạc
 Theo người đi cứu nước chống xâm lăng.

Quê hương tôi có bà Trưng bà Triệu
 Cưỡi đầu voi, dấy nghĩa trả thù chung.
 Ông Lê Lợi đã trường kỳ kháng chiến
 Hưng Đạo Vương đã mở hội Diên Hồng.

Quê hương tôi có mùa xoè, hát đúm
 Có hội xuân liên tiếp những đêm chèo.
 Có Nguyễn Trãi, có Bình Ngô đại cáo.
 Có Nguyễn Du và có một Truyện Kiều.

Quê hương tôi có Trường Sơn một dải
 Có Hồng Hà lại có Cửu Long Giang
 Có Hà Nội, có hồ Tây, hồ Kiếm
 Có chợ Đồng Xuân bày đủ mặt hàng.

Quê hương tôi có sáu riêng, măng cụt
 Lòng bưởi đào, lòng gấc đỏ như son
 Có gạo tám xoan thổi nổi đồng điệu
 Cam xã Đoài ai bóc cũng thơm ngon.

Cánh đồng nào cũng chôn vàng giấu bạc
 Bờ biển nào cũng chói ngọc ngời châu
 Có thanh quế ngửi qua là khỏi bệnh
 Có cây lim đóng cả một thân tàu.

Quê hương tôi có những người con gái
 "Một ngày hai bữa cơm đèn..."
 Cách sông cái cũng bắc cầu dài yếm
 Cho chàng sang đình ước chuyện nhân duyên.

Trong bụng mẹ đã từng mê tiếng hát
 Nên quê hương tôi ai cũng biết làm thơ
 Những trẻ nhỏ nằm nói hay đặt võng
 Sớm hay chiều đều mượn cánh đồ đưa.

Khi có giặc những tre làng khắp nước
 Đều xả thân làm ngọn mác mũi chông,
 những trai gái thôn Đông, xóm Bắc
 Thoắt vươn vai thành những anh hùng.

Quê tôi đó, bạn ơi, là thế đó
 Mà nghìn năm rặt những tiếng kêu thương.
 Sung sướng làm sao, bỗng một ngày: có Đảng
 Có Bác Hồ, làm sống lại quê hương!

Đánh Nhật đuổi Tây cứu dân dựng nước
 Hai mươi năm kể biết mấy công trình!
 Và từ nay núi sông và cuộc sống
 Và quê hương mới thực sự của mình.

Tết Bính Ngọ - 1966



Đời

Nguyễn Bính

(Qua các hồi ức và mẫu chuyện)

Nhà thơ của tình quê, chân quê, hồn quê

Nhà thơ Thâm Tâm đã giới thiệu cho tôi quen với Nguyễn Bình. Những năm ấy Nguyễn Bình đã được giải thưởng thơ Tự lực Văn đoàn và được đăng nhiều thơ trên tuần báo *Tiểu thuyết Thứ Năm*. Tôi chỉ mới có được vài truyện ngắn đầu tay.

Ồ cái nghề báo nghề văn bát nháo ngày ấy, lắm người vừa cầm bút, lại làm áp phe, làm du côn, vay chằng chơi bữa, tống tiền, ăn tiền mặt thám, người ở lẫn với ma, người nửa người nửa ma, không biết thế nào, cho nên cách người ta làm quen với nhau cũng lắm sự lạ. Có thể trông thấy thì quay mặt đi, lĩnh ngay. Có thể khệnh khạng không thêm giờ tay đáp lễ. Có thể xong đến cho một cú “thoi sơn” quai hàm, mạng mỡ. Lại có thể sụp xuống chấp tay “đại huynh mới là thiên tài, hân hạnh... hân hạnh...”. Tôi biết như thế thôi. Chữ tôi mới cầm bút, được làm quen với một bạn viết nào cũng là điều mình mong mỏi. Và với Nguyễn Bình, cũng thấy dễ chịu ngay. Anh nhà thơ này dường như cũng tàng tàng, cảnh mình.

Còn nhớ Nguyễn Bình mặc bộ quần áo tây trắng đã tã, gấu quần và ống tay áo cũng lờm xờm như tóc tai. Anh không cắp mấy quyển sách như một của những người viết trẻ chúng tôi lúc ấy. Nguyễn Bình cầm hộp sắt tây màu đỏ lựu - cái hộp đựng bánh bích quy. Nhưng đây là cái hộp không đựng bánh. Những hộp này và những cái vỏ chai thường thấy các bà "*chai bao chè đồng nát*" mua ở các nhà Tây rồi quảy đi bán rong ở các phố ta. Tôi chưa hiểu anh cầm hộp đựng bánh bích quy ấy để làm gì.

Bắt tay rồi, Nguyễn Bình hỏi tôi:

- Này, có tiền không?

Như đã biết nhau từ bao giờ. Tôi cảm động được anh hỏi han thân tình như thế. Tôi mỉm cười. Thế là, cũng chẳng đợi tôi trả lời, có lẽ cái cười hiền lành của tôi đã khiến anh thấy tôi sẵn sàng rồi. Anh sai luôn:

- Vào bánh giò "*Đờmăng*" mua dăm chiếc naé, năm chiếc cũng không thừa đâu. Từ sáng tổ chưa được miếng nào vào bụng.

Hàng bánh giò ngon có tiếng, ở xế cửa toà báo hàng ngày *Trung Bắc Tân văn* gần vườn hoa Cửa Nam, bên cái nhà gì của Tây mà người ta gọi là nhà "*Đờmăng*" và cũng thành tên hàng bánh giò cạnh đấy.

Nhưng cũng không phải Nguyễn Bình không có đồng nào trong túi. Buổi trưa oi nắng ấy, chúng tôi rúc vào một tiệm thuốc phiện đầu Nhà Hoả. Nguyễn Bình và Thâm Tâm cũng không ai nghiện, nhưng đi hút, đua đòi đi hút cũng lại là một thói của thời thượng. Chúng tôi đánh trần ra, ngồi châu rìa quanh tám phản gỗ trong bóng tối ẩm thấp trần nhà bực nhặt trình thấp gần đung đầu của cái tiệm hút cả khổ, vắng ngắt, thế mà dường như chẳng ai biết nóng nực thế nào. Kéo xong một điếu, Nguyễn Bình nằm gối đầu lên chiếc hộp bích quy, mắt môi bóng lên, rợn như mắt mèo.

Chỉ một lát sau, thì tôi biết được sự tích cái hộp bích quy khi Nguyễn Bình ngồi lên, vuốt ve, xếp sắp lại các thứ trong ấy. Đây là bản thảo những bài thơ của anh và những bức thư tình, một hộp thư tình. Tờ trắng, tờ xanh, vết tay mồ hôi đã vệt vệt cả. Bao nhiêu thư của một mối tình, của những mối tình của anh, anh xếp chặt cái hộp. Có điều chắc chắn đây là những cái thư cũ, những người ta ở những đâu đâu ấy đã “cho rơi” anh rồi. Chỉ còn lại những lá thư trong hộp. Có chừng, mỗi lúc canh tàn rượu tỉnh, lại lôi những cửa oan trái giờ oi ấy trong cái hộp gối ra.

Bây giờ nghĩ lại những ngày ấy, đứng ở góc nào mà ngắm, khi vui khi buồn cũng thế, chỉ rất một mầu ảo nào, mặc dầu khi đó chúng tôi đương vào lứa tuổi đôi mươi và mỗi bài thơ, cái truyện ngắn viết ra, lại bốc nhau lên mây, mặc dầu những cuộc chơi nghiêng lệch cả ngày đêm, bằng tiền của ai không biết, như lũ thiêu thân lao vào ánh đèn, chúng tôi đi, cứ đi, không biết đi đến đâu, bởi chẳng biết đi đến đâu cả. Không phải tôi muốn nói bóng nói gió cao xa về sự nghiệp, về lý tưởng mà tuổi trẻ đi tìm. Tôi chỉ so sánh mọi việc bình thường ở mỗi con người. Người ta tuổi đương độ, ai mà chẳng ước ao được sống tử tế, trai có vợ, gái có chồng. Nhưng với biết bao người, đấy chỉ là cơn mộng. Không biết nhà thơ Nguyễn Bình tích được đến mấy chiếc hộp sắt tây đựng thơ và thư tình mà cấp nách tha đi từ Bắc vào Nam, nhưng cả một thời thanh xuân, tôi cũng chưa thấy anh một lần nào lấy được vợ. Dầu cho những bức thư tình kia là những bằng chứng sống về lời thề sông cạn đá mòn, có lúc dọa cắt tóc đi tu và uống thuốc phiện dấm thanh cho chết, nhưng cũng không người con gái nào yêu thơ rồi say mê nhà thơ đến đi theo không. Còn nhà thơ thì chẳng làm sao lo được tiền cưới, ở cái thời mà những thói tục phiền nhiễu và đồng tiền to hơn nghìn vạn lần tình cảm con người.

Tôi nghĩ mãi cũng không ra được câu trả lời nào khác hơn là đem cái kết luận dung tục, phủ phàng, u ám kia mà phủ lên những mối tình xếp vào hộp gởi đầu của nhà thơ. Nhưng mà tuổi trẻ vẫn nhớn nhoe như gặp ai tìm ai. Chân nằm trong cái ngõ “sau ánh sáng” nhà Trần Huyền Trân chỗ Cống Tráng Khâm Thiên, lại xuống ăn báo người bạn chài lưới yêu thơ ở đầm Linh Đường, rồi lên nhà Chu Ngọc “mà ai cũng đến tá túc được” ở phố hàng Đồng, rồi có khi kéo lên Nghĩa Đô. Những lúc ấy tưng bấn lắm. Chơi bởi có bao nhiêu, nhưng ở đâu cũng không ra khỏi cái cảnh tương tự ngày ngày ra bờ sông Tô Lịch mua xu rau muống hay xin được những mớ rau của các cô bơi thúng hái rau sinh ra hảo tâm bởi thuộc thơ Nguyễn Bình.

Mà thật mê mải, những ngày ấy. Tối đến, hình như mọi việc mới bắt đầu. Chúng tôi với anh em trai làng lại nhớn đến rạc cả khắp vùng. Các làng Bưởi làm nghề giấy, từng dãy tàu seo đem seo đèn, từ dọc bờ sông vào suốt dãy làng Đông sang Cầu Sau, ra Hồ Tây. Ánh đèn quang treo giữa lều tàu, những cái đèn chai xách lúc hết seo, như đom đóm bay. Những chàng trai lộ mặt ra trong ánh đèn thấp thoáng, tiếng khuôn liềm khua vào thành tàu đã kiệt, nước đổ rả rích lẫn cả tiếng cười canh khuya, như xé cơn buồn ngủ của những cô thợ seo.

Chỉ có thể mà cứ sẵn đón suốt, đêm nào cũng như đêm nào.

Lại nhớ những hôm rét lướt thướt vào áp Tết, ở Nghĩa Đô chúng tôi chen chúc ngồi đánh tam cúc trong ổ rơm. Đánh chơi ăn đẹt mũi, búng tai mà thôi. Những cô Tý, cô Mơ, cô Mận, cô Tơ - gái làng canh củi, thuộc *Kiểu* lại thuộc cả quyển *Lỡ bước sang ngang*. Khi cười thì cười ngật nghẻo tí con mắt lá dăm. Tưởng như đứt cơn cười, những cô gái đa tình ấy có thể vứt cả lồng tơ khung củi mà đi theo ngay cái anh chàng làm thơ tài đến thế. Mà cũng chỉ vậy thôi.

Những lang thang, những thất vọng và vô vọng bất đắc dĩ. Ở đâu cũng thế. Cái lần đi Sài Gòn với Nguyễn Bình và Vũ Trọng Can - "*chừ* một đi không bao giờ về". Chẳng phải qua sông Dịch đâm chém ai đâu, ấy là mượn câu thơ xưa để nói bóng cho đẹp và buồn cái nỗi chỉ xoay được tiền vé tàu hoả đủ xuất vào đến Sài Gòn.

Có lẽ đây là một việc làm ngổ ngược và ngây ngô nhớ đời, mà ý nghĩa của nó thật bao thâm thương.

Ở trên tàu bước chân xuống ga xe lửa thành phố, chẳng có người quen đến mức phải ra ga đón và trong túi không ai còn một xu. Chợ Bến Thành với cái bãi bùng bình trước mặt, người ăn uống rào rào như tầm ăn rỗi. Làm thế nào bây giờ.

Vũ Trọng Can nghĩ ra một kế hay hay. Mắt anh trở ra, ngơ ngác một cách hồn nhiên. Ờ mà phải như thế chứ. Chúng ta sẽ làm ra tiền hẳn hoi. Chúng ta sẽ diễn thuyết thu tiền, diễn thuyết thu tiền nhé, đúng, diễn thuyết thu tiền. Cả ba thằng lần lượt sẽ diễn thuyết. Chúng ta tổ chức diễn thuyết thu tiền người đến nghe.

Nguyễn Bình hay cốt nhả, như thói quen của anh:

- Ừ, cũng là một cách, như đi hát xẩm. Không phải xẩm mù, mà xẩm chợ, xẩm sáng. Nhưng còn thiếu cái nón, cái nón ngửa ra, hay là làm cái nong cho người ta ném tiền thưởng vào cũng được.

Vũ Trọng Can không chấp câu đùa mĩa, lại hăng hái hơn:

- In vé, in vé. Ta sẽ bán vé. Có người bán vé cẩn thận.

Một công việc lương thiện - Vũ Trọng Can còn cất nghĩ nhiều lần, trong khi chúng tôi không tỏ vẻ vô vấp, cũng không phải là ngãng ra. Viết sách viết báo, bán chữ lấy tiền, thì người ta có thể bán nói, cũng thế. Thế rồi làm thật. Anh ấy đã tìm được một người làng, tên là Tập. May mắn sao, anh Tập đã sốt sắng tận tình lo liệu cho cuộc diễn thuyết kiếm ăn này. Một tập vé từng tờ con con như cái vé chợ, vé xe điện. Trông dằng hoàng những hàng chữ in: "Sáng ấy... sáng ấy... từ giờ....

đến giờ... tại rạp Thành Xương, văn sĩ Vũ Trọng Can, tác giả truyện ngắn Màu hoàng yến đã đăng trên báo Ngày Nay của Tự Lực Văn đoàn, mới ở Hà Nội vào, nói chuyện về... Kính mời... giá vé...”.

Nơi diễn thuyết tại rạp Thành Xương mới ghê! Tuy vậy, những rạp hát vào buổi sáng thường bỏ không. Giá thuê rạp chắc cũng chẳng bao nhiêu. Nhưng cũng bởi vì chúng tôi chẳng có cách nào - nghĩa là không đào đâu thêm tiền, cho nên không thể thuê đăng báo hay in áp phích. Chỉ viết được hai tờ quảng cáo rồi thuê chỗ mà dán vào tấm bảng gỗ cổng rạp và ở bùng binh cửa chợ. Bởi thế, trước giờ sớm hôm ấy, mỗi người chúng tôi cầm một nam vé, đi các phố xung quanh, từ đường Galiêni sang ga xe lửa, chợ Bến Thành, đường Etbanh, hề thấy người nào ăn vận vẻ chững chạc dân thầy bèn chia xấp vé ra: “Mời thầy đi nghe diễn thuyết... văn sĩ... giá vé một các... có một các thôi mà... xin mời...”.

Tôi không thể hình dung lại được cái quang cảnh cuộc diễn thuyết lấy tiền có một không hai ấy thế nào. Cả đêm hôm ấy Vũ Trọng Can nói những gì, tôi cũng không nhớ. Nhưng tôi lại nhớ như nguyên vẹn lộn xộn từ hăng hái đến rầu rĩ của mấy hôm ấy. Chúng tôi chia ra, người đứng cửa bán vé, người soát vé, người mời khách vào. Diễn giả cũng đứng ngay trước cửa, tóc chải bi-ăng-tin uốn lượn,

thất chiếc cà vạt màu hoàng yến. Từ ngày Vũ Trọng Can có cái truyện ngắn “Màu hoàng yến” đăng báo, anh hay đeo cà vạt màu hoàng yến, mỗi lần lại phải đi mượn mà cũng cứ cầu kỳ khó nhọc thế.

Diễn thuyết bán vé, kể cũng thật lạ và hình như chẳng mấy người bước vào. Ở nách rạp Thành Xương có cái trường nữ học, Nhật đã đóng, có lính ngự Ẩn gác cổng mà người ta gọi là lính oản Bô⁽¹⁾. Hai người lêu đêu mặt bồ hóng đầu quần khăn thường, tay cầm chiếc côn gỗ, thơ thẩn nhìn người vào rạp. Người đi chợ, người qua đường tò mò xúm xem mấy “anh chín” quần thường có phần đông hơn người vào rạp. Chốc chốc, hai cái đầu tàu điện kéo lũ toa ngược xuôi chạy rầm rầm ngoài kia.

Tôi chỉ nhớ bằng cái cảm tưởng nhộn nhạo buồn bã như thế. Quả thực, không nhớ được hôm ấy đông hay vắng, vé còn ế một xấp hay mấy xấp. Nhưng không có buổi diễn thuyết thứ hai thứ ba mà chúng tôi cũng phải đăng đàn như Vũ Trọng Can đã dọa. Chỉ một buổi ấy thôi, một hôm ấy. Đấy cũng là một điều quả nhiên không vui vẻ như ý rồi.

Chỉ đi ăn vài bữa cơm thố, bấy giờ cơm thố còn là loại cơm mật hạng, thì lại hết tiền. Ngày ấy, cặn túi lăm mới phải đi quán cơm thố của mấy chú

⁽¹⁾ Sanda Bô, bủ nhìn Ẩn theo phát xít Nhật.

chiếc chợ cũ. Cơm thố, chưa cầu kỳ lắm món như bây giờ. Có xu cơm ca la thầu với nửa xu canh cải cúc - như hàng cơm đầu ghế ở các cổng chợ ngoài kia.

Thế rồi chia tay. May mà cũng êm ả, không có xô xát, cũng không cãi cọ to tiếng cấu xé nhau như thường cái cảnh bè bạn mỗi người mỗi ngã khi đương cơn túng bấn.

Ít lâu sau, Vũ Trọng Can và tôi trở ra Hà Nội. Nguyễn Bình ở lại và trôi nổi cho tới Tổng khởi nghĩa 1945.

Năm 1976, tôi trở lại Sài Gòn. Năm ấy, anh Tập còn sống, anh vẫn nghèo túng, làm ăn nhè nhàng như ngày trước. Tình cờ gặp anh trong cái quán thịt chó, mỗi tuần chỉ bán có ba buổi ở hẻm đường xe lửa của một bà già người Bắc xưa kia làm ả đào. Anh Tập ngồi ăn, cái ô đen dựng cạnh bàn. Anh móm hết răng, chỉ còn nhai bằng lợi được món dưa mận quá lửa. Tôi hỏi vui về cái ngày anh in vé giúp chúng tôi cho Vũ Trọng Can diễn thuyết, cái hôm diễn thuyết tang thương ấy. Cũng là bên chén rượu, hoài cổ chơi thôi.

Anh lắc đầu, anh nói chẳng nhớ. Có lẽ anh vẫn nhớ - trí nhớ người ta khi trẻ thường nhớ dai, nhưng dường như anh không muốn nhớ, chẳng còn hào hứng nói lại nữa. Cũng như những chuyện bông lông chìm nổi như tên về Nguyễn Bình có thể

kể hết một nghìn một đêm hơn, trời sáng rồi trời lại tối, câu chuyện lại bắt đầu, những chuyện thương đau của đời người trong xã hội ấy bao giờ cạn được.

Chỉ biết cái thời ấy nó thế. Muốn có miếng cơm tử tế mà không được, muốn yên thân cũng không thể ở yên. Chứ phải đâu bệnh giang hồ, đây là những lời đẹp tự dối mình mà thôi. Chưa ai nghĩ có khi nào có cái xe đạp. Ôi chao!

*

* *

Tất cả những điều ấy sống trong mộng mị và đã thành thơ. Từ cuộc đời phũ phàng đến thế, từ những ước ao thực như thế, đã thành thơ. đây cũng là tâm sự, là ước ao của vô vàn người trong xã hội lúc ấy. Điều đó cắt nghĩa tại sao thơ Nguyễn Bình nhiều người đọc, nhiều người thuộc đến thế. Bạn đọc và người thơ đã gặp nhau, hai người cùng sống trong thơ.

Cái làng Thiện Vịnh trong thơ Nguyễn Bình cũng chỉ là một bóng mơ. Làng Thiện Vịnh thật có giữa vùng chiêm khô mùa thối đất Nam Định, Thái Bình, đâu đâu cũng xơ xác nước trắng đồng, gió lùa sông đồng cồn lên, quần lại, lật thuyền mảng, cả đến người ra cứu lúa cũng chết đuối. Mỗi năm, mỗi mùa, biết bao nhiêu người đã bỏ làng đi

thơ phương. Nhà thơ bó gối ngồi nhìn vào trong đêm. Chỉ nghĩ lại cũng đã se lòng. Nhà thơ tưởng tượng trên những khổ cực ấy, phấp phới những lửa tuổi đương tơ, hoa cải vàng thàng chập, mưa dây, mưa dọ, trăng rằm sáng như ban ngày và những đêm chèo hát...

Thơ là niềm khao khát, là ước nguyện của con người. Khi chưa quen Nguyễn Bình, tôi cũng không thật hiểu được những bài thơ viết về đồng quê của Nguyễn Bình, và cũng chưa phân biệt được đâu là chút lòng mộc mạc thiết tha của người làm thơ, đâu là cái hoa hoè hoa sỏi của chàng trai quê ra tỉnh. Rồi mỗi khi gặp chính trong cuộc sống khốn khó hàng ngày tưởng như chẳng liên quan gì đến những bài thơ quê sáng như lụa của Nguyễn Bình, tôi lại rõ ra ý nghĩa sâu thẳm của mỗi câu thơ với quê hương. Chỉ có quê hương mới tạo nên được từng chữ từng câu Nguyễn Bình. Trên chặng đường ngót nửa thế kỷ đời thơ, mỗi khi những gấn bó mồ hôi nước mắt kia đầm lên, ngây ngất nhớ thương, day dứt không thể yên, khi ấy xuất hiện những bài thơ tình quê tuyệt vời của Nguyễn Bình.

Những lịch lãm, những trải đời, con người tất bật giữa cuộc sống bon chen cùng với những lăn lộn từ tấm bé đã làm cho Nguyễn Bình thành con người như mọi người, con người của làng xóm cả

đời trong lũy tre, nằm mơ có quyền sách ước gói đầu, mà những điều ước to tát nhất cũng chỉ là ba gian nửa lá, giàn đồ ván, cái chuôm, thàng chạp chuôm cạn nước thì cây cày. Mong đẹp nho nhỏ ấy cũng chưa bao giờ có được.

Thì trong thơ có cả.

Nguyễn Bình chẳng khác một người tài kể chuyện, cứ nhẩn nha nói về mọi thứ quen thuộc quanh mình mà khiến ta phải chú ý. Ở mỗi xóm mỗi làng, thường thấy những bác thợ cày, thợ cối, thợ rèn, thợ ngoã, bà hàng nước vối, hầu như vùng nào cũng có những người giỏi đặt vè, nói tiêu slâm, pha trò, kể chuyện khéo đến nỗi "*con kiến trong lỗ phải bò ra*", ai cũng thích nghe, vì như cuốn truyện hay, đọc chẳng bao giờ muốn thấy trang cuối. Nguyễn Bình là một người tương tự. Cái thần của sáng tạo chính là cũng ở một người ấy, việc ấy, cảnh ấy, ngòi bút đã tìm ra những dáng vẻ riêng biệt, trong khi ta trẻ nãi nhác qua, chẳng thấy khơi gợi được điều gì mới mẻ.

Con người anh trông nhôm nham lắm. Tay chân thô nhám quềnh quàng, lúc nào cũng lừ đừ thủng thỉnh, như "*ông từ vào đến*", như người thong thả đi giữa làng. Lại lam lũ như vừa lướt mướt từ đồng sâu mò lên, dẫu cho anh đương mũ áo chững chạc trên đường phố. Khi nào anh cũng

là người của các xứ đồng, của cái điều bay, của dây hoa lý, của mưa thưa, mưa bụi giữa mọi công ăn việc làm vất vả sương nắng. Bởi đây là cốt lõi cuộc đời và tâm hồn thơ Nguyễn Bình. Quê hương là tất cả, mà cũng là nơi in đậm dấu vết đời mình. Ở Nguyễn Bình, quê anh là hình bóng đất nước, những nơi anh đã đặt chân với vô vàn kỷ niệm và quê anh cũng là vùng chiêm trũng mênh mông Phú Xuyên, Bình Lục, Ý Yên, Vụ Bản - cái rốn nước đồng bằng sông Hồng, ở đây, nhà thơ thân thương của chúng ta đã lênh đênh thân con cò con diệc đồng sâu.

Sức mạnh sáng tạo của Nguyễn Bình cũng từ nơi đồng đất trắng trời, trắng nước này. Làng Thiện Vịnh, làng quê chôn rau cắt rốn của anh, cái làng đồng trũng mà chắc đến mùa nước thì con đường con đê liên huyện kia chỉ còn là một sợi chỉ mỏng mảnh bên làn nước giữa gò đất, bờ bụi, tre pheo. Sao mà lắm gió thế, gió trên đồng đêm ngày giạt lên, gào lên từng cơn. Làng nước xám ngắt, quang cảnh tiêu điều lam lũ ảm đạm, nheo nhóc.

Thế mà:

Bữa ấy mưa xuân phơi phơi bay.

Hoa xoan lớp lớp rụng vơi đầy

Tầm vóc, thật tầm vóc, mỗi câu thơ Nguyễn Bình. Trong cuộc sống triền miên đồng trắng nước

trong cả đời, người ta vẫn đợi chờ mong ngóng những rộn ràng óng ả của một *hội chèo làng Đặng đi ngang ngõ*. Tình thân và triết lý ấy, nhìn suốt đáy thơ Nguyễn Bình, thấy được từ mỗi ước vọng hàng ngày của người ta. Tài năng và sức mạnh sáng tạo của nhà thơ là một vối cội nguồn thơ anh. Từ những dẫn vật, những mơ tưởng nhỏ nhoi đọng lại. Mùa này mất trắng lại mong cho đến mùa sau được thấy mặt hạt thóc. Cái củi rền trôi quá ngoài sông, không vớt được cũng tiếc. Vợ chồng cãi nhau, người vợ ôm mặt, than thở: *"Giá như ngày ấy theo cái người dưới Đông thì chẳng đến nỗi nào, khổ cái thân tôi..."*. Hoa xoan và mưa bay giữa hội chèo làng Đặng đã sinh ra từ những như thế. Người ta than thân trách phận, nhớ tiếc, ước ao, ở giữa làng mà tưởng ra quê mình tận đâu đâu kia.

Được như thế mới là Nguyễn Bình và cuộc đời, những con người và cuộc đời. Nguyễn Bình biết làm thơ từ thuở bé. Vừa thuộc mặt chữ đã đọc ra thơ. Một tài thơ bẩm sinh. Cho đến khi thành những bài thơ đầu tiên của nhà thơ, những bài thơ hay nhất của Nguyễn Bình cũng là những bài thơ đầu tiên ấy. Thật rõ ở Nguyễn Bình, khi năng khiếu trong thơ được khơi từ cuộc sống chân thực, lý trí và bản năng nhà thơ hoà một tấm lòng.

TÔ HOÀI

Nguyễn Bình - một vì sao

(Trích hồi ký)

Nguyễn Bình đã xa tôi 20 năm rồi ư? Một tia chớp thời gian: Hai thập kỷ vèo bay.

Không, Nguyễn Bình vẫn còn đây, vẫn ở bên tôi ngày đêm xuống hạ ngâm vịnh, cùng nhau sẻ ngọt chia sầu. Những thư từ Bình viết cho tôi đây, những bài thơ còn trong bản thảo tôi trân trọng giữ gìn cũng như giữ gìn những tấm hình chụp trong nhiều thời gian khác nhau. Chưa bao giờ tôi cảm thấy mất Nguyễn Bình...

Giải quyết khích mà nhóm Tự lực văn đoàn trao cho tập thơ *Tâm hồn tôi* chưa đủ sức đưa Nguyễn Bình lên đài danh vọng. Nguyễn Bình chỉ thực sự nổi tiếng khi tờ *Tiểu thuyết thứ Năm* liên tiếp trong ba kỳ đăng ba bài thơ *Lỡ bước sang ngang*, và sau đó không số báo nào không có thơ Nguyễn Bình.

... Còn nhớ năm xa xưa, cách đây gần nửa thế kỷ sau đám tang Phan Thanh, tôi lại thăm Bình trên gác Hoàng Mai, một căn nhà nhỏ Bình thuê chung cùng Đức Trán, căn gác luôn vang lên những tiếng ngâm thơ của đôi bạn tri âm...

... Trên căn gác Hoàng Mai đó, mà Bình gọi là Mọc hoa trang, Đức Trán đưa tôi coi bài *Chân*

quê của Bình và hỏi: - Bài thơ này ông biết rồi đấy, nhưng đố ông biết tác giả muốn nói gì? Tôi đáp: - Bài thơ trần trụi tới mức như con nhộng, ai mà chẳng hiểu Bình ngồi im, Đức Trấn cười: Ủ, thì ông cứ đọc đi, đọc thêm, một lần nữa, và suy nghĩ xem tác giả có ngụ ý gì? Tôi đọc to:

*... Hoa chanh nở giữa vườn chanh
Thầy u mình với chúng mình chân quê
Hôm qua em đi tỉnh về
Hương đồng gió nội bay đi ít nhiều.*

Đọc xong bài thơ, thấy tôi vẫn giữ ý kiến cũ, Đức Trấn nói: - Thế là ông chỉ biết một mà không biết hai. Ông biết không, đây là bản Tuyên ngôn của Nguyễn Bình đây, tuyên ngôn chống lại các kiểu thơ lai căng, Âu hoá tới mức lộ liễu, thậm chí dịch nguyên xi hay gần như nguyên xi thơ nước ngoài đại loại như: "*Yêu là chết ở trong lòng một ít*"...

Lúc này Bình mới cười:

- Thật ra tôi cũng không đến nỗi cực đoan đến thế đâu. Tôi chủ trương thơ Việt viết cho người Việt, trước hết phải mang sắc thái và phong cách Việt, do đó giản dị là một điều cốt lõi. Giản dị đây không đồng nghĩa với dễ dãi tầm thường. Mới đây trên tờ *Tin Mới* ông Thượng Sĩ nào đó phê phán và chê Nguyễn Bình "làm vè" chứ không phải làm thơ. Vâng, nếu cho là "vè" cũng cứ được đi, miễn là được đông đảo quốc dân đồng bào chấp

nhận và truyền khẩu. Thơ ông là tiếng lòng phát đi từ trái tim mình, nhất thiết phải tới trái tim người khác. Nếu trái tim người khác hồ hững thì dù cho là “*tiếng lòng*” của mình chẳng nữa cũng không phải là Thơ.

Chúng tôi đều im lặng, Bính lại tiếp:

-Thơ phải mang tính cách chân thật, càng chân thật càng tốt. Khi tôi viết:

Nhà nàng ở cạnh nhà tôi

Cách nhau cái đậu mừng tôi xanh rờn

Thì đúng sự thật có đậu mừng tôi y như vậy, có cô hàng xóm y như thế. Cô hàng xóm ấy ngày ngày mang tờ vàng ra hong ngoài mái hiên, cô không bao giờ cười, mắt lúc nào cũng “*buồn đăm đăm*”. Từ ngoại cảnh ấy, tôi xúc cảm ra sao, tôi suy luận như thế nào, cứ thế mà điểm xuyết vào, miễn sao cho nhuyễn. Toàn bộ thơ tôi từ trước tới nay và từ nay về sau luôn trung thực với lòng mình thấy gì viết thế, nghĩ sao nói vậy.

Chỉ cho tôi coi cây bàng trụ lá trước sân, Đức Trấn nói:

- Cảnh này đã khiến Nguyễn Bính viết rất chân thật:

*Thu đi trên những cánh bàng
Chỉ còn hai chiếc lá vàng mà thôi
Hôm qua đã rụng một hồi
Lá theo gió cuốn ra ngoài sơn thôn*

Từ cảnh thực ấy. Bình liên tưởng tới thực tại khá bi quan, chẳng là bữa đó chúng tôi chỉ còn vèn vện có hai đồng (hai chiếc lá vàng), bỏ ra một đồng mua rượu và thức ăn hôm đó, nên “*đã rụng một rồi*” là thế đấy. Cảnh đã gây xúc động và gợi hứng cho thi tứ cũng là thế đấy...

Nguyễn Bình có một tập thơ đầu tay chưa in mà Bình rất trân trọng. Đó là Tập thơ *Bướm*. Bình tự nhận “*tiền thân*” của mình là Bướm, nên lấy bút hiệu là Điệp Lang, tự coi mình là Hồ Điệp. Trang sinh, hồn bướm mơ hoa, những giấc bướm đã ru Bình vào giấc mộng triền miên, quên cái thực tại đau buồn, suốt thời thơ ấu. Bên cạnh tập thơ *Bướm* đó, Bình còn cho tôi coi bộ sưu tập khá công phu về những cánh bướm đủ loại, đủ cỡ, đủ sắc màu mà Bình săn bắt trong những tháng năm ở Thái Nguyên, Phú Thọ, Yên Bái, Cao Bằng...

Một số bài thơ *Bướm* sau này Bình chọn lọc và lần lượt cho xuất hiện rải rác trong các tập thơ xuất bản. Và, như chúng ta thấy trong toàn bộ thơ Nguyễn Bình, hình ảnh con Bướm khi ẩn khi hiện, đó đây thấp thoáng.

Sau thời kỳ Mặt trận Dân chủ, đế quốc Pháp lộ nguyên hình, ra tay đàn áp khủng bố, xiết chặt mọi quyền tự do mà trước đó phải miễn cưỡng ban bố nhỏ giọt, tạp chí *Bình minh* bị đóng cửa. Tuệ

Anh, Phạm Cẩn, Xuân Miến, Nguyễn Đức Hình, Hoàng Tôn (tức họa sĩ Ngân Hà) và tôi, mỗi người một phương, tan tác. Tôi chia tay với Nguyễn Bình và Đức Trấn vào Sài Gòn *"tha phương cầu thực"*. (Đức Trấn ơi, nếu còn, giờ này anh ở đâu?).

... Cuộc sống trở nên nghẹt thở. Thiếu quê hương, thiếu chân trời, bơ vơ đứng giữa ngã ba đường... đó là tâm trạng chung của các văn nghệ sĩ hồi đó. Phải đi! Phải lên đường! Phải tự lừa dối mình bằng những mỹ từ, phải thi vị hoá cuộc sống vốn chẳng tốt lành gì. Để tạm quên đi những khổ đau trước mắt, những dằn vặt hàng ngày vì chén cơm manh áo, phải giang hồ. Phải đi, đi xa Hà Nội, dù sang một tỉnh kế cận cũng là giang hồ. Ít ra cũng thấy chân trời mở rộng. Thế là Bình lang thang hết Hải Dương lại Hải Phòng, lại quay về Hà Nội, lại đi Bắc Ninh, Bắc Giang, lại quay về Hà Nội, lại chán lại buồn bởi cảnh *"quanh quẩn mãi với vài ba dáng điệu, tới hay lui cũng gần ấy mặt người"*. Rồi Bình vào Ninh Bình làm tân khách nhà Quốc Ân, Thanh Nghị. Núi Non Nước, núi Hối Hạc cũng như sông Vân cũng không "ướt được cánh chim giang hồ", Nguyễn Bình vào đất Lam Kinh sống với Hà Khang. Không bao lâu Bình lại quay về Thăng Long. (Gì thì gì muôn năm Hà Nội vẫn là đất thánh). Một bộ quần áo nhàu nát, trong

túi cạn tiền. Những số nhuận bút quá khiêm tốn của những tập thơ liên tiếp in ra không đủ cho Bình chi dụng. Trong cảnh xã hội bế tắc hồi đó, Bình là người bế tắc nhất.

Bình vô Huế, tháp tùng có Vũ Trọng Can. Chính tại đây, Nguyễn Bình đã sáng tác nhiều bài về Huế có giá trị như chúng ta đều biết.

Giữa năm 1943 tôi có dịp về Bắc. Được tin, Bình từ Thanh Hoá vội ra thăm và ở chơi với tôi ít lâu tại Phúc Am. Chúng tôi nhổ to tâm sự có khi thâu đêm tới sáng cho bỏ những năm dài xa cách, mặc dù tin thư giữa chúng tôi không hề đứt quãng. Một hôm đột nhiên Bình hỏi:

- Ông hiểu Lữ bước sang ngang ra sao? - Thì mô tả một người con gái duyên phận ngang trái, bị ép duyên chẳng hạn, qua sông sống với người mình không ưa không chuộng. Bình cười: - Đúng rồi, nhưng Ngang đây phải viết hoa mới đúng, vì đó là tên làng, làng Ngang nơi quê tôi.

Tôi hỏi lại Bình: - Ông viết gì mà lạ vậy, định đánh đố bạn đọc hay sao, cái gì mà lại:

*Nhà nàng bên gốc cây mai trắng
Trên khóm mai vàng dưới đế kinh.*

Bình cười vui:

- Thì tôi vẫn nói là tôi chủ trương thấy sao nói thế không phải ư? Nhà nàng bên gốc cây mai trắng,

chẳng là Bạch Mai là gì, còn: Trên khóm mai vàng, thì đúng là Hoàng Mai. Dưới Đế kinh ư? Bình cười ha ha, thì dưới phố Huế không đúng thế sao.

Tôi tò mò:

- Này, trong huyền thoại Bích câu kỳ ngộ chỉ có một chàng Tú Uyên, vậy ông moi ở đâu ra nàng Tú Uyên:

Nàng Tú Uyên ơi

Cả mùa mai trắng đã rụng rồi?

Một thoáng buồn hiện trên nét mặt. Bình tâm sự: Tối qua tôi đã kể ông nghe một mối tình "*trộm nhớ thầm yêu*" của tôi với cô Oanh sông Nhuệ, kết quả là có tập thơ *Tâm hồn tôi* và tập văn xuôi *Ngâm miêng*, và mối tình yêu của tôi với tác giả *Bức tranh quê*, kết quả là *Hương*, cố nhân ra đời. Để lý giải cho rõ hơn, để nói lên những điều gì không nói được hết trong thơ, tôi đã nói hết trong văn, đó là tập *Hai người điên giữa kinh thành Hà Nội*, như ông đã biết. Còn *Người con gái ở lầu hoa* với nàng Tú Uyên? Đây là một người con gái có thật bằng xương bằng thịt hần hoi. Tên thật cô ta là Tuyên là Nguyễn Thị Tuyên, em gái của Nguyễn Đình Lạp đấy.

Thế rồi trong khi tình cảm lên cao, Bình còn tâm sự với tôi trong khi giao du ở xóm yên hoa, đã có con với một đào nương tên là Dung ra sao, để có

bài thơ *Có bao nhiêu lời tâm huyết ấy*. (Sau đổi thành *Oan nghiệt* khi tuyển chọn vào tập *Nước giếng thơ*).

Một đêm chúng tôi bình thơ và uống rượu tới khuya, đột nhiên nghe tiếng còi tàu liên hồi báo hiệu sắp vào ga Ninh Bình. Tiếng còi tàu mà gợi thương gợi nhớ, thúc giục lên đường. Tiếng còi tàu trong đêm làm xôn xao lòng người. Bình đã có nhiều bài thơ nói về tiễn đưa, nói về nhà ga, sân ga, nói về chuyến tàu, nhưng giờ đây thì hứng vẫn nổi lên khi nghe tiếng còi tàu trong đêm xé không gian. Và Nguyễn Bình ngồi vào bàn làm thơ. Bình nói: Đêm nay không làm thơ thật là nhảm, không có thơ tặng Hoàng Tấn là vô tình:

... Chiều nay còn ở Ninh Bình

Sáng mai đôi ngả xuôi mình ngược ta

Chiều nay chung một mái nhà

Sáng mai ngã bảy ngã ba đường đời

Rồi đây lưu lạc quê người

Chắp tay tôi nguyện: - Lạy trời gặp nhau...

Bài thơ *Nửa đêm nghe tiếng còi tàu* ra đời trong bối cảnh thời gian và không gian như thế.

Thế rồi sáng hôm sau Bình lên đường thật. Bình lại về Hà Nội để, theo Bình nói, trước hết lấy tiền nhuận bút tập *Một nghìn cửa sổ*, sau kiếm Văn Phú, một diễn viên kịch thơ nổi tiếng để dàn

dựng lần nữa vở kịch thơ *Bóng giai nhân*. Tôi ngờ ý mời Bình vào Sài Gòn. "*chia đôi cuộc sống*". Bình nhận lời lưỡng lự và ra điều kiện: - Nếu *Bóng giai nhân* có thể ra mắt, ông phải thủ giùm tôi vai tráng sĩ, rồi đi đâu hãy đi.

Ít lâu sau tôi cũng lên Hà Nội. Tiền nhuận bút bài *Có bấy nhiêu lời tâm huyết ấy*, Bình tiêu hết từ lâu cũng như nhuận bút tập *Một nghìn cửa sổ* do bà Nguyễn Mạnh Bổng chi. Việc tái diễn *Bóng giai nhân* xem ra cũng trầy trật. Tôi rủ Bình vào Nam. Bình hứa lần nữa. Cuối cùng tôi phải đơn ca bài *Độc hành ca*.

Thật lạ lùng, tôi trở lại Sài Gòn chưa đầy một tháng thì Nguyễn Bình cũng có mặt nơi "*Hòn ngọc Viễn Đông*", cùng đi có Tô Hoài và Vũ Trọng Can.

Lúc đầu Bình tá túc tại nhà người anh họ, - Ông Niệm chủ nhân hiệu mũ Gà Nam ở Chợ cũ. Lại thăm Bình thấy sinh hoạt bất tiện, tôi mời Bình về cùng tôi chung sống. Hồi này Nguyễn Long và tôi thuê một căn nhà ở đường Nancy, có một vườn nhỏ, trồng hoa và một ít cây ăn trái. Lại chơi, Bình rất lấy làm ưng ý, bèn mang sách vở quần áo đến ở. Bình đặt cho ngôi nhà này là Lan Chi, có vườn nhỏ nên còn gọi thêm Lan Chi Viên: lan Chi phiên âm từ Nancy mà ra. Căn nhà này vẫn là nơi thường lui tới của Lê Tràng Kiều, Thiếu

Sơn, Tô Uyên, Trúc Khanh, Hoàng Phố và Thanh Bình. Từ khi Nguyễn Bình ở, khách khứa, bè bạn đến đông thêm. Đó là những người yêu thơ gồm các công chức, học sinh, sinh viên, mếm mộ tiếng tăm và tài năng Nguyễn Bình đến làm quen, kết nghĩa... Hoạ sĩ Ngân hà, Xuân Miên, Nguyễn Đức Hình cũng đôi lần lui tới. Trước đó có lần Xuân Diệu từ Mỹ Tho lên Sài Gòn cùng ghé ngủ một đêm bình luận về thơ.

Giai đoạn này là giai đoạn tôi chung sống với Nguyễn Bình lâu nhất do đó biết rõ các ưu cũng như khuyết của Bình. Nếu với thơ, Bình kỹ lưỡng đến nỗi suy nghĩ có khi đến quên ăn quên ngủ vì một từ, viết nháp nhiều lần, sửa chữa kỹ lưỡng từng câu từng chữ, trước khi đưa in viết sạch sẽ rõ ràng nắn nót bao nhiêu, thì trong cuộc sống Bình bạt mạng buông thả bấy nhiêu. Tính thích khôi hài giàu óc tưởng tượng, thông minh nhanh nhạy, ứng phó mau lẹ như Án Anh, Bình thường hay châm chọc đả kích bạn bè. Cái mà Nguyễn Bình thù ghét nhất là những bài thơ dở, cũng như những người làm thơ không hay. Đưa cho Bình coi một bài thơ mà Bình cho là dở, thì lập tức không nề gì tác giả đang đứng trước mặt, dùng những lời lẽ cay độc để chê bai khiến tác giả đỏ mặt, nhiều khi tự ái phát khùng. Lại còn tính kiêu

kỳ khinh bạc nũa. Ngay cả với những người cưu mang Bình, khi thất thố điều gì, là Bình thẳng cánh mất mặt mất nhát. Nhưng đặc biệt lạ lùng là sau một cuộc đấu khẩu nảy lửa gay gắt, dẫn đến việc phải xa nhau, chỉ một thời gian sau, gặp lại, Bình lại vui vẻ niềm nở như không hề có chuyện gì xảy ra. Riêng về thơ, Bình tự cao tự đại quá quắt, chê thơ người này non, người kia dở, kể cả với những thi sĩ đồng thời có người còn nổi tiếng hơn cả Nguyễn Bình. Những câu thơ của ai được Bình khen hay, "*khuyên sơn*", là một điều hân hũu. Người mà Bình phục tài, tôn lên làm bậc thầy và "*nguyện suốt đời làm một người học trò nhỏ*" là thi hào Nguyễn Du. Chẳng có thể mà *Truyện Kiều*, Bình thuộc lòng và lấy làm sách gối đầu giường.

Vào Sài Gòn, Bình tự nhận mình là một kẻ "*Tê nhân*", nghĩa là sống trong sự yêu thương dùm bọc của những Mạnh Thường Quân và bè bạn. Tiền kiếm được thì ít, ăn xài lại quá lối:

Vấn dám ăn chơi cho đến hết

Ngày mai ra sao rồi hầy hay

Ngài mai? - Có nghĩa gì đâu nhĩ

Cốt nhất cười cho vện tối nay.

Quản điểm về lối sống ấy, đừng nói bây giờ, mà ngay hồi đó cũng không ai chấp nhận.

Hồi ấy cánh nghèo chúng tôi thường ăn cơm bình dân, cơm tiệm, cũng như thầy thợ và đa số nhân dân lao động hồi đó, không phải nổi niêu tay cầm bếp núc lĩnh kính, ra tiệm cơm thố là xong, vừa gọn nhẹ, vừa không mất thì giờ. Một, hai xu một thố cơm. Năm xu bát canh cải. Thêm một đĩa trứng tráng hoặc thịt quay giò lụa một hào nữa là sang.

Những chủ nhật, đã thành lệ, chúng tôi thường tổ chức ăn cơm nhà. Những chủ nhật đó, ngoài chúng tôi ra, không bao giờ vắng bóng Hoàng Phố, Trúc Khanh và Thanh Bình. Đôi khi có cả Lê Tràng Kiều và Thiều Sơn. Những bữa cơm gia đình đó đều do Bình đảm trách việc chế biến thức ăn và nấu nướng, còn chúng tôi phụ trợ đóng vai phụ bếp để Bình “sai vặt”. Bình rất có tài trong việc nấu nướng, nhất là các món nhậu, và có tài trong việc chọn trà, pha trà và chọn rượu.

Những bữa rượu như vậy thường đi đôi với việc bình thơ, làm thơ, kéo dài dường như bất tận, không đếm xỉa đến thời gian. Khi thì một người lên tiếng “*ra quân*” trước bằng một hai câu thơ, người thứ hai tiếp nối, lối liên ngâm này gây cho tiệc rượu thêm phần hứng thú. Khi thì người khác đọc lên một sáng tác mới của mình, và nhận ngay sau đó những lời phê bình không nề nang, chí tình, khen chê đúng mức.

Giai đoạn ở vườn nhỏ Lan Chi này là giai đoạn thi hứng đến với Nguyễn Bình nhiều hơn hết. Một số lớn bài thơ nổi tiếng của Nguyễn Bình như: *Xuân vẫn tha hương, Ái Khanh hành, Anh về quê cũ thôn Vân, Đôi mắt nhung, Đi giữa kinh thành, Trải bao nhiêu núi sông rồi*, cũng như kịch thơ *Nguyễn Trãi*, truyện thơ *Cô gái Ba Tư*, và những bài thơ đối đáp với Tôn nữ Hoàng Trân đều ra đời trong cái vườn nhỏ này.

... Một buổi Bình đưa chúng tôi coi lá thư của Đông Hồ từ Hà Tiên gửi lên ngỏ ý mời tác giả Lữ bước sang ngang xuống chơi thăm núi Vọng Thê, thưởng thức cảnh trăng lên ở Thạch Hồ, uống rượu hoàng hoa ở Xóm Rẫy, ngâm thơ nơi gác Nam Phong. Lời mời mọc quyến rũ ấy lại làm dậy lên trong Bình óc giang hồ. Hôm sau Bình lập tức lên đường.

Suốt thời gian ở Hà Tiên, không tuần nào Bình không có thư cho tôi, cho nên mọi sinh hoạt của Bình bên cạnh Đông Hồ, Mộng Tuyết tôi đều rõ. Bản thảo đầu tiên bài thơ Hà Tiên, người xóm Rẫy, cũng là bài thơ duy nhất Bình làm trong cuộc “*viễn du*” này, hiện nay tôi còn giữ.

Ở Hà Tiên về, Bình lại tiếp tục sống với chúng tôi nơi Lan Chi. Với ba tờ giấy hồng điều khổ lớn nối nhau, Bình mài mực tàu, lấy bút lông viết thảo bài thơ nói trên rồi treo giữa phòng

khách. Bài thơ nghênh ngang kênh cang chiếm phân nửa bức tường theo chiều dọc, làm cho căn phòng nghi ngút khói hương trầm thêm thơ mộng.

... Không hiểu vì sao tờ báo Hạnh Phúc đang trong tay lương y Nguyễn Văn Điều lại chuyển sang tay Võ Tuấn Khanh. Họ Võ nhờ Lê Trảng Kiều thành lập bộ biên tập để chuẩn bị cho số 1, tập mới, sắp ra đời. Thiếu Sơn, Tô Uyên, Nguyễn Bình và tôi được mời tham gia. Thế là chúng tôi “lại có đất dụng võ rồi”. Họ Võ, mặc dù lúc đó được thiên hạ xây dựng chung quanh nhiều “huyền thoại”, tốt ít, xấu nhiều, song đối với các văn nghệ sĩ rất mực vị nể và ưu đãi hết mình. Từ đó hầu như không có số báo Hạnh Phúc nào vắng thơ Nguyễn Bình...

Để tiện sinh hoạt gần toà soạn, nhất là nhà in, Bình tạm biệt Lan Chi để về ở Chợ cũ, do đó chúng tôi lại kéo lên đây để gần Bình. Vì năng qua lại Chợ cũ nên chúng tôi có may mắn gặp đồng chí Nguyễn Oanh, bí thư thành uỷ Sài Gòn hoạt động bí mật hồi đó. Nguyễn Oanh tên thật là Đoàn Quang Hoài, người đồng hương của Nguyễn Bình. Anh là một người dễ có cảm tình ngay từ lần gặp gỡ đầu tiên. Chỉ bằng vài nét nhận định thời cuộc, anh đã mau chóng thuyết phục chúng tôi. Khi đã tin và thân nhau, anh cho chúng tôi xem những số báo bí mật, có tờ in từ bên Thái Lan. Cho đến bây giờ, tôi vẫn không quên

được những bài nhận định thời cuộc sắc bén ký tên Xuyên Vân Ân. Một hôm đông đủ Hoàng Phố, Thanh Bình, Trúc Khanh, Nguyễn Bính và tôi, Nguyễn Oanh thẳng thắn khuyên chúng tôi nên chuyển ngòi bút dần đi thì vừa, anh nói, những vần thơ lãng mạn uỷ mị không thể ngăn cản gót giầy của bọn xâm lược. Chúng tôi không ai tự ái, và lấy điều đó để suy ngẫm, kể cả Nguyễn Bính, ông vua tự ái và ít phục thiện. Quả nhiên, thơ Nguyễn Bính có biến chuyển, đã bàn đến thời cuộc:

*Há rằng uống một đời trai
Chẳng ban áo giáp cũng mài trắng khuya
(Nam Kỳ cũng gió cũng mưa)*

Hoặc:

*Lòng son còn vá chưa lành
Áo com thiên hạ chưa đành ấm no
Mẹ già thì nhớ con thơ
Tình mong nhớ chị, em chờ đợi anh
Lấy đâu Vạn lý trường thành
Cho quân thù khỏi tranh giành đất ta
Anh còn trẻ, tôi chưa già
Phải làm chi chữ để mà... Hỡi anh!*

(Với Trúc Khanh)

Giữa lúc này làm thơ tuy chỉ mấp mé đụng đến thời cuộc thôi, đối với Nguyễn Bính cũng là một điểm son đáng được nhắc lên.

Chẳng bao lâu ông chủ nhiệm tờ *Hạnh Phúc* đột nhiên biến mất sau vụ cháy kho giấy của Nhật bên Vĩnh Hội. Toà soạn bị lính Nhật gác, nhà in bị quân Nhật niêm phong. Thế là chúng tôi lại thất nghiệp. Thiếu Sơn lại vẫn là thầy ký giấy thếp bên Gia Định. Tô Uyên và Lê Trảng Kiều lại về vui thú điền viên. Dẫn tôi vào Hồng Cung để tiêu "*cái sấu vụn cổ*", Bình cười buồn: - Số kiếp anh em mình là lính đèn "*Lênh đènh đâu nữa cũng là lênh đènh*".

Máy bay Đồng minh, cụ thể là máy bay Mỹ tấn công quân đội Phù tang bay lượn như ruồi trên bầu trời Sài Gòn, cao xạ Nhật làm thình. Những tên lính Nhật mà trước đây được nghe truyền là anh hùng vô song, dũng cảm phi thường, bị bọn quan xích vào dàn pháo, sợ hãi hết hồn, bắn vọt đuôi lên trời những tiếng pháo nhát gừng, giờ đây đang lúng túng như gà mắc tóc. Không một chiếc máy bay Huê Kỳ nào rưng trên nền trời Sài Gòn. Máy bay Mỹ cũng chẳng hơn gì. Những chiếc cánh quạt, hai động cơ, bốn động cơ, những chiếc Đa-khô-ta, B.6 và cả P.38 hại thân nữa, đều oanh tạc trật mục tiêu. Lẽ ra phải đánh bến cảng Nhà Rồng thì bom chùm lại rơi xuống Xóm Chiếu Khánh Hội, chìm Sài Gòn trong đêm khủng khiếp. Mục tiêu là ga xe lửa Sài Gòn thì lại phá huỷ đường É-t-banh và một phần chợ Bến Thành.

Nhằm vào trại Ô Ma thì lại trật sang Cầu Kho Đất Thánh, định tiêu diệt sở Ba Sơn thì lại đánh vào Sở Thú Thị Nghè, khiến bao nhiêu dân lành bị chết oan uổng, gây bao tang tóc cho gia đình các nạn nhân.

Người Sài Gòn ùn ùn kéo nhau đi tản cư. Có người đi xa, đi lâu, có người đi gần, thấy êm êm lại về kiếm kế sinh nhai. Nguyễn Bình thuộc loại người này, Bình tạm xa Sài Gòn một thời gian lên Trảng Bôm để lánh nạn và để làm thơ. Hơn nửa tháng ở rừng. Ngắm trăng bên Nôm, nghe vượn ru con ở Lô Ô:

*Đêm dài nghe vượn ru con
Ai cha mẹ đó mà non nước này*

(Rừng xa)

Uống sữa dê trong lán Trảng Bôm... Bình chán cảnh rừng, nhớ Sài Gòn, thấy êm êm Bình lại ra về. Chuyến xe lửa chở Bình trả về Hố ngọc Viễn Đông hôm ấy đi ngang Thủ Đức thì có báo động. Hành khách trên tàu hoảng sợ, bỏ cả hành lý trốn chạy, Bình cũng chạy. Bom rơi. Nhà đổ. Người chết. Nghe tiếng máy bay rít trên đầu. Bình nhào người xuống một con mương. Từ chiếc máy bay thứ hai, một trái bom rơi xuống. Một mảnh bom rất nhỏ quệt nhẹ vào gót chân Bình. Thật hú vía! Vết thương rất nhẹ như vậy cũng làm độc, khiến Bình

không đi được. Trúc Khanh, Hoàng Phố, Thanh Bình và tôi phải đón Bình về sân sóc chùa chạy thuốc men hàng tháng mới lành.

Thế rồi việc gì phải đến đã đến! Đúng như nhận định sáng suốt của Nguyễn Oanh, Nhật làm đảo chính Pháp. Lời anh Tư Oanh hôm nào còn văng vẳng: *“Nhật sẽ đảo Pháp khi nào Nhật yếu thế. Nó đảo Pháp là nó sắp lâm nguy”*.

Thật lạ kỳ, không ai bảo ai mà chúng tôi ai cũng đến gặp Nguyễn Oanh sau sự kiện lịch sử này, để nghe anh giải thích tình hình và hy vọng để anh trao nhiệm vụ. Trước mắt, anh gợi ý cho Hoàng Phố và tôi chuẩn bị cho ra tờ *Thiên niên mới*, và Trúc Khanh, Đằng Giao có sự cộng tác của Vũ Tùng và Dương Tử Giang ra tờ *Ngày mai* mà anh sẽ bảo trợ, và chỉ đạo đường lối.

Báo tin cho bạn bè mình sắp đi Hậu Giang, Nguyễn Bình rất vui vẻ, hỏi để làm gì, Bình cười: *“Bí mật quân sự”*. Chẳng ai tò mò thêm. Bảo nhau làm một bữa tiệc gọi là *“dựng trường đình”* để tiễn *“tráng sĩ qua sông Dịch”*. Bữa tiệc gọi là tiễn tác giả *Lữ bước sang ngang*, nhưng thực tế chính Bình lại là đầu bếp mổ gà cắt tiết vịt. Sáng hôm sau, từ xóm lá Trường đua Phú thọ, từ căn nhà ẩm cúng của Trúc Khanh, chúng tôi lếch thếch kéo bộ ra ga Phú Lâm đưa tiễn Bình. Khi đoàn tàu khuất bóng chúng tôi mới lại lếch thếch ra về.

Ít lâu sau chúng tôi nhận được thư Nguyễn Bình gửi từ Mỹ Tho nói rằng tìm gặp Xuân Diệu song không gặp, lại gặp hai cụ Đồ Nam và Đặng Thúc Liêng, sau đó được gặp bác sĩ Dương Tấn Tươi với những cuộc toạ đàm thú vị. Nguyễn Bình còn cho biết, người ý hợp tâm đồng nhất là Bảo Định Giang và Bình đã làm quen được bên bờ Tiền Giang.

Tiếp đó, hơn nửa tháng sau chúng tôi lại nhận được thư Bình từ Cần Thơ gửi lên, tả tỉ mỉ cuộc hành trình của mình với những vui buồn trong những ngày qua. Hiện giờ Bình đang tạm thời tá túc tại nhà Đoàn Trọng Khang, Thái Đức ở Tây Đô, trước khi đi tiếp về các vùng lục tỉnh sâu hơn. Nói về Bảo Định Giang, Bình gọi là *"người mắt xanh trong thiên hạ"* và Thái Đức, một nhà Mạnh Thường Quân.

Thế rồi Nhật đầu hàng. Cách mạng tháng Tám thành công. Chúng tôi bị lôi cuốn vào thời cuộc nóng bỏng, công việc bận bịu không ai còn nhớ đến Nguyễn Bình, lúc này tin thư đã vắng bật. Rồi Nam Bộ kháng chiến. Thanh Bình về Cai Lậy, Cai Bè. Trúc Khanh vào chiến khu An Phú Đông. Theo đồng chí Nguyễn Oanh, lúc này là một trong mười xứ uỷ viên Nam Bộ, anh phụ trách Tuyên giáo, Hoàng Phố và tôi lên đường đi Lái Thiêu, lập trụ sở Thông tin tuyên truyền cùng với các anh Lê Chải và Nguyễn

Tiến. Sau đó theo Nguyễn Oanh đi gây cơ sở ở Bình Nhâm, Hưng Định, An Phú xã, Lò Chén, An Sơn. Ở đây chúng tôi gặp lại các bạn cũ: Tô Uyên, Nguyễn Đức Nhân và vợ chồng Phạm Tường Hạnh. Bàn nhau ra báo, lại nhớ tới Nguyễn Bình. Chúng tôi thống nhất ý kiến nhận định của Nguyễn Bình, một nhà thơ có tinh thần dân tộc cao, có ý thức với Tổ Quốc, bị xã hội cũ chà đạp, khiến cho lặn dạn long đong, nhất định phải là một nhà thơ yêu nước. Nguyễn Bình là con một cụ đồ nho tiết tháo, cháu ruột nhà ái quốc Trình Khiêm, một người bị Pháp truy nã vì đã tham gia phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục, người thầy đầu tiên đã nuôi dưỡng dạy dỗ Bình từ tấm bé, Nguyễn Bình là bạn đồng hương của Nguyễn Oanh, người đã rèn cặp và giác ngộ Bình, thì ngoài con đường tham gia cách mạng, Nguyễn Bình không thể đi con đường nào khác.

Quả nhiên nhận định của chúng tôi ở chiến khu An Sơn trong những ngày đầu Nam Bộ kháng chiến về Nguyễn Bình không sai.

Những vần thơ đầu tiên của Nguyễn Bình đã bay về chiến khu miền Đông:

*Những ai xứng đáng là người
Hãy hy sinh hết cho nòi giống ta.
Hãy nên vì nước quên nhà
Coi thường thân sống mới là trượng phu*

Những vần thơ tuy còn non yếu ấy đã khiến chúng tôi vui mừng và yên tâm. Càng yên tâm hơn, khi chúng tôi hay tin anh đã tham gia kháng chiến ở Rạch Giá và sau đó về Đồng Tháp Mười làm việc trong Tiểu ban Văn nghệ khu Tám bên cạnh Bảo Định Giang, Hoàng Tuyển và Đoàn Giỏi. Nguyễn Bình đã lột xác, sáng tác khoẻ. Và những bài thơ, những tập thơ xuất sắc của Nguyễn Bình lần lượt ra đời trong giai đoạn này như chúng ta đã biết.

HOÀNG TẤN

Một lần đi “giang hồ”

(Trích: “Một quãng đường”)

Một lần, Nguyễn Bình rủ tôi đi “giang hồ”. Nghĩa là đi chơi không cần tiền. Có tiền mới đi chơi, thì là xoàng rồi, ai cũng làm được. Lên tàu hoả ra ga Đầu Cầu thì lên không. Ở đấy đã có Trần Nhân Cư bán vé ga này sinh làm thơ và là của trường thơ Nguyễn Bình. Đến ga Bắc Ninh, thi sĩ Vũ Hoàng Chương làm xếp ở ga đấy. Tôi có quen Vũ Hoàng Chương, anh Mạnh Phú Tư giới thiệu.

Tôi biết anh Chương đồ tú tài toán, làm thơ, lại mê đọc truyện trinh thám. Nhà anh ở Bến Thóc, thành phố Nam Định. Một nhà thế gia, đương tàn. Nhưng mà vẫn to lắm. Nam Cao và tôi ở ăn cơm nhà anh cả tháng, cũng không ai giáp mặt chúng tôi. Mỗi tầng gác có nhiều buồng, nhiều buồng treo rèm vải điều. Bên trong, có bà già nằm hút thuốc phiện. Anh Vũ Hoàng Chương làm ga, có tiền. Anh mua giấy, in tập *Thơ say* ở nhà in Cộng Lực rồi nhờ nhà xuất bản *Cộng lực* đứng tên phát hành.

Chúng tôi đỗ lại Bắc Ninh. Vũ Hoàng Chương gài chúng tôi xuống nhà ả đào, nhà cô Tuyết Lành dưới phố Niêm. Tối hát, ngày ăn bún ốc - lại ăn bún ốc, trừ cơm. Chán cảnh phố Niêm, chúng tôi lên Phủ Lạng Thương, kéo theo cả xếp ga Chương. Xếp ga Chương bỏ cả ga, đi chơi. Ba chúng tôi ngồi toa đen, như những kiện hàng.

Chúng tôi vào nhà Bàng Bá Lân. Thấy có ông Tờrốtkit Dương Tá Ban chít khăn, mặc áo trắng dài đã ngồi uống rượu ở đấy. Lão Dương này tự nhận là Tờrốtkit lại thạo xem tướng tay, hay đi phân kim cầm huyết tìm đất để mả như nghề cụ Tả Ao.

Ở sông Thương, ngày ngày, Chương và Bính tha thân vào xóm Thụng Đấu phía ngoại ô thị xã Bắc Giang. Hai bạn thơ vừa đi vừa ngêu ngao đọc thơ. Ông Chương thì "*Tổ của Hoàng ơi*", ông Bính

thì “*Ngày xưa vua nước Bướm*”... tôi đi giữa, ngắt ngẫu nhiên như ba thằng rồ.

Ở đây, ngày trước thi sĩ Bình có yêu một người. Bây giờ, trở về, khóc mỗi tình cũ. Tình cũ chẳng thấy đâu, chỉ thấy trẻ con ra xem xúm đông xúm đỏ, chạy trước, chạy sau. Thế mà hai người cứ vừa đi vừa đọc thơ và tôi cũng chịu khó khoát tay hai bạn.

Được mấy hôm, nếu Bàng quân không đưa tiền tàu và nói thẳng rằng thế là tiền tiền, chưa chắc chúng tôi đã nhớ rề.

Chuyến ấy, còn đến cả tuần sau mới về đến Hà Nội. Qua Niêm, lại xuống Tuyết Lành. Rồi lại xuống hát cô đầu phủ Từ. Không có tiền, Bình và tôi phải “*nằm va li*” để Chương về Hà Nội chạy tiền chữa cháy.

Tối hôm chia tay đi tiêu tiền của người khác ở hàng thịt chó Hàng Đồng, Vũ Hoàng Chương tức cảnh độc bốn câu thơ:

*Tô Hoài, Nguyễn Bình, Vũ Hoàng Chương
Cò thét vào ga Phủ Lạng Thương,
Sở tại bàng quan châu xuống xóm
Thị nhân bá ngộ chuyển lên đường.*

Chơi thế, chúng tôi phải mặt dầy đi chạy vạy chẳng bữa. Nhưng lại cứ thối màu phiếu đang bắt cần dời lên mà làm thơ. Những cái “*say đi em*”.

“*nghiêng nghiêng trần thế*”, “*nàng tiên nâu*”, chỉ là “*làm thơ*” vậy thôi. Thời thế những năm ấy đã khác. Cái lãng quên và quay lưng chỉ còn có sự gục đầu xuống. Đời thật lúc đó thảm hại lắm, như những chuyến hành khất “*giang hồ*” mà tôi vừa kể ở trên. Những bế tắc, bệnh hoạn bản thủ đã thành tên say thơ, thơ trắng, thơ tiên, thơ sáu mộng, thơ điên, thơ em gái. Thật tên là thơ xin ăn, vì thèm, vì đói, đủ kiểu. Có người hỏi tiên thẳng thừng như thơ Nguyễn Tử Kính in sách cần thận:

*Gió rét chưa chì về sớm quá
Áo chưa đan được lạnh bên lòng
Còn đâu hy vọng mà mong
Người đan áo rét tặng trong dịp này.*

Hoặc Nguyễn Bình đăng trong *Tiểu thuyết thứ Năm*:

*Chùa Hương xa lắm em ơi
Đò giang cách trở, chịu thôi cô mình
Cậu này anh nói thật tình
Muốn đi thì phải cho anh mượn tiền*

TÔ HOÀI

Bóng giai nhân

(Trích hồi ký)

Một hôm tôi nhận được thư của Vũ Trọng Can.

Lâu nay Can vẫn thường viết cho tôi, nhất là những ngày Can ở toà soạn *Tiểu thuyết thứ năm* tại Hà Nội. Thư này viết từ Huế, đại khái như sau: *“Báo chết rồi, bọn Can chuyển sang hoạt động sân khấu, đang thành lập một ban kịch sẽ đi biểu diễn từ Bắc vào Nam. Hiện cặp bến sông Hương, nếu Yến Lan thích cuộc sống lưu động để tiêu sài thì gia nhập với bọn mình...”*

Đọc thư, tôi ngời tưởng tượng ... tưởng tượng... bao nhiêu kỳ thú, sôi động và mê ly. Và tôi quyết định nhập cuộc...

Tôi đến Huế vào khoảng hơn 8 giờ tối. Cả “ban kịch” đều ra đón, gồm có Vũ Trọng Can, Nguyễn Bình và một chàng thanh niên. Sáng sớm hôm sau, tôi mới biết chàng này thuộc loại đi theo điệu đóm đàn anh.

Lần đầu tiên gặp Nguyễn Bình, trước cũng chưa có thư từ quan hệ gì. Chúng tôi nắm tay, bá cổ nhau, chào mừng rối rít.

Sáng hôm sau, với tâm trạng một người “lỡ bước”, tôi bỏ cuộc đi chơi núi Ngự đã hẹn với

Nguyễn Bình lúc ở tiệm ăn Gia Hội hôm qua. Tôi đòi họp nhau lại bàn qua chuyện diễn kịch. Vũ Trọng Can trình bày mấy phác thảo các vở kịch nói. Can định viết từ hôm rời Hà Nội vào, tất cả mới là định viết. Bàn sâu tính rộng mãi, chúng tôi đi đến quyết định diễn một vở kịch thơ. Đưa lên sân khấu Việt Nam một loại hình nghệ thuật mới mà Huế là nơi thử nghiệm đầu tiên. Thực ra đó chỉ là những lời khoác lác để cười với nhau, chứ mục đích chính là ở chỗ cố làm sao cho hấp dẫn, để có tiền trang trải nợ nần và còn ung dung thưởng ngoạn. Vai chính sẽ hiện lên sân khấu, xách gươm báu đi săn đuổi vinh quang, đã thủ tiêu ân tình phản bác đạo lý và tiêu ma cái đẹp. Đó là phác thảo đầu tiên do ba người chúng tôi góp trong một buổi sớm. Cơm xong bỏ cả giấc trưa bàn luôn các chi tiết: bí quyết làm cho gươm thêm thiêng. Tráng sĩ cuồng ngồng phải tó gươm lần nữa vào máu, ba người tình cờ gặp trên đường đi - thời lời thần mộng. Ly kỳ lắm rồi, nhưng các nhân vật trong vở lại thuộc số người có sẵn, bởi ngoài chúng tôi thì chắc gì có thể nhờ ai được. Trừ cậu thanh niên sẽ chạy vòng ngoài, cả ba thằng nhà văn, nhà thơ chúng tôi phải lãnh vai. Thế thì vở kịch chỉ có ba nhân vật sao? Và toàn là nam giới thì còn đâu cái nhưng cái nhị của sự hấp dẫn? Biểu tượng của cái

đẹp bị tiêu ma trong kịch sẽ là nhan sắc của một người con gái thủy mị, đoan trang kia mà.

Nguyễn Bình tả và kể ra những em Đào, em Lý, cô Mừng, cô Thương với khá nhiều thiếu nữ, thiếu phụ mà anh gặp và quen trên các nẻo đường phố của Huế.

Vũ Trọng Can cũng tả và kể ra những em Đào, em Lý, cô Mừng, cô Thương của mình. Nhưng đều kết luận: có trời mà vận động cho các gia đình người ta cho con em mình lên sân khấu. Nhất là con gái. Thế là lâm vào thế bí.

Trước đó không lâu, Nguyễn Bình có sáng tác một bài thơ, bài Xóm Ngự Viên, đó là bài thơ hay. Bình đã chép lại trên một tờ nguyên khổ giấy in báo, nét chữ to, bay bướm, treo trên tường trước mặt. Tình cờ tôi ngược lên hỏi với một ý nghĩa băng quơ:

- Xóm Ngự Viên ở phía nào nhỉ? Hôm nào vào xem cho biết.

Vũ Trọng Can bỗng nẩy người lên:

- Ngự Viên, Ngự Viên! Đúng rồi. Ừ nhỉ, sao mình quên bằng đi.

Rồi đột ngột Can đứng lên:

- Can với Nguyễn Bình sẽ vào đó. Ở Ngự Viên có một cô gái lai Pháp mồ côi từ nhỏ, hiện bán chè rao nuôi mẹ. Sẽ thuyết phục được. Cô ta sẽ là nhân vật biểu tượng cho cái đẹp trong vở kịch.

Vở kịch được ai nấy bằng lòng. Chỉ có đôi lúc nảy ra vài cuộc cãi cọ giữa tôi và Nguyễn Bình về lời văn câu văn. Bình chê văn tôi quá Tây, bắt chửa lại mấy chỗ. Tôi tự ái, bỏ đi cùng Chu Ngọc ra hóng mát cầu Tràng Tiền. Chiều về, Vũ Trọng Can bàn với tôi và rủ đi đến Hà Xuân Tế. Được hẹn sáng mai sẽ trả lời, vì Tế còn cần đọc.

Cũng nhân buổi đầu hôm, chúng tôi tìm đến L, tên cô gái lai Pháp, mà sau này chúng tôi gọi là “*Bóng giai nhân*” theo tên vở kịch. Quả L có một sắc đẹp xứng cho nhân vật trong kịch. Mặc dù bị lâm vào trong lớp vỏ bọc lam lũ của cái nghèo, L vẫn giữ được vẻ tự trọng và trang nghiêm. Nghe kể lại tính cách nhân vật phải đóng, L tỏ ý lo về sự đơn điệu của vai diễn và xấu hổ về điều không biết chữ của mình. Chúng tôi an ủi khích lệ, đạo diễn cho cô thấy các điệu bộ phải tự mình sáng tạo thêm - nghe chim, bắt bướm, lội cỏ, nâng hoa... Hướng dẫn cho L tập ở nhà, tôi sẽ thỉnh thoảng đến giúp. Một bản giao kèo bằng miệng đã thành mối dây ràng buộc tâm tình.

Sáng hôm sau, Hà Xuân Tế tiếp chúng tôi thân mật khác thường. Anh vừa nói chuyện, vừa giở từng trang bản thảo, vừa cho biết bài giới thiệu đăng ngay số tới trên tờ báo bằng chữ Pháp ở Huế. Tôi không nhớ tên tờ báo, chỉ nhớ là mấy hôm sau thì có bài báo ấy.

Hà Xuân Tế còn hứa chắc chắn rằng anh sẽ mời được Bảo Đại và Nam Phương đến chủ tọa khai diễn. Anh trao bản thảo vở kịch cho tôi và nói:

- Vì có hoàng đế đến dự xem, nếu vở kịch thêm một vài đoạn có tính cách tôn vinh thì chắc sẽ được nhiều đặc ân cho các hoạt động sau này. Các anh về thêm vào cho khéo léo một chút.

Hai hôm sau thì giữa thành phố Huế xôn xao lên những áp phích, những tờ quảng cáo cho vở kịch dán ở các nơi công cộng và các mặt tường nhà. Nhất là ở các ngã tư đại lộ, những biểu ngữ bằng cả tấm vải trắng có hàng chữ đỏ viết bằng tiếng Pháp: "*Bóng giai nhân*" bi tráng, kịch bằng thơ của Yến Lan và Nguyễn Bình sẽ trình diễn ở Accueil vào các đêm... dưới quyền chủ tọa của hoàng đế Bảo Đại và hoàng hậu Nam Phương...

Mặc dù trải qua những cơn hồi hộp vì hạnh ngộ ban đầu khi được nêu tên dưới những bài thơ đăng trên báo chí, tôi vẫn cảm thấy phấn khởi đến dạt dào. Riêng Nguyễn Bình thì anh lại hồ hởi trong vẻ cợt đùa nói tếu:

- Vua ông đi xem, vua bà đi xem, thế thì tam cung lục viện cũng đi xem. Rồi sáu bộ cũng tháp tùng. Chà, chà, Huế đều đi xem tất. Tiền vé để đâu cho hết. Chuyến này phải thả lên sông Hương sáu con dò kết lại làm một khách sạn nổi... Ba con

làm phòng ngủ, ba con chõ theo bàn đèn, rượu, nem, chả, chè, cháo... tha hồ mà lạc hưởng.

Đấy là chuyện đùa vui, không có sự bài cãi.

Trong mấy ngày tập luyện, tôi vẫn đến nhà L, đạo diễn cho đến thuần thục. Dù sao tôi vẫn tiếc, giá như L biết chữ.

Cuộc biểu diễn kịch thơ *Bóng giai nhân* đêm đầu và cũng là đêm kết thúc không thu được kết quả như chúng tôi muốn. Diễn xuất có vẻ vội, không đạt tới sức chứa và tầm nâng của lời thơ. Về mặt tổ chức, diễn viên bị bỏ rơi như cái thế chơi vơi trong khoang dò thủng đáy. Sân khấu trống trơn giữa bốn cánh gà và lá màn hậu, mặc dù chúng tôi yêu cầu trang trí giản đơn theo lối tượng trưng. Một chiếc hòm ti đựng các đồ lễ, vũ khí, mũ giày mượn từ trong nội cung ra, cũng không ứng đáp được yêu cầu. Khoản tiền thu: một hội trường chứa gần ba nghìn người đã chật ních, giá vé thấp nhất năm hào. Mặc dù đêm ấy Bảo Đại không đến xem vì có sự kiện đột xuất, chuẩn bị Bắc tuần, cả Nam Phương, cả viên khâm sứ Pháp đều theo, nhưng cũng gọi đến gọi là "*ban tử*" mỗi vị cho 15 đồng cộng với tiền quảng cáo cho xổ số Đông Pháp cũng chừng 15 đồng, tiền vé chả được bao nhiêu. Sau này người ta đổ cho việc lạm phát giấy mờ nhiều quá.

Chúng tôi vỡ mộng. Nhất là Nguyễn Bình với viễn cảnh sáu con đò. Nhưng có một điều an ủi mà cho đến bây giờ, mỗi lần nhắc đến, tôi vẫn không quên được từng chi tiết, dù là thoáng qua. Giữa lúc màn kịch cuối cùng hạ nhanh, khán giả sắp lững vào sân khấu, chen nhau cuộn cuộn như một dòng nước thoát ra phía cửa, thì các anh Đào Duy Anh, Lưu Trọng Lư và vài bạn nữa nhảy lên sân khấu đến cầm tay xiết chặt từng người. Anh Lư nói bằng tiếng Pháp: "*Tuyệt, tuyệt, tuyệt vời*". Không biết anh khen một pha nào trong lúc diễn, hay khen vở kịch về tình huống kịch tích, về văn chương bay bướm mà lúc ấy đang là những năm vừa mới phôi thai nền thơ mới Việt Nam.

Khi rạp đã trở lại vắng vẻ, "Bóng giai nhân" cũng biến đi lúc nào không hay, Nguyễn Bình cũng đi rồi, còn lại có tôi và Vũ Trọng Can thu nhặt các dụng cụ, đồ trang phục cho vào chiếc hòm gỗ to, và... mỗi người nâng lên một quai hòm. Hai chúng tôi ịch kéo lê bốn cặp chân rời rã, khiêng hòm dầm dưới cơn mưa đêm cuối hạ của Huế, lần bước đến khuya mới về tới cửa nhà trọ. Ông chủ ra mở cửa, thương hại thò tay nâng chỗ chiếc quai hòm tôi đang xách như đã cảm thông tất cả nỗi niềm đang đè nặng lòng tôi.

Sáng hôm sau, tôi ra ngay An Cựu tìm gặp lại người bạn học cũ ở Bình Định, tình cờ gặp nhau

giữa đường hôm nọ. Tôi hỏi vay anh hai đồng bạc - số tiền vừa đủ cho xuất vé và đĩa cơm trong chuyến tàu suốt vào Nam - sẽ trả tôi về với cái cô liêu cố hữu ngày ngày nghe vẳng lên một câu hát ru con, không biết do tình huống nào mà có, giờ lại nhằm đúng vào tâm trạng của tôi:

*Chiều chiều mây kéo về kinh
Ếch kêu giếng loạn, thăm tình đôi ta*
1990

YẾN LAN

Nguyễn Bình những ngày ghé bến Hà Tiên

(Trích “Dưới mái trắng non”)

Một buổi xế chiều, ngày đầu mùa hạ năm 1944; tôi đang ngồi trên máy may ở Yếm Yếm thương điểm, cũng vừa là Yếm Yếm thư trang tại chợ Hà Tiên.

Một người khách lạ bước vào, với chiếc vali nhẹ xách tay. Người khách thâm thấp, phong

trần hiện trên mái tóc đen rậm, rối bồng. dài tới mang tai.

Bộ âu phục cũ, nhàu nát làm tăng thêm phần tiêu tụy.

Khách dăm dăm nhìn vào người ngồi trên mây may, không có vẻ muốn mua chác cái gì trong hiệu. Tôi nghĩ có lẽ là một người khách đi chào hàng. Với chiếc va li nhẹ như vậy chỉ có thể chứa đựng một vài món hàng mẫu mà thôi.

Khách đang ngập ngừng:

- Có phải chị Tuyết không? Bình đây!

Tôi ngừng tay kim chỉ, à lên một tiếng ngạc nhiên, và nhớ lại lời hẹn cùng với bài thơ *Xóm Ngự Viên* từ Huế gửi vào cách mấy tháng trước đó, khoảng Bình ở xóm Ngự Viên cùng với Vũ Trọng Can và Xuân Khai tức Yến Lan.

Sau bài thơ *Xóm Ngự Viên* đó, bằng đi một khoảng lâu lâu, không nhận tiếp theo tin nào của Bình nữa.

Chiều nay không đợi mà được tiếp người khách tự xưng là "Bình đây!".

Khả liên cô quán tài thi dạ

Tiểu tụy Phan lang mẫn tự bồng

(Quán khách điều hui đầu biếng chải

Chàng Phan gầy gò lúc làm thơ!)

Tôi vừa cười vừa nhắc lại mấy câu cổ thi mà khi Bình ở Huế tôi đã viết cho Bình.

Bởi sợ ở “chàng Phan” tóc rối bông và gầy gò thêm, nên anh Đông Hồ đã nhường gian Nam phong tiểu các cho Bính, để thi sĩ nằm đó mà làm thơ, và bắt tôi cắt may cho chàng nghệ sĩ “*khăn gói gió đưa*” này một bộ đồ bà ba bằng lụa Hà Đông, cây lụa vừa từ Hà Nội gửi vào theo chuyến hàng chót.

Bính thích lắm, ca tụng mãi bộ đồ mát của tỉnh nhỏ miền Nam.

Cứ thế mà đi chợ, đi chơi, thực là nhẹ nhàng thoải mái. Người Hà Nội mà nào có được mặc lụa Hà Đông bao giờ!

Một hôm Bính lật bên trong lá dính vạt trước mà khoe với tôi: *Đố chị mấy chữ này là nghĩa gì?*

Tôi cầm vạt áo lên nhìn thấy bốn chữ: “*Khả thủy sơn nhơn*” thêu bằng Hán tự.

Tôi không đoán ra, Bính nói anh Đông Hồ thấy thì biết ngay. Hôm sau tôi kể lại cho anh Đông Hồ nghe, anh Đông Hồ bảo Bính đã chiết tự hai chữ HÀ TIÊN đó.

Bốn chữ Bính kẻ vào dính áo và nhờ tụi trẻ thêu bằng nét chữ màu son, rồi Bính lại cười bí mật:

- Đây là của Ngọc thêu cho “*chú Bính*” đấy!

Mỗi buổi tối đi xe đạp từ cửa hiệu ở chợ về nhà riêng, ở xóm Rẫy, Bính đi theo. Mà có Bính đi theo đưa, thì tôi phải dẫn xe đạp đi bộ. Một hai lần như vậy, Bính thấy xấu hổ vì Bính chẳng biết đi xe

đạp. Thế là Bình hì hục ban đêm về tập đi xe đạp. Nhưng mà Bình giấu tôi.

Một buổi chiều tôi ra về, không thấy Bình theo đưa. Tôi đạp được một quãng thì thấy Bình đạp xe đi đón đầu, dành cho tôi một ngạc nhiên. Mặc dầu đi xe chưa vững nhưng Bình cũng đưa tôi về Rẫy bằng xe đạp được rồi.

Bình thường quán quýt bên tôi như một chú em ngoan ngoãn.

Quãng này, tôi đang còn tang cha, luôn luôn mặc chiếc áo dài vải trắng, thứ vải thô xấu, may dôi dối theo tang phục. Bình thường ngắm tôi và nói: *"Người con gái Việt Nam mặc áo tang xô gai có một vẻ đẹp nào nùng, khả ái như một bài thơ buồn"*. Có những lúc tôi bận suy nghĩ một điều gì, Bình nói chuyện, tôi lơ đãng không trả lời, thì Bình gắt gỏng: *"Trông chị nghiêm như một bà hoàng, ghét quá!"*.

Cứ buổi ăn uống xong ở nhà riêng anh Đông Hồ ở cạnh hồ Đông, thì Bình ra tiệm với tôi. Tôi ra chợ trước tiệm mau thêm bánh ngọt cho Bình uống trà. Bình thích hơn hết là thứ bánh quy. Bình bảo: Bánh chi mà đẹp như một chiếc ấn son. Bình ra cửa hàng để trông cửa hàng cho chị, để xem chị may áo, để gửi thư cho chị".

Mỗi khi tôi viết thư xong thế nào Bình cũng dành đi bỏ thùng cho được, Bình học thuộc các địa

chỉ trên phong bì. Có bạn Bình nhìn địa chỉ một người, Bình làm ra vẻ hờn dỗi: *“Sao chị viết cho người này lắm thế, làm cho Bình phát ghen!”*

Bình thường kể chuyện giang hồ, kể chuyện gia đình, kể chuyện *“chị Trúc”*, người chị tinh thần đã an ủi Bình trong những khi chán nản. Bình hứa xem tôi như một người chị thứ hai của mình.

Cứ mỗi buổi chiều Bình đưa tôi về Rẫy, rồi trở về nhà anh Đông Hồ ăn cơm tối, xong là Bình rủ anh Đông Hồ lại vào Rẫy chơi. Hôm nào anh Đông Hồ không đi thì Bình cũng đi một mình.

Nhà ở Rẫy chạng vạng tối là khép cửa rồi. Dưới ngọn đèn dầu lửa lù mù, một cô cháu tôi, cô Tú Ngọc, đọc truyện *Tam Quốc chí* của Phan Kế Bình dịch cho má tôi nghe. Bình cũng vào ngồi nghe. Có khi Bình vào trễ, cửa đã cài then thì Bình ngồi ngoài hiên cho tới khuya mới về mà không dám gọi cửa. Bình nói: *“Ngồi trong đêm sương khuya, nghe trộm tiếng người đọc sách cách một lần cửa đóng kín, cũng có một thú vị riêng”*.

Trong khi nghe anh Đông Hồ và tôi bàn truyện *Tam Quốc*, Bình không góp chuyện được, vì Bình chưa từng đọc *Tam Quốc* bao giờ.

Bình thấy xấu hổ cũng như đã xấu hổ vì chưa biết đi xe đạp, càng xấu hổ khi thấy tôi và anh Đông Hồ có vẻ ngạc nhiên vì sao mà Nguyễn Bình lại có thể chưa đọc *Tam Quốc chí*.

Thế rồi, Bình đọc ngẫu nhiên suốt mấy đêm hết bộ truyện. Từ đó, Bình luôn luôn tán tụng bộ truyện Tàu danh tiếng.

Bình thích nhất anh chàng đẹp trai "*Cẩm Mã Siêu*". Bình chép miệng: "*Mã Siêu mà còn là Cẩm Mã Siêu thì thích thật*". Bình rất thưởng thức chữ "*Cẩm*" đó. Tôi đùa bảo: *thì cũng như "Cẩm Nguyễn Bình" chứ gì!* Tài cầm tú văn chương của Bình còn đáng được nhận chữ "*Cẩm*" đó hơn anh tuồng mặt đẹp trong truyện Tàu.

Nguyễn Bình khởi thảo một truyện dài bằng thơ lục bát, Bình bảo là sẽ làm dài hơn quyển *Truyện Kiều*.

Mỗi đêm, dưới ánh hồng lạp, Bình viết được bốn, năm trang thơ lục bát. Thời kỳ bấy giờ không dầu lửa. Ở tỉnh nhỏ ai cũng phải đốt đèn bằng dầu lửa, dầu cá. Duy với Bình thì anh Đông Hồ phải dành trên "*Nam phong tiểu các*" cho Bình những ngọn hồng lạp để đêm hôm Bình làm thơ. Mỗi sáng ra Bình đọc cho chúng tôi nghe, bàn lại, cùng thưởng thức.

Giữa lúc đó, vào tiết Đoan Ngọ, theo tục lệ ở Hà Tiên, tôi nấu nước lá thạch sương bồ để tắm gội. Bình thích ba chữ "*thạch sương bồ*" và lấy ba chữ đó để đặt tên cho tác phẩm đang khởi thảo của mình.

Trong lúc sáng tác Bình thường bảo viết truyện thơ tả cảnh tình không khó, tự sự mới thật khó khăn. Bình nói: *“Bình có làm rồi mới biết văn tự sự bằng lục bát của Nguyễn Du quả là tài tình, Người sau khó mà theo kịp”*.

Bình sáng tác truyện *Thạch sương bồ* được gần hai ba trăm trang. Tới lúc rời đi thì truyện mới chỉ xong được một phần. Nếu Bình còn nằm ở Hà Tiên ít lâu nữa thì chắc chắn đã hoàn tất được một quyển diễn ca khá độc đáo. Bởi chúng tôi thấy khi đó Bình viết rất hào hứng, rất dồi dào. Bình viết lục bát nhanh như văn xuôi.

Anh Đông Hồ và tôi tiếc vì tác phẩm chưa hoàn thành mà Bình đã bỏ đi, ở dở dang thì uổng. Chúng tôi cố lưu Bình ở lại thêm một thời gian nữa mà Bình nhất quyết ra đi. Bệnh giang hồ đã lại nổi dậy trong con người nghệ sĩ.

Bình đi rồi, không biết có viết thêm nữa chăng? Chúng tôi không nghe nhắc tới. Có lẽ là hoàn cảnh không thuận lợi cho nhà thơ họ Nguyễn nữa. Bình về Sài Gòn, lại lang thang, lại trác táng. Sau khi đó, có dịp nói chuyện về Bình, thì lại nghe những câu khinh bạc như sau:

Đã coi đồng bạc to hơn núi

Lại học đòi theo khói Mạn Thưởng.

Bính rời Hà Tiên ít lâu, có gửi về một bài thơ vận Rầy.

... Tôi nhận được tin của Bính do một người bạn thân, người bạn mà những ngày ở Hà Tiên, Bính đã đem bỏ thùng những phong thư hộ tôi. Có lẽ Bính cần mới tìm đến người bạn đó để kể chuyện Hà Tiên và cũng để cho biết mặt người mà Bính đã phải “ghen” vì sao mà nhận được nhiều thư của chị Tuyết thế.

Những ngày ở Hà Tiên, Bính rất yêu đời, lành mạnh, vui vẻ sống cuộc đời mẫu mực.

Tôi không biết là với anh Đông Hồ, Bính có kể gì về cuộc sống bất thường vô định của nhà thơ trác táng đến vong khước hình hài hay chăng. Mới đây, đọc Sơn Nam, tôi mới biết đó là những ngày Nguyễn Bính ép mình để xa lánh ả phù dung. Bởi là sự ép mình, cho nên chỉ có một giới hạn nào đó. Vì thế mà khi Bính từ già chúng tôi ra đi, mà năn nỉ mãi Bính cũng không ở lại.

Bính thường tỏ ra kính trọng anh Đông Hồ, và thân mến tôi như người chị. Bính rất sung sướng được làm đứa em trai ngoan ngoãn để được chị săn sóc từ vật chất đến tinh thần.

Rồi thì, phong yên nổi dậy. Cuộc kháng chiến bắt đầu. Chúng tôi cũng trôi nổi mỗi người một phương. “Trôi nổi” là tiếng của Bính nói với chúng tôi khi từ già lên Sài Gòn và đã nhắc lại trong câu thơ:

Chị ơi, trôi nổi là thân tôi...

Yiễm Yiễm thương điểm đã tan tành hết. Còn Yiễm Yiễm thư trang mở lại ở phố Nguyễn Thái Học, Sài Gòn. Tôi lại bận bịu chuyện buôn bán, bận bịu chuyện phát hành để anh Đông Hồ thung dung làm nhà đại ẩn.

Một buổi chiều, có người con gái quê trao cho tôi một mảnh giấy nhàu nát. Trong giấy xin một cây bút máy tốt và chiếc đồng hồ đeo tay, lội nước. Dưới ký: "*Người yêu Ngọc*"

Đó là Bình ký ẩn danh bằng câu thơ:

Than ôi, không có giá liên thành

Để đổi cho tròn viên ngọc ấy.

Sau ngày tập kết năm 1956, cũng người thiếu phụ quê mà tôi đã cho là nàng thôn nữ dạo trước, tay bông dưa con về ghé nhắn tôi: "*Anh Bình bảo là ngày trước chị Tuyết thương Bình như em, thì nay Bình mong là vợ con Bình cũng còn giữ được tấm lòng thương đó của chị!*"

Tôi còn gặp vợ Bình đôi lần.

Rồi ít hôm sau thì bất tin.

Mới đây lại nghe Bình mất ở đất Bắc.

Than ôi! Nhớ lại người bạn ghé bến Hà Tiên năm xưa mà ngậm ngùi. Mùa này, Trời miền Nam, mưa đang rơi nặng hạt.

MỘNG TUYẾT

Mùa mơ chùa Hương Nhớ Nguyễn Bình

(trích)

Giờ đây là mùa thăm viếng chùa Hương. Đã quá lâu rồi, tôi không còn sức khoẻ, không còn hứng thú rủ bạn văn đi văn cảnh động Nam Thiên. Không còn cái thú nhìn các cô gái hái mơ. Nhưng giữa phố phường Hà Nội, lão già tôi còn đủ sức chống gậy đi nhìn các cô gái bán mơ đây, những bàn tay cô gái bán mơ thoăn thoắt bốc mơ trao cho khách, làm sao có thể không nhớ đến bài thơ rừng mơ bất hủ của thi nhân Nguyễn Bình. Bởi vậy, sớm nay tôi cố ngồi nghĩ về anh, viết về anh.

... Như tôi thường nhắc nhiều lần, bọn viết lách chúng tôi, thời cũ, sống với nhau, cũng như đối với cuộc đời, hết lòng trân trọng, hết tình nhân ái, chúng tôi luôn giữ cách sống cho phong nhã, nghiêm chỉnh mà vui vẻ, lễ độ, dù chung sống với cô gái yên hoa, sa chân lỡ bước.

Ngày ấy đã quá xa rồi. Ngày nay, tôi thấy một số bài viết phê phán, có thể nói là điều cợt những cây bút lớp trước, coi họ như những anh hề xiếc. Rằng họ vội nhảy xuống xe, sụp xuống vỉa hè

một phố đông, vái lạy mấy ông nhà văn trẻ thiên tài, rằng có người phục kích trước chợ Hàng Da đánh một cây bút có tên gọi đùa là Long toét... Thưa rằng, không, không, không có những cái trò hề ấy ở cái thời Lão Trang bảo thủ chúng tôi. Quả tình, chúng tôi có lạy nhau, chỉ khi nào trong phòng kín - chúng tôi bái phục một áng văn tuyệt bút của tiểu thuyết gia này, nhà thơ nọ. Lê Văn Trương, Lan Khai, con người ngang bướng ấy, đã nhiều lần vái lạy Vũ Hoàng Chương, Đinh Hùng, Nguyễn Bình. Người xưa, nhất là kẻ sĩ, vào triều kiến hoàng đế, có khi không lạy, nhưng đi đường, thấy tảng đá núi dáng hình kỳ lạ, ông ta vội thụp xuống lạy, gọi là "*bái thạch vi huynh*". Kẻ sĩ biết ngẩng đầu, cũng có lúc biết cúi đầu.

Ồ này, tôi đã lạc đề rồi. Xin trở lại với mấy cô bán mớ trên vỉa hè bụi bậm, nghĩ về mấy thôn nữ hái mớ rừng chùa Hương của thi nhân Nguyễn Bình.

Tôi nhớ năm 1939, một bọn nhà thơ thành phố Nam Định, trong đó có Hiếu Lang tức Đồ Đức, Vọng Xuyên, Nguyễn Bình, Việt Quyền (nhà thơ trào phúng tuyệt vời), Nguyệt Hồ họa sĩ, cuối là tôi.

... Chúng tôi thuê chiếc thuyền lớn trên sông Đáy, khởi hành từ Phủ Lý, vào bến Đục, chùa Hương. Trong thuyền, ngoài lũ chúng tôi, còn có một đào nương ca trù, một ông kép đồn luống tuổi.

Trong khoang rộng, trải chiếu hoa, đặt một khay đèn nha phiến, theo đề xuất của nhà thơ Nguyễn Bình. Thời ấy, chuyện “*ả phiến*” làm khuây là chuyện rất bình thường, cuộc họp mặt bình vãn nào, cuộc du hí lớn nhỏ nào cũng không để vắng nàng tiên nâu nũng nịu, duyên dáng, mà giết người như bóp nát một cánh hoa.

Thuyền rời bến Phủ Lý vào chập tối. Đàn đáy đã rung tơ, phách đào nương đã hoà nhập cùng sóng vỗ mạn thuyền. Tiếng trống của Hiếu Lang đã lách vào đàn, vào phách, khuyến những lời văn đẹp ca trù của Nguyễn Công Trứ, Tú Xương, Tản Đà, Dương Thập Lang, Dương Khuê, một tay chơi sành sỏi như Nguyễn Khản, anh Nguyễn Du thời chúa Trịnh, Tĩnh Đô Vương.

Con dê buộc ở đầu thuyền đã được ông lái thuyền hoá kiếp. Ông và cô gái xinh đẹp đang dọn tiệc. Nửa đêm, trời đổ cơn giông, gió xoáy, sấm ran trời, mưa trút. Gió giật mạnh liên hồi, con thuyền tuy được cha con ông lái già cố điều khiển mà vẫn trườn lên ngụp xuống, có khi quay theo sức lốc.

Chúng tôi, không ai biết làm dấu thánh, cũng không ai biết “nam mô”, chỉ nhìn nhau, bình tĩnh chờ thăm Hà Bá. Nhà thơ Nguyễn Bình bình thản hơn ai hết, anh vẫn nằm bên ả phù dung, tay che ngọn đèn gió thổi, tay vẫn múa tiêm như Quan vũ múa đao.

Thế rồi, sóng gió dần im, Nguyễn Bình nói đùa:
- Lũ mình thì trời tru đất diệt còn không nổi, kể gì cái gió xoáy này.

Sáng hôm sau đã đến chùa Hương. Chúng tôi nhập cùng thiên hạ, một chốc đã không thấy Nguyễn Bình đâu. Mãi đến gần bữa ăn chiều mới thấy gã về nhà trọ tìm chúng tôi. Trong bữa ăn, Nguyễn Bình uống nhiều rượu hơn thường, miệng luôn lẩm bẩm, có lúc rút sổ tay ra ghi vội đôi câu gì đó.

Sau này tôi mới biết: thì ra Nguyễn Bình đã mang thai nghén bài thơ *Cô hái mơ* từ thuở ấy. Thoạt đến chùa Hương anh đã một mình lên vào rừng mơ, một mình cấu tứ. Điều khiến tôi lạ là Nguyễn Bình chưa bao giờ phải dăm chiêu vò tóc về việc hoàn chỉnh một thi phẩm dài ngắn và khó dễ. Anh thường ứng khẩu đọc trước mọi người, coi việc sáng tác một bài thơ dễ dàng như tợp rượu. Bài *Cô hái mơ* nằm trong đầu Nguyễn Bình từ năm 1939. Vậy mà cho đến gần đây viên ngọc bích ấy mới sáng rực lên. Phải, viên ngọc bích sáng lên khi anh vĩnh viễn đi vào cõi tối, tan vào nơi cảnh ảo.

Thi nhân Nguyễn Bình quả là một thi nhân rất dễ thương khi anh say lúy túy. Bộ mặt da nâu lúc nào cũng như nhảy mồi hôi. Vẻ mặt nghiêm nghị lúc nào cũng ngậm miệng, không có chén bên tay trái mà chỉ có bút bên tay phải. Nói là cười, cái

cười nhếch mép. Chẳng bao giờ nói to, không hề cầu xin ai, kể từ đồng xu nhỏ đến đôi tất rách. Uống khó bao nhiêu thì ăn và mặc, nhất là mặc, cầu thả không ai nói được. Đức tính này giống hệt Nguyên Hồng, tuy rằng nhà tiểu thuyết *Bỉ Vỏ* không bao giờ được nhà thơ Nguyễn Bình bắt tay khi tình cờ đối diện nhau. Tôi nhớ một hôm, Bình đến chơi nhà tôi. Thấy Bình quần áo nhem nhuốc quá, tôi mở tủ, lấy bộ đồ mới may, cho đến cả sơ mi, quần đùi, rồi ngọt ngào mời thi sĩ thay cái vỏ mới ấy vào người. Nguyễn Bình trợn mắt nhìn tôi, mặt hầm hầm: *"Các ông sợ tôi rách rưới, coi tôi như hủi, không dám chơi với tôi nữa à? Sợ xấu hổ à? Thế thì thôi, cái kẻ rách rưới này xin vĩnh biệt các ông!"*. Nhà thơ ôm vội mớ bản thảo, định ra đường. Ngay lúc đó, Vũ Hoàng Chương, Đinh Hùng, Đoàn Phú Tứ cản lối ra. Vũ Hoàng Chương níu áo Nguyễn Bình giữ lại. Tôi phân trần. Bộ ba Đinh Hùng phải hoá lời, đề nghị Nguyễn Bình chấp nhận tặng vật và lòng yêu kính bạn bè của tôi. Rồi đó, Nguyễn Bình nguôi tự ái, cười to, vào phòng tắm gội, thay bộ đồ mới, lại như một công tử thư sinh. Sau đó, chúng tôi hò nhau xuống xóm. Bình phản đối đề nghị xuống xóm Khâm Thiên, Vạn Thái mà anh muốn "sang sông", nghĩa là qua cầu Bồ Đề, sang Gia Thượng, Gia Quất, Gia Lâm.

Rồi những năm kháng chiến. Thi nhân Nguyễn Bình vào Nam. Chúng mình xa nhau, tưởng chừng như muôn thuở. Nhưng may sao, năm 1954 mình lại thấy nhau trong bốn bàn tay nóng hổi. Bình ở Hà Nội, có một mình, tâm sự một lần trên miệng chén đầy, rằng anh ra Bắc, để lại bên dòng sông Thu Bồn một cô vợ tư đẹp, một đứa con thơ.

Không thể nào xa cây bút, Nguyễn Bình xoay xoả cả tám phương, lấy tiền ra tuần báo *Trăm hoa*. Tôi chưa kịp viết gì cho bạn cố tri, chỉ đến tìm anh, thăm báo. Ngồi bên anh, tôi thấy một nàng nho nhỏ, khá xinh tươi. Anh nháy mắt, ra cái điều rằng cô nàng là nữ thư ký của *Trăm hoa*. Tôi thấy lo sợ thay cho cô gái non trẻ ấy, hàng ngày, có thể cả hàng đêm giữ gìn sao được tấm thân mình bên con quỷ rượu. Chỉ ít ngày sau, báo *Trăm hoa* đâu như mới ra ba số, đã tàn rồi, nghĩa là đã chết. Nhà thơ, chỉ biết ngẫu hứng làm thơ, đâu có biết gì về kinh tế, về phương pháp điều khiển tờ tuần báo, từ bài vở, đường lối chính trị, đến việc cận tiếp các người trợ bút, cận tiếp nhà in... Nhà thơ không thể trở nên nhà báo mà không cần học hỏi. *Trăm hoa* chết không trống kèn. Riêng cô nàng thư ký đi đâu? Tôi nghe thiên hạ đồn cô đã trở thành phu nhân Nguyễn Bình. Tôi không tin, cũng không cần tìm hiểu rõ, coi đó là chuyện quá thường.

Trước ngày về Nam Định ẩn cư, lập gia đình, xảy ra cho Nguyễn Bình một vụ buồn. Anh có kẻ thù trong khi làm báo *Trăm hoa*. Hai anh đấu khẩu, sau dùng “*chương lực*”. Khu phố đưa vụ này ra xét xử, giải hoà tại sân trường trung học phổ thông phố Lý Thái Tổ ngày nay. Nguyễn Bình bảo tôi: “*Ông coi cái số tôi thế đấy. Bao năm ở chiến khu miền Trung Nam, chết tưởng trăm lần, may không sao cả. Hoà bình, ra đến Hà Nội, ngờ đâu lại có cái vụ xử tội mình, thật đáng xấu hổ. Tối nay, tôi cần có một người bạn, ngồi bên tôi, cùng nghe người ta phán quyết tôi. Ông đừng bỏ tôi giữa lúc này*”.

Tối ấy, tôi đã đứng sau lưng nhà thơ Nguyễn Bình. Tôi đã nghe ông, giọng say rề nhỏ nhẹ: “*Kính thưa hội nghị...*”.

*

* *

Quả nhiên, Nguyễn Bình cảm thấy mệt mỏi, yếu đau. Anh về Nam Định sống với gia đình, coi như an phận. Chị Bình là người hiền hậu, nết na. Chị hằng ngày ra chợ Rồng, thu nhật từng xu từng hào với mẹt bày quả chanh, quả ổi. Chị tháo mồ hôi, phai tàn tuổi trẻ, làm sao cho hàng ngày có đủ rượu, đồ nhắm, bồi dưỡng ông chồng thơ.

Ngày tháng qua đi trên cái thị xã tẻ buồn, cách đây đã ba năm, một ngày gần tết. Người ta

táp nập đón xuân. Nguyễn Bình quá nghèo, chỉ Bình dành bát lức với cái mẹt ớt chanh cay chua ấy. Bình quá buồn, một buổi sáng gió đông se lạnh, anh lững thững rời đất Vị Hoàng, đến một thôn xóm ven đô. Tình cờ, anh gặp một người lạ mặt. Ông này đã biết Nguyễn Bình, chịu tài Nguyễn Bình, vồ vập ngay Nguyễn Bình, nói rõ lòng thán phục nhà thơ, tự giới thiệu là Hân, cựu y sĩ thời cũ, xin kính mời thi nhân về nhà uống rượu.

Tất nhiên, nhà thơ không từ chối. Với sự tiếp đãi quá nồng hậu, với rượu đế thơm ngon, đồ nhắm tốt, lại thêm ông Hân còn có huê viên, mai trắng, đào phai, hải đường, hoàng cúc nở rộ. Chủ nhân mời quý khách ngồi dưới gốc mai, đào, đánh chén. Bà Nguyễn Bình không biết ông chồng thơ ở mô tê, bà đi tìm kiếm. Ông thi sĩ không cần biết chuyện vợ tìm, cứ uống tối ngày với đào, mai.

Thế rồi, vào ngày cuối năm cũ 21-1-1966 dương lịch), nhà thơ vẫn chưa tắm rửa, thay quần áo! Trong người ngứa ngáy không chịu được, mặc cơn say, nhà thơ bò ra bờ sông nhà ông Hân. Bình lão đảo bước xuống ván cầu, ngồi cởi áo, vén cao ống quần vốc nước ao bèo gội tóc, rửa mặt, rửa cả mình. Xong, áo vắt cánh tay, lại lão đảo bước khỏi ván cầu. Cơn gió bắc phào thổi đến. Nguyễn Bình, thấy trời đất xoay tròn, anh chỉ kịp kêu một tiếng

rồi cả thân hình đổ xấp xuống, mặt úp vào bùn nước, máu mũi rỉ ra. Anh vừa mổ dạ dày thàng trước. Có lẽ anh chết vì bực dạ dày.

Nhà thơ thiên tài Nguyễn Bình đã ra đi, sự thực, như thế đấy. Anh rời cõi tục này giữa mùa mơ rừng chùa Hương gỏi hương cho thiên hạ, và kết trái, cùng với bài thơ *Cô hái mơ* của anh giao duyên với những ai bấy lâu yêu thương Nguyễn Bình, suốt từ Nam đến Bắc, qua từ tuổi già đến trẻ, nữ như nam, người có học cũng như người vô học.

Nguyễn Bình ơi, anh đã đi rồi! Thôi nhé! Hôm nay người bạn già này tâm niệm, uống hộp nước mơ do bà vợ già đưa trong khi đang viết về anh, đang nói với anh, với một hồn ma, còn lang thang như một làn sương khói trong rừng mơ ấy.

Nguyễn Bình ơi, anh đã đi rồi! Thôi thì cũng cứ coi là một việc bình thường của kiếp phù du. Xưa Lý Bạch say rượu vô trăng, chết chìm trên dòng sông lớn. Nay, thi nhân Nguyễn Bình, cũng say, chết nổi bên vũng nước ao bèo, âu cũng là cái chết, bằng cách nào cũng là cái chết, và Bình ơi, nó cũng nhẹ nhàng như... **RỪNG MƠ HIU HẮT LÁ MƠ RƠI.**

NGỌC GIAO

Một vài kỷ niệm với Nguyễn Bình

Khoảng 1942-1943 Nguyễn Bình từ Bắc vào, có đến ở Mỹ Tho (Tiền Giang ngày nay) một thời gian mấy tháng. Lúc bấy giờ ở Mỹ Tho cũng như một vài tỉnh khác ở Nam Bộ, trí thức và một số những người hoạt động văn học đứng ra lập Hội khuyến học. Hoạt động chính của Hội này là tổ chức các buổi nói chuyện và trao đổi ý kiến với nhau về văn học Đông, Tây kim cổ - chủ yếu là văn học do ông cha để lại. Hội Khuyến học ở Mỹ Tho do luật sư Trần Công Tường làm hội trưởng và tôi làm uỷ viên thường trực kiêm phụ trách thư viện. Do làm công việc này mà Nguyễn Bình tìm gặp tôi khi vừa bước chân đến Mỹ Tho.

Là một thanh niên 21, 22 tuổi rất yêu văn học và có làm một số bài chơ chép tay trong tập giấy học trò để chính mình xem và vài ba bạn thân xem, không có danh phận và tên tuổi gì. Điều làm tôi sung sướng là được quen biết rất sớm một số nhà văn nổi tiếng như Đông Hồ, Nguyễn Bình... Vì các anh ấy khi chân ướt, chân ráo đến tỉnh tôi đều nhờ tôi dẫn đi tham quan nơi đây, nơi đó. Vì say mê văn học nên tôi quý các anh là điều rất dễ hiểu.

Nguyễn Bình đến Mỹ Tho ngụ ở khách sạn “*Tân Hưng*”, một khách sạn vào hạng tồi. Ở khách sạn hạng tồi cũng phải, vì Nguyễn Bình nghèo xác, nghèo xơ, mỗi ngày phải trả cho khách sạn một đồng bạc thế mà vẫn không đủ tiền trả, thậm chí không có tiền trả. Quần áo chỉ có một vài bộ thay đổi, nhưng sờn rách, trông Nguyễn Bình lúc bấy giờ không có vẻ gì là “*tao nhân mặc khách*” như Đông Hồ. Đông Hồ đến Mỹ Tho ở chơi mấy hôm rồi về, còn Nguyễn Bình thì ở lại lâu hơn nhiều và do ở lâu hơn nhiều nên Nguyễn Bình không giấu được nỗi nghèo khổ của mình. Là người thích uống rượu, thích uống trà và ghiền á phiện nữa, các thú thích và ghiền này nó dày vò ngày đêm tác giả *Lỡ bước sang ngang* - tác phẩm được yêu chuộng trong thanh niên tỉnh tôi lúc bấy giờ dữ lắm. Hai bộ quần áo, một bộ đã bắt đầu rách cũng là một sự đe dọa Nguyễn Bình rồi! Rồi đây cuộc sống hàng ngày của nhà thơ sẽ ra sao?

Vừa đi học, vừa dạy học tư, số tiền tôi dành dụm được là quá ít ỏi, vạn bất đắc dĩ hàng ngày phải “rót nhỏ giọt” để Nguyễn Bình tạm sống và chia cho Nguyễn Bình một bộ quần áo ka ki màu trắng mà tôi hằng mặc, mỗi lần đứng dạy học. Do không có tiền mua giặt ủi và có lẽ cũng không biết giặt ủi, bộ quần áo trắng “*dễ thương*” của tôi đã đổi màu, trông xám xịt rất bản mặt.

Không còn cách nào để giữ Nguyễn Bình ở lại lâu, còn nói ra để Nguyễn Bình sớm rời khỏi tỉnh nhà thì không nỡ, đúng hơn là không tiện nói. Nằm thao thức nhiều đêm, tôi nảy ra một ý là, đi xin tiền các anh trí thức có sẵn tiền để tiếp tục nuôi Nguyễn Bình. Một sáng hôm đó khi phòng coi mạch của bác sĩ Trần Hữu Nghiệp vừa mở cửa, tôi xông vào nói ngay yêu cầu của mình. Bác sĩ Trần Hữu Nghiệp liền móc ví ra tặng mấy chục đồng. Lúc bấy giờ, tôi đi học ăn cơm tháng chỉ tốn 3 hoặc 4 đồng. Ăn xôi sáng chỉ tốn một xu. Mấy chục đồng của bác sĩ Trần Hữu Nghiệp tặng tương đương với nửa tháng lương của công chức trung cấp thời Pháp hồi đó.

Nguyễn Bình quá nghèo khổ như đã nói, nhưng khi có chút ít tiền thì xài không có kế hoạch và không biết tiết kiệm. Tình hình tốt lên được mấy ngày rồi cuộc đầu vào đây, túng thiếu cứ đeo đẳng Nguyễn Bình hoài.

Tôi trở lại “ngón” cũ, lại đi xin tiền nuôi bạn. Là người em nhỏ tuổi hơn bác sĩ Dương Tấn Tươi nhiều, do mối quan hệ hoạt động chung trong Hội Khuyến học và cả hai đều mê văn chương nên tình cảm giữa nhau ngày càng trở nên sâu đậm. Ai coi tôi là bạn vong niên. Anh Dương Tấn Tươi vừa thích đọc sách, vừa thích chơi sách nên phần nhiều

khi mỗi cuốn sách bán ra, anh mua những hai cuốn, một cuốn để đọc và một cuốn để nguyên không đọc chừa trong tủ kiếng. Là người nghiện á phiện nặng, mỗi ngày sau buổi coi mạch cho toa, từ 8 giờ đêm đến 1,2 giờ sáng anh đi tiệm hút. Vì có nhiều tiền, nơi nằm hút của anh Dương Tấn Tươi được chủ tiệm hút dành cho một phòng riêng khá rộng. Sách để chơi thì để tại nhà, còn sách để đọc thì anh để ở phòng hút một cách quá lộn xộn. Cần cuốn nào thì anh lục lọi, tìm tòi cuốn nấy mất thì giờ.

Đến tiệm hút chờ anh khi anh chưa đến. Gặp tôi anh hỏi ngay *"toa cần gì? Đợi anh nằm xuống phàn và đến khi bồi tiêm làm cho anh hút xong điều đầu tiên tôi mới nói cho anh rõ ý định của mình. Anh bảo ngay toa chịu cực đến khách sạn, nơi Nguyễn Bình ở, tìm Nguyễn Bình nói rằng moa mời Nguyễn Bình lại chơi."*

Hai người nằm đối mặt với nhau, tôi nằm bên cạnh Nguyễn Bình vừa để nghe họ nói, vừa tham gia vào câu chuyện cho vui, Nguyễn Bình đọc cho anh Tươi nghe một số bài của anh mới làm và một trích đoạn *Lỡ bước sang ngang*, và anh Tươi bảo tôi đọc mấy bài thơ của Ngân Giang và một bài thơ Đường. Đêm ấy kéo dài đến ba giờ sáng, phải thay mấy lượt bồi tiêm và ngao đặng thuốc phiện chất chồng lên nhau đầy măn.

Anh Tươi ngồi dậy uống nước, Nguyễn Bình thấy chủ nhân ngồi dậy cũng ngồi dậy. Anh Tươi nói chậm rãi “Tôi nghe” xừ” Danh - tên của tôi - nói Nguyễn Bình rất túng thiếu, tôi tặng Nguyễn Bình một số tiền để sống mà tiếp tục làm thơ. Vừa nói anh vừa móc bạc trong túi áo anh trao cho Nguyễn Bình. Sau đó mấy phút, trước khi về nhà, tôi đưa Nguyễn Bình trở về khách sạn “*Tân Hưng*”. Vì lâu không được hút, đêm nay hút cho đã làm anh say thuốc, chân đi lảo đảo.

Tôi đưa Nguyễn Bình về tận phòng và ngồi lại chơi thêm với Nguyễn Bình trong giây lát. Tôi hỏi Nguyễn Bình: “*Bác sĩ Tươi tặng anh được bao nhiêu*”. Nguyễn Bình móc túi ra đếm. Cả hai đều kinh ngạc với số tiền quá lớn: cả thảy là 7 tấm giấy “*xăng*” vị chỉ là 700 đồng. Với 700 đồng này thì có thể sống thoải mái ít nhất hai năm. Như đã nói: mỗi năm tôi chỉ tiêu tốn tiền cơm vèn vèn có 36 đồng và thêm 30 xu ăn sáng.

Xúc động trước một tấm lòng hào hiệp ít có và đối với Nguyễn Bình thì anh chưa thấy bao giờ, hôm sau Nguyễn Bình đến nhà tôi rủ tôi đến anh Tươi - nơi tiệm hút đêm trước - tặng anh Tươi một bài thơ tứ tuyệt liên hoàn sáu hay bảy đoạn gì đó. Bài thơ chép trên một khổ giấy rộng bề ngang khoảng 9 tấc, bề cao khoảng một thước hai.

Nguyễn Bình - theo tôi biết - là một trong số ít người viết "*phá cách*" bằng mực tàu rất đẹp. Thích nội dung và thích cả hình thức, lại được chính tay tác giả tặng, anh Tươi sung sướng và cảm động vô cùng xiết chặt tay Nguyễn Bình hồi lâu. Đêm ấy cũng kéo dài như đêm trước. Riêng tôi, tôi thấy chịu không xiết, vì ngày hai buổi phải đi, và dạy học, không có giờ để ngủ bù. Dù vậy, tôi vẫn thấy thỏa thích vì có dịp chơi lâu với một nhà thơ nổi tiếng và cũng có dịp thấy rõ tấm lòng hào hiệp vô tư và rất coi trọng người cầm bút của bác sĩ Dương Tấn Tươi, dù tôi cũng biết phần nào về anh qua nhiều lần tiếp xúc với tôi. Anh Dương Tấn Tươi là người yêu nước, sau khi chính quyền ở tỉnh thuộc về ta, anh làm Trưởng ban xã hội và có đi kháng chiến một thời gian, nhưng vì cai á phiện không được, anh quay về. Thật đáng tiếc! Tôi ước ao được gặp lại anh sau ngày miền Nam giải phóng. Ước ao ấy không thành vì anh đã mất trước đó.

Tôi không nhớ rõ cuối 1947 hay đầu 1948, khoảng ba giờ chiều, em bé giúp việc cho tôi chạy vào nơi tôi ngồi làm việc báo: có một người xưng là Nguyễn Bình đến đây muốn gặp chú. Nghe tới tên Nguyễn Bình tôi sững sốt và chạy vội ra. Rõ là nhà thơ Nguyễn Bình cố nhân đây rồi. Hai anh em ôm chàng nhau hồi lâu, người nào cũng ràn rụa nước

mất. Trên thực tế, Nguyễn Bình đã gia nhập đội ngũ Vệ quốc đoàn từ ba giờ chiều hôm đó vì Bộ tư lệnh là đồng chí Trần Văn trà và đồng chí Nguyễn Văn Vịnh đã chấp nhận yêu cầu của tôi ngay ngày hôm nay. Chẳng những chấp nhận mà các đồng chí còn dặn tôi: đối đãi đảng hoàng, chăm sóc chu đáo tác giả *Lỡ bước sang ngang*.

Cũng thời gian này, lần lượt các anh Ba Du, Tám Danh, Triệu An, Tư Xe, các nghệ sĩ cải lương nổi tiếng, nhạc sĩ Hoàng Việt, họa sĩ Hoàng Tuyển, nhà thơ Mặc Khải, nhà văn Minh Lộc... cũng rời thành thị vào chiến khu Đồng Tháp Mười khoác áo lính (nói là áo lính nhưng là áo bà ba vải đen, chứ không có gì khác) làm công việc sở trưởng của mình và làm đủ các thứ việc linh tinh theo yêu cầu từng lúc của chiến trường.

Do lòng tự nguyện của các anh, chiến khu 8 có phúc may được các anh góp công sức, khiến nó "*khỉ ho cò gáy*" này đã từng nắm văn nghệ phát triển lên ngó thấy. Do yêu quý văn nghệ và luôn nhớ lời dặn dò của Bộ tư lệnh, Ban tuyên truyền của chúng tôi đều "*đối đãi đảng hoàng chăm sóc chu đáo*" binh chủng đặc biệt này. Nhưng phải nói rằng: ai cũng có cá tính riêng và đều rất khó. Giữa anh em này với bộ đội nói chung và đơn vị của tôi có một khoảng cách lớn trong sinh hoạt.

Làm thế nào để kỷ luật trong quân đội được giữ vững và con người họ không bị gò bó đến mức không còn hào hứng lao vào công việc sáng tác, biểu diễn là một vấn đề. Nói chung các đơn vị bộ đội đều thấy sự có mặt của họ là cần thiết, quý báu nữa là khác, nhưng cũng có người không ít tỏ ra khó chịu về sinh hoạt có phần tự do của họ. Riêng cái việc thức khuya, dậy trễ của họ cũng là vấn đề đem ra bàn cãi trong một số người thuộc các cấp. Nguyễn Bình lại thêm cái bệnh uống rượu, uống xong, lại hay kháo chuyện một cách tùy hứng, thiếu cân nhắc càng khiến xung quanh có thành kiến thêm về cái gọi là “*văn nghệ cũ*” “*văn nghệ sĩ lãng mạn*”.

Thành kiến ấy chẳng bao lâu bị xóa dần khi họ được đọc thơ của Nguyễn Bình, được nghe nhạc của Hoàng Việt và được xem các nghệ sĩ thuộc loại thầy biểu diễn. Thơ của Nguyễn Bình với nội dung ca ngợi cách mạng, ca ngợi tiểu đoàn lừng lẫy 307 được nhạc sĩ Nguyễn Hữu Trí phổ nhạc, được toàn quân và toàn dân Đồng Tháp Mười hoan nghênh, ngày càng bay xa qua các chiến khu ở Nam Bộ lúc bấy giờ như một hồi kèn, giục quân ra trận. Kết quả của việc động viên tinh thần quân dân đánh giặc của anh mang lại qua tác phẩm, được mọi người trân trọng đánh giá cao, ảnh hưởng trở lại đội ngũ sáng tác và biểu diễn rất lớn.

Nguyễn Bình được đồng đội nâng niu đến mức ưu tiên dành giấy mua một cách khó khăn (bị địch bắt mất nhiều người) ở Sài Gòn, in tập thơ đầu tiên của anh ở chiến khu. Và thương anh bị muỗi mòng đốt ngày đêm, ảnh hưởng đến sức khỏe, nên cơ quan may riêng cho anh một cái mùng tương đối rộng để anh ngồi trong đó viết bài. Về đêm, muỗi càng nhiều, uy hiếp con người dữ dội, nếu ai không chịu chui vào nóp sớm. Chui vào mùng - phần lớn là nóp - dù sớm, nếu chịu nằm yên đấy không chui ra chui vào thì còn đỡ, hễ ra, thì giữ kỹ tới đâu muỗi cũng chui theo khi vào... Nguyễn Bình đêm đến hay uống trà và cũng hay đá đêm, và mỗi lần vào mùng là mỗi lần phải đập muỗi hồi lâu mới tạm nằm yên được, và dầu có siêng năng đập tới đâu cũng không hết muỗi. Thương Nguyễn Bình mất ngủ, anh em thưa cho Nguyễn Bình một đoạn tre dài, thông các mắt để mỗi lần cần đi đá thì đá trong ống tre cho nước đá chảy thẳng xuống con mương nhỏ cạnh nơi Nguyễn Bình ngủ.

Trước đây người ta khó chịu về bệnh ghien rượu, đặc biệt là một số anh em trong đơn vị, nhưng khi thấy Nguyễn Bình miệt mài làm thơ và có một số bài thơ hay về cuộc chiến đấu anh dũng của quân và dân, họ nói với nhau: "Có người quen

ăn ớt đến nỗi không có ớt thì ăn cơm không còn biết ngon nữa và lượng cơm ăn hàng ngày cũng giảm đi, huống nữa là ghiền rượu. Có thể đối với Nguyễn Bình, rượu là món trợ hứng. Để anh chàng này sống tự nhiên một chút, gò bó quá có khi chẳng được gì!". Do nghĩ như vậy mà ngày càng thấy thương nhà thơ, thỉnh thoảng cũng có người bọc một vài "xì" trong tàu lá chuối khô đem đến tặng Nguyễn Bình. Vật chất tuy không đáng bao nhiêu, nhưng cử chỉ săn sóc ấy khiến Nguyễn Bình cảm động nhắc hoài, cũng như anh nhắc hoài về tấm lòng của bác sĩ Dương Tấn Tươi đối đãi với anh - khi cầm xấp bạc 700 đồng tặng anh trong lúc cuộc sống đang bị đe dọa từng ngày.

Năm 1949, tôi được cấp trên giao nhiệm vụ phụ trách Ban Tuyên truyền Nam Bộ, theo Bộ Tư lệnh Nam Bộ xuống miền Tây. Tôi xa anh em văn nghệ và Nguyễn Bình trên một năm, lòng thấy buồn lắm, nhưng biết làm thế nào? Tôi xin Bộ Tư lệnh cho tôi trở lại chiến khu 8 ở Đồng Tháp Mười. Qua nhiều lần đề đạt nguyện vọng, được cấp trên nhận, tôi mừng lắm và được sống lại với các bạn thân được vài năm. Một lần nữa cấp trên lại chỉ định tôi làm Trưởng ban Tuyên truyền Bộ Tư lệnh Nam Bộ mà căn cứ đóng quân là vùng rừng ở Tây Ninh. Sau đó không lâu, Nam Bộ sắp xếp lại các

212

chiến khu, không còn chiến khu 8 nữa mà chỉ có hai Phân Liên khu miền Đông và miền Tây. Nguyễn Bình và các anh em văn nghệ khác cơ thể không khoẻ đều được cấp trên điều xuống phân Liên khu miền Tây, còn có một số ít lên Phân Liên khu miền Đông. Từ miền Đông gian khổ, thiếu đói, thỉnh thoảng tôi viết thư thăm hỏi Nguyễn Bình. Bức thư đầu tiên nói về việc mỗi người phân mỗi ngả, tôi nhắc tới câu thơ Đường *Quân hướng Tiêu tương, ngã hướng Tần*, khiến Đoàn Giỏi và Nguyễn Bình cảm thấy buồn rười rượi sau một cuộc nhậu tay đôi. Đoàn Giỏi viết thư cho tôi kể lại như vậy.

Từ miền Đông tôi lên Liên khu 5. Sau chỉnh huấn ở đây, tôi và một số đồng chí ra luôn Việt Bắc lúc ta mở chiến dịch Điện Biên Phủ. Thế là cuộc xa cách giữa tôi và Nguyễn Bình diễn ra khá nhiều năm. Mãi đến 1954 hai anh em mới gặp lại ở bến Sầm Sơn (Thanh Hoá) nơi cán bộ Nam Bộ tập kết. Từ Việt Bắc (Khu A.T.K) được phân công làm nhiệm vụ tuyên truyền trong Ban đón tiếp quân đội và cán bộ miền Nam hàng tuần lên bến, trong từng chuyến tàu, tôi ra tận bến nhìn tận mặt từng người xem có bạn quen thân không? Kể trước, người sau, lần lượt tôi đều gặp mặt, trong số đó

có Nguyễn Bình lưng hơi còng như thuở nào. Cạn nước mắt vì vui sướng là thời gian này đối với chúng tôi.

Cho đến nay tôi vẫn còn giữ mãi một ý nghĩ rất đẹp về các anh Ba Du, Tám Danh, Triệu An, Tụ Xe, Hoàng Tuyển, Nguyễn Bình..., những văn nghệ sĩ quen sống ở thị thành. Từ một cốc cà phê buổi sáng đến một ly rượu buổi chiều đối với các anh trong sinh hoạt hàng ngày tất cả đều lùi vào dĩ vãng, chỉ nhắc lại với nhau mà chơi giữa hai cuộc càn quét của giặc. Đặc biệt đáng ngời ca nhất là một số bạn văn nghệ đã từng chung sống với “bàn đèn” nhiều năm, nay phải già từ nó đi vào chốn rừng núi hoặc đồng bưng thiếu ăn, thiếu mặc, suốt ngày đêm bị muỗi đốt, vì danh dự của mỗi người và vận mệnh của dân tộc. Nguyễn Bình là một trong số đó. Trong nhiều năm tháng chịu đựng mọi nỗi gian khổ, anh đã đi “mút mùa” với cách mạng cho tới ngày nhắm mắt ở quê nhà và để lại cho đời những tập thơ quý giá.

Tháng 10 - 1990
BẢO ĐỊNH GIANG

Một thần đồng

Năm 1931, ở làng Thiện Vịnh, Vụ Bản, Nam Định, người ta đồn ầm lên có một thần đồng! Đó là một cậu bé 13 tuổi được giải nhất trong một cuộc thi hát trống quân đầu xuân ở hội làng. Mà oái oăm, người thứ nhì lại là một cụ lão bà ngoài 70 tuổi, đầu tóc bạc thơ. Cậu bé đó là Nguyễn Bình và cụ già là cụ Nguyễn Thị Chanh.

Chẳng là, từ mừng 6 đến mừng 8 tháng giêng ta cùng dịp hội phủ, làng tổ chức thi hát trống quân ở ngay sân đình, một bên nam một bên nữ. Cụ Chanh gà cho bên nữ, Bình gà cho bên Nam. Hát đối đáp nhau, hỏi đố nhau suốt đêm, cuối cùng, bên nam thắng cuộc chính là nhờ câu hỏi đáp rất hay của Bình.

Ngày nay, các anh chị hồi ấy (bây giờ là các cụ cả rồi) còn nhớ mấy câu sau đây:

... “Anh đố em này:

Lẳng ta chưa vợ mấy người?

Chưa chồng mấy ả, em thời biết không?

Đố ai đi khắp Tây Đông,

Làm sao kiếm nổi tám chồng như chúng anh đây?

Làm sao như rượu mới say,

Như giăng mới mọc, như cây mới trồng?

*Làm sao như vợ như chồng?
Làm sao cho thoả má hồng răng đen?
Làm sao cho tỏ hơn đèn?
Làm sao cho bút gấm nghiên suốt đời?
Làm sao? anh khen em tài?
Làm sao? em đáp một lời, làm sao...?"*

Câu đố mà lại như câu hát, thật trữ tình, thật thơ mộng, và thật khó trả lời, làm bên nữ chỉ cười rúc rích, dăm nhau thùm thụp, và rồi ... sau 5 phút, 10 phút, sau ba hồi trống dài, bên nữ không đáp được! Thế là các già làng chấm bên nam thắng. Bọn con trai sung sướng hò vang, kiệu Nguyễn Bình lên vai đi khắp vòng đình.

Có lẽ những ngày thơ ấu, những câu hát đồng quê ấy đã tạo nên cái chất Nguyễn Bình, nhà thơ “chân quê” của chúng ta sau này.

(Theo cụ P. và cụ N. ở quê Nguyễn Bình)

Nhại Kiều

Hồi Nguyễn Bình mới 18 tuổi, lần đầu mang thơ ra Hà Nội, muốn đăng báo, có nhờ Nguyệt Hồ giới thiệu với Lê Tràng Kiều, chủ bút “Tiểu thuyết thứ Năm”. Kiều gửi thiệp mời Bình (và cả Nguyệt Hồ) đi ăn cơm Tây ở khách sạn để bàn chuyện cộng tác.

Nhận thiệp mời, Nguyễn Bình hỏi Nguyệt Hồ:

- Tuần sơ buổi mới, nên đi ăn hay chối từ?

Nguyệt Hồ lúc ấy là họa sĩ lớn tuổi đã nổi danh, đang vẽ cho nhiều tờ báo. Câu hỏi của Nguyễn Bình có ý thăm dò tính cách ông chủ báo, chọn mặt gửi vàng.

Nguyệt Hồ hỏi:

- Có gì e ngại?

Nguyễn Bình cười, đọc:

- “*Sông sâu còn có kẻ dò,*

Những ông chủ báo, ao đo được lòng?!”

Nguyệt Hồ cũng cười, nói:

- Hôm nay đến với “chàng Kiều” nên tôi xin nhại Kiều với thi sĩ nhớ:

“*Rằng Từ thì chẳng anh hùng!*

Đọc ngang “phóng sét”, vấy cùng “cu tô”^()*”

^(*) Từ có thể hiểu là Từ Hải trong truyện Kiều, là từ chối, còn “Phóng sét cu tô” là đĩa và dao để ăn cơm tây.

Tiểu thuyết thứ Năm là tờ báo đăng bài thơ đầu tiên của Nguyễn Bình (bài *Cô hái mơ*) và cũng là tờ báo đăng nhiều thơ Nguyễn Bình nhất thời ấy.

Thơ chưa đăng của Nguyễn Bình

Cũng như mọi nơi khác, ở đất nước ta, ngày Tết âm lịch thường mới có dịp gặp mặt bạn bè cùng quê. Nam Định, thành phố nhỏ, có năm bảy anh em viết văn, làm thơ ở lại thành phố, còn hầu hết làm công tác ở Hà Nội, thường dịp Tết mới gặp nhau. Nhân dịp xúng xểng có chút ít thực phẩm, anh em góp lại đánh chén.

Tết năm 1963 thì phải, trong một bữa cỗ, nhiều anh làm thơ chúc nhau và xỏ nhẹ nhau nữa. Nó cũng là kiểu thơ thù tạc thông thường, thoáng đọc, thoáng quên. Riêng có bài thơ Nguyễn Bình mừng Việt Quyên là còn lưu lại trong nhiều anh em ở Nam Định. Nhân đây cũng nói qua một tý về Việt Quyên. Một ông lão khi đi tản cư chống Pháp ngồi bán nước chè, bánh rán mật ở khu bốn cũ, sống rất thiếu thốn nhưng không bao giờ ngừng đọc và ngừng viết. (Nhà văn Nguyễn Khải có lần

đã viết mấy dòng về ông lão này). Có thể nói không ngoa, ông lão thư ký nhà máy dệt, coi nghề vẫn là “Đạo”. Con người tốt, tấm lòng yêu mến văn chương tha thiết, ái tài, quý bạn văn. Khốn thay tài năng nó phải lại tấm lòng thành của ông lão. Cho đến năm gần 70 tuổi, vào một ngày xuân phơi phới, ông lão mới nhận thấy sự thật tàn nhẫn là ông không có tài theo đuổi văn chương. Bữa rượu ấy, ông lão nói lên nỗi niềm tâm sự. Anh em ai cũng buồn cho ông lão. Biết làm sao được!

Ông lão bảo: “Thôi các cậu đừng lo cho tớ. Tớ sẽ về hưu, đi theo bọn trẻ bầy chim, rán chén.

Nhân câu nói ấy, Nguyễn Bình đọc luôn một bài thơ:

*Bầy chim nghề ấy sướng bằng tiên
Rán chén thì ngon, bán được tiền
Đỏ có chào mào, nâu sáo sậu
To thì khà khiếu, bé vành khuyên.
Quăng bút đã chạy làng văn nghệ
Thì xách lồng theo lũ thiếu niên.
Bác với loài chim thù bất cộng
Mà sao tên bác lại là Uyên?*

VIẾT THÊM VỀ NGUYỄN BÌNH

Có người nói thơ Nguyễn Bình chỉ hợp với một tầng lớp nào đó. Ý giả đó chẳng có tư tưởng gì, lẽ sống gì đáng chú ý.

Tôi nghĩ cũng nên xem xét kỹ cho được công bằng. Ngoài tài năng đã được thử thách qua độ bền của thời gian, Nguyễn Bình cũng còn có chút ít gì nữa...

Nhớ khi ở Nam Định, Bình có câu:

... Chẳng than: Sinh bất phùng thời⁽¹⁾

Vuốt xuôi mái tóc cả cười ta đi...

Thời Tây - Nhật nhớ những lúc nhúc một lũ
"Tây - Nhật - An Nam", Bình ở Sài Gòn lại có câu:

... Trói vo hồn lại ba đồng bạc

Bán rẻ đời đi một đấu lương...

... Lẳng lơ đi vông, đi tàn cả

Gái chính chuyên kia đứng vệ đường.

Sông lạnh hỏi ai người gọi gió?

Trăng tà tìm mãi kẻ mài gương...!

Tôi mong được anh Tô Hoài, Bùi Hạnh Cẩn, Yến Lan viết thêm về Nguyễn Bình có lẽ đúng hơn.

THỢ RÈN

⁽¹⁾ "Sinh bất phùng thời" phải chăng xuất xứ từ câu: "Sinh bất phùng thời"? Về bài thơ "Bầy chim"... có người kể lại là: bốn câu trên của người khác, sau đó Nguyễn Bình mới đọc tiếp bốn câu cuối; có nghĩa là bài thơ ấy của hai tác giả Nguyệt Hồ và Nguyễn Bình?

Nguyễn Bình dạy cách làm thơ lục bát.

Một buổi tối mùa đông năm 1956, khi mấy chị em tôi đang chơi đùa ổ rơm ở góc nhà thì bố tôi đi làm từ thị xã Phủ Lý trở về. Ông nhìn chúng tôi âu yếm và nói: “Bố có món quà đặc biệt này tặng con”. Năm ấy tôi mới chín, mười tuổi. Tôi vội vàng mở ra xem: cuốn sách *Cách làm thơ lục bát* do nhà thơ Nguyễn Bình biên soạn, dày 22 trang, khổ 17x12cm, xuất bản ngày 5-11-1955 tại Hà Nội. Cuốn sách viết giản dị, dễ hiểu, dễ thực hành với những tiêu đề cụ thể như: Tại sao lại gọi là thơ lục bát? cách gieo vần, cách nối vần của lục bát, luật bằng trắc, cách ngắt câu, cách tra vần chính và vần phụ của lục bát... Nguyễn Bình còn chịu khó liệt kê hẳn một bảng tra vần để giúp các bạn mới tập làm thơ tiện sử dụng. Ông không lý luận, phân tích dài dòng, mà chỉ đưa ra những ví dụ thật đắt để chứng minh cho những điều ông nêu. Nguyễn Bình muốn chỉ ra những vấn đề cốt lõi nhất, những mẹo luật của lục bát mà qua thực tế sáng tác của ông và các tác giả khác ông cho là xác đáng nhất, để giúp độc giả sử dụng thật tốt và nhuần

nhuần thể thơ dân tộc này. Nguyễn Bình viết: “Thơ lục bát phải làm cho chúng đúng vần, nếu sai vần thì không thể thành thơ được”.

Đọc và vận dụng những điều Nguyễn Bình nói trong sách và qua quá trình học hỏi, nghiên cứu sáng tác, tôi càng thấy là làm thơ lục bát cho hay không dễ dàng một chút nào. Nguyễn Du thiên tài sử dụng lục bát để tạo ra kiệt tác Truyện Kiều bất hủ. Ông cha ta làm nên những câu ca dao dân ca tuyệt vời thể sáu tám. Ấy vậy mà nếu ai đó lại lười biếng để dãi khi dùng thể thơ quen thuộc này thì dễ sa vào trường hợp về đơn điệu, tẻ nhạt.

Nguyễn Bình không chỉ là nhà thơ có biệt tài về lục bát (xem các bài: *Lỡ bước sang ngang*, *Chân quê*, *Tương tư*, *Người hàng xóm*) mà còn là người nhiệt tình cổ động, viết sách dạy cách làm thơ lục bát.

NGUYỄN HUY THÔNG

Chửi Đông chửi Tây... Tây cũng phải chịu...

Khoảng năm 1938 - 1939 họa sĩ Nguyệt Hồ thường hay rủ nhà thơ trẻ Nguyễn Bình tới nhà Nguyễn Vỹ để bàn chuyện thời thế, văn chương.

Lúc bấy giờ nhà thơ Nguyễn Vỹ là người có uy tín trong làng văn, giỏi tiếng Pháp, có xu hướng tiến bộ, luôn luôn cổ vũ cho phong trào bình dân của Pháp và ông đã đứng chủ bút tờ báo *Pháp Việt* và tờ *Le Cigne* được văn giới ở Hà Nội kính nể.

Tờ báo của ông được cả người ta, người Tây chú ý. Nhưng ở vào thời kỳ kinh tế khủng hoảng nên báo *Pháp Việt* cũng gặp khó khăn. Nguyệt Hồ bàn với Nguyễn Vỹ: bây giờ muốn cho tờ báo đắt khách thì phải có chuyên mục gì thật hấp dẫn và mới mẻ. Họ quyết định mở chuyên mục với cái tên rất hóm: Chửi bâng quơ, chửi Nam, Bắc, Tây, Đông mà *chửi Tây là chủ yếu!* Nguyệt Hồ đã dùng bút pháp hội họa trình bày vi nhét của chuyên mục này làm chữ "*Chửi Tây*" nổi bật hẳn lên khiến mọi người đọc phải chú ý. Qua một số bài hàm ý chửi Tây rất chua cay, bọn mật thám đã để ý. Cánh bồi bút thì đã viết bài bình luận rằng: nhóm này (ý chỉ Nguyễn Vỹ, Nguyệt Hồ...) giỏi

về trào phúng chính trị. Tên thực dân Pháp Rô-nê Crét-sắc⁽¹⁾, trưởng phòng kiểm duyệt báo chí Bắc Kỳ thấy thế cũng năng lui tới trụ sở báo *Pháp Việt* để theo dõi tình hình. Hắn là một tên thực dân lỗi đời: thông thạo tiếng Việt, giỏi chữ Hán, am hiểu phong tục tập quán người bản xứ, thích ăn các món dân gian như bún riêu, bánh cuốn chấm với nước mắm cà cuống, nhất là món bún ốc với dấm bỗng ở ngõ Nhà thờ thì hắn thích thú lắm. Có lần cầm bát bún trên tay, hắn hỏi bà chủ quán: *"Bữa nay, bà đã chưng mầu chưa?"* rồi nói với mọi người: *"Tôi đã đi du lịch nhiều nước trên thế giới, tôi chưa thấy nơi nào, kể cả thủ đô Pari có được một món "súp" ngon như ở Hà Nội"* (ý chỉ dấm bỗng và canh riêu cua). Hiểu sở thích của Rô-nê Crét-sắc, Nguyễn Vỹ rủ Nguyệt Hồ, Nguyễn Bình mời Crét-sắc đi ăn chả cá ở phố Hàng Cân, rồi đưa hắn đi thăm *"nàng tiên nâu"* cho hắn *"đi mây về gió"* một châu thoải thích để tranh thủ hắn. Nói đến *"á phiến"* Crét-sắc cũng rất khoái nên đã vui vẻ nhận lời mời.

Hôm ấy, sau khi no say chả cá ở phố Hàng Cân, đến tối, họ đưa nhau tới một tiệm hút ở phố Mã Mây. Trước cửa tiệm này người ta treo một biển nhỏ bằng hộp kính trong có ngọn đèn đỏ hắt

⁽¹⁾ René Creysac.

ra chữ “*Fumerie Triệu*”. Cạnh biểu trưng là một mô hình cái chao đèn có vẽ đôi chim yến bay, biểu trưng cho những bàn đèn trong các tiệm thuốc phiện thời ấy thường dùng. Để khắc sâu trong tâm trí khách làng chơi, nhà hàng còn cho in 4 chữ Hán nổi dưới đôi chim yến bay ở chao đèn: “*Phi yến thu lâm*” (Yến bay trong rừng thù). Khách làng chơi thường tán là: “*Yến bay thú lắm*”, thực ra là cách chơi chữ từ: “*Phiện thú lắm*” mà ra. (Phiện: *Phi Yến*, thú lắm: *thu lâm*).

Vỹ, Bình, Nguyệt Hồ chơi rất lịch thiệp, hướng dẫn chơ Rô-nê Crétsắc cách cầm tẩu, cách nằm gối đầu, cách mời lịch sự theo kiểu làng chơi của Việt Nam. Crétsắc vốn là một người có học thức rộng, lại thông minh, lịch lãm nên cũng tỏ ra không thua kém khách tài tử bản xứ.

Đi mây về gió mỗi người hai châu, bốn điệu, Crétsắc thấy mê, người lâng lâng như bông bênh trên mây. Sau khi đưa chiếc bánh đậu vào miệng, tu một hơi nước trà nóng, y thấy khoái vô cùng. Nhìn chụp đèn hắt đọc:

Phi yến thu lâm... nghĩa cũng hay... Định làm một câu nữa nhưng hình như thi hứng bị tắc, hắt quay sang bảo mọi người:

- Thế nào? Các ông! Ta thử tiếp nối đi chứ! Vị nào nối thơ mà hay, tôi xin thưởng luôn bốn điệu

chính phẩm và năm đồng bạc, ngang giá nhuận bút một bài thơ bát cú đấy.

Nguyệt Hồ:

- Quan lớn nói thật đấy chứ?

Crétsắc:

- Thì tôi đã nói dối ai bao giờ đâu!

Nguyệt Hồ đưa mắt nháy Nguyễn Bình:

- Thế nào ông Bình? Tiếp quan lớn đi chứ!

Nguyễn Bình:

- Xong ngay thôi. Xin phép quan lớn, tôi nối tiếp được chứ ạ?

- Xin mời....!

Bình đọc:

Nằm trên giường tựa nằm trên mây.

Crétsắc: Ô! Tuyệt cú đấy... C'est bien! C'est bien! Ông Vỹ thấy thế nào?

Nguyễn Vỹ:

- Khá đấy

Crétsắc:

- Mời ông!

Nguyễn Vỹ:

- Uyn, dơ, troa, cát, ken cờ píp!

Crétsắc:

- Hay lắm! Hoan hô! đúng là khẩu khí ông Vỹ! Còn ông họa sĩ nối tiếp đi!

Nguyệt Hồ hạ luôn:

- *Quạt ngã An Nam, ngã cả Tây.*

Cả bọn cười ồ, Crétsắc sừng sốt, nhóm dậy trợn mắt:

- Ông nói gì vậy?

Nguyệt Hồ nhắc lại:

- *Quạt ngã An Nam, ngã cả Tây*

Bính giải thích: Nàng tiên nâu này mà làm tình mấy “phùà” nữa, thì chẳng những người An Nam nào cũng ngã, mà người tây cũng phải ngã.

Nguyễn Vỹ:

- Đúng đấy! Toa ngã, moa ngã, chúng ta ngã, thì me sử tây Crétsắc cũng phải ngã chứ sao.

Cả bọn cười rộ. Rồi Crétsắc chịu cứng lưỡi trước những từ ngữ hàm súc, kỳ diệu của tiếng Việt. Y mỉm cười khoái chí, gật gù đọc lại bốn câu liên ngâm bằng một giọng lơ lơ khàn khàn:

Phi yến thu lâm nghĩ cũng hay

Nằm trên giường tựa nằm trên mây

Une, deux, trois, quatre, quelques pipes

Quạt ngã An Nam, ngã cả Tây.

Nguyệt Hồ:

- Thế nào? Quan lớn thưởng luôn chứ?

- Cho ai?

- Cho cả ba, vì câu nào cũng hay mà!

- Ô! Nếu không có câu “*Quạt ngã cả Tây*” thì tôi thưởng liền chứ hẹp gì!!!

Thấy Crétsắc có vẻ khó chịu, Nguyệt Hồ cười nói:

- Thôi, chúng tôi cho quan lớn thưởng chịu vậy.

Crétsắc tự ái:

- Tôi không thêm chịu các ông đâu!

- Thế thì phải thưởng luôn chứ!

- Được, Tôi sẽ thưởng, nhưng tôi xin ra đề bài tiếp để vị nào có thơ hay tôi thưởng luôn một thể.

Nguyễn Vỹ:

- Ư thì ngài ra đề bài đi!

Crétsắc:

- Á phiến! Á phiến. Ai vịnh cảnh hút mà hay tôi xin thưởng thêm một xuất như đã hứa.

- Nghĩa là thế nào?

- Nghĩa là: bốn điều chính phẩm “*Đông Á*” và năm đồng bạc!

Nguyệt Hồ:

- Thế nào? Ông Bính! Giật giải luôn chứ!

Nguyễn Bính lim dim đôi mắt, miệng mỉm cười, nghĩ một lát rồi đọc luôn bốn câu:

Phảng phất hồn mơ năm mộ đen

Tai nghe giọt nhựa khóc trên đèn

Mê ly cả một bầu Đông Á.

Nhè nhẹ tâm hồn lỏng khoá then.

Mọi người trố mắt nhìn, chịu là Bính làm thơ tả cảnh hút thuốc phiện là tuyệt. Buộc Crétsắc phải thưởng cả làng và Nguyễn Bính đã khao lại cả bốn người.

ĐỖ ĐÌNH THỌ

Người ta phiên dịch tiếng ta sang tiếng Tây cho người ta nghe.

Năm 1944, trong cuộc thi viết truyện ngắn của báo *Thanh niên Đông Pháp*, một tờ báo có uy tín ở Sài Gòn lúc bấy giờ, truyện *Không đất cắm dùi* của Nguyễn Bình được giải nhất. Để khuếch trương uy danh của tờ báo này, toà soạn liền tổ chức lễ trao giải một cách trọng thể tại rạp hát Nguyễn Văn Hảo! Khách tới dự gồm đủ các giới chính khách người tây, người ta, làng văn, làng báo, nhà giáo, học sinh, và các nhà công thương nghiệp của đô thành. Trong số khách này có vợ chồng viên đốc lý và vợ chồng viên đại diện phủ toàn quyền.

Sau khi nhận được thông báo, Nguyễn Bình biết rằng trong cuộc trao giải này, thế nào chủ báo *Thanh niên Đông Pháp* cũng mời anh đọc đáp từ.

Theo thông lệ của thời Pháp đô hộ, nhất là tại Sài Gòn, tất cả các văn kiện, ngôn ngữ giao dịch đều phải dùng chữ Pháp, tiếng Pháp. Vốn liếng Pháp văn chẳng được là bao, Nguyễn Bình đã nhờ Hoàng Tấn chuẩn bị cho một bài “*dit cua*” rất chững chạc. Đọc lên nghe có vẻ “*kêu*” lắm.

Để bài diễn văn đáp từ được trôi chảy, Nguyễn Bình đã phải mặc comlê, thắt cà vạt chỉnh tề đứng trước gương đọc đi đọc lại cho thuộc lòng từng chữ, từng câu xì xồ giọng Tây. Làm việc này anh thấy vất vả, gò bó và khó chịu lắm. Nguyễn Bình bảo Hoàng Tấn:

- Này ông Hoàng! Vô lý nhỉ! Tại sao ta cứ phải nói cái tiếng Pháp - lang - sa mà không nói bằng tiếng ta? Nói tiếng ta có hay hơn không?!...

Hoàng Tấn cười:

- Thôi! Gặp thời thế thế thời phải thế ông tướng ạ! Miễn là linh xong giải ta kéo nhau đi nhậu, lúc đó tha hồ mà nói tiếng mẹ đẻ...

Có lẽ đây là lần đầu tiên Nguyễn Bình phải làm một việc vạ bất đắc dĩ chưa bao giờ chán ớn đến vậy!

Trong buổi lễ trao giải hôm ấy, Nguyễn Bình xuất hiện một cách khá rực rỡ khiến nhiều kẻ ghen tỵ.

Sau một hồi đọc diễn văn tổng kết cuộc thi, chủ báo Trần Văn Hanh tuyên bố giải nhất cho truyện *Không đất cắm dùi* của nhà thơ Nguyễn Bình - người xứ Bắc kỳ. Ông ta mời viên đốc lý lên trao giải thưởng. Viên đốc lý lại uỷ cho vợ hán. Một mụ đầm to béo lên trao thay. Nguyễn Bình hơi khó chịu. Trao giải xong, mụ đầm ôm hôn Nguyễn Bình giữa tiếng vỗ tay râm ran làm cho anh lại càng

mắc cỡ, nhất là ở phía dưới ồn ào lên tiếng chê bai chen vào cả tiếng huýt sáo khiêu khích, châm biếm của một vài anh chàng hiếu động. Sau khi mụ đầm trở về chỗ ngồi, chủ báo Trần Văn Hanh mời Nguyễn Bình đọc đáp từ. Nguyễn Bình rất hồi hộp trước sự chờ đợi của mọi người. Nhà thơ rút trong túi ngực ra tờ “đất cua” bằng Pháp văn đã viết sẵn, hắng giọng để chuẩn bị đọc. Mọi người im lặng đón nghe. Bỗng dưng Nguyễn Bình lại không đọc nguyên văn bằng tiếng Pháp mà đọc đồng dạng bằng tiếng Việt “*Thưa quý bà, quý ông...*”. Viên chủ báo nhìn viên đốc lý. Viên đốc lý nhìn viên đại diện phủ toàn quyền. Cả rạp ngồ ngàng khi thấy Nguyễn Bình vẫn cứ thao thao đọc bằng tiếng Việt và tiếng vỗ tay vang lên khắp cả hội trường. Người ta hoan nghênh hành động độc đáo ấy của nhà thơ có tên tuổi giữa đất Sài Gòn.

Mấy viên quan Pháp và mấy mụ đầm thấy thế cũng vỗ tay theo. Chủ báo Trần Văn Hanh lo sợ quá, vội nhảy lên xin phép được phiên dịch từ tiếng Việt sang Tiếng Pháp. Cứ như thế, Nguyễn Bình đọc câu tiếng Việt nào, Trần Văn Hanh lại thông ngôn luôn bằng tiếng Pháp rất trôi chảy cho phần lớn người Việt ngồi nghe. Trước sự khôi hài đó cả rạp phá lên cười, tiếng cười khoái trá mỉa mai khiến Trần Văn Hanh phát ngượng. Đọc xong

đáp từ, Nguyễn Bình ung dung bước xuống chỗ ngồi trong tiếng hoan hô nhiệt liệt.

Trần Văn Hanh vội đến chỗ viên đốc lý và viên quan đại diện phủ toàn quyền để nói vài câu có ý thanh minh, thông cảm.

Nhưng tên đốc lý cáo già đã giữ vẻ mặt lạnh lùng, bình thản trả lời.

- Cũng tốt! Tốt thôi! Chúng tôi biết là người An Nam các ông rất quý trọng tiếng mẹ đẻ. Bài đáp từ của ông nhà thơ này không có gì là lạ và đáng trách cả! Ông cứ yên tâm.

Ngày ngày hôm sau, hầu hết các báo ở Sài Gòn đều đưa tin ca ngợi không chỉ đối với giải nhất của Nguyễn Bình mà còn ngợi ca cả hành động kiên cường bảo vệ tiếng mẹ đẻ của anh...

ĐỖ ĐÌNH THỌ

Thơ tiên

Năm ấy Nguyễn Bình mới khoảng 13,14 tuổi. Tuy người thấp, nhỏ nhưng thơ thì đã nổi tiếng khắp vùng. Có những anh trai làng ít chữ, song lại muốn “*ra về ta đây con nhà thơ phú*”, mượn dăm ba câu để tán tỉnh các cô gái quê, nên tìm đến nhờ vả “*cậu*” Bình nghĩ cho một bức “*tình thư*”.

“*Cậu*” Bình không từ chối một ai cả vì cậu nghĩ rằng mình thay ông tơ bà nguyệt chấp mỗi duyên lành cho đôi lứa cũng là một cách làm phúc, không kém gì xây chín bậc phù đồ. Chơi chơi vậy mà có một đám nhà gái nọ được một gia đình giàu có xú khác đến dạm hỏi trong lúc con gái họ lại yêu một anh trai làng nghèo hơn, mới tìm đến xin “*cậu*” cầu “*tiên*” cho một quả thơ. “*Cậu*” sai bày cỗ hương hoa, có cả đồng tiền bát gạo để cậu khấn các đấng thần linh xin giáng bút. Và một bài “*thơ tiên*” được cậu đọc cho gia đình nhà gái nọ nghe như sau:

Nay tiên góp ý cho nàng

Việc trăm năm chọn anh chàng nào đây?

Em ơi!

Của dẫu nhiều nhưng vẫn chẳng nên

Phù vân, giả dối, chẳng lâu bền.

Tình em đâu phải trao thiên hạ

Dành để trai làng mới đẹp duyên!

“*Tiên*” đã phản truyền vậy thì còn ai dám cãi lời. Thế là nhờ bài thơ “*câu*” Bình mà chị nọ được nên duyên cầm sắt.

Lần khác có một bà cụ già, không muốn để các con phải nuôi, mới ra mở một hàng nước. Nhưng hàng họ ế ẩm khiến cụ chán ngán muốn bỏ nghề, mới đến xin “*câu*” Bình cầu “*tiên*” cho một quẻ thơ. “*Câu*” cầu được ngay một bài, khiến con cháu cụ từ đó không dám để cụ phải bôn tẩu vất vả nữa. Thơ rằng:

Cửa hàng được mấy đồng tiền

Thôi thì chợ búa chùa chiền cho vui.

Năm nay bảy chục tuổi rồi

Các con gom góp mà nuôi mẹ hiền!

Song thú vị nhất là một bài “*thơ tiên*” của “*câu*” Bình đã giác ngộ được một anh đạo chích đang không biết có nên tiếp tục làm nghề đào tường khoét vách nữa hay bỏ nghề:

Từ nay anh chớ có đi đêm

Dù thấy đi đêm được lắm tiền

Nhưng có phen rồi mang lấy vạ

Ở tù khổ vợ, khổ con thêm!

Những bài “*thơ tiên*” của một cậu bé 13,14 tuổi tuy còn non nớt nhưng đã là dấu hiệu báo trước một tài năng thi ca trắc việt. Tài năng đó

chính là Nguyễn Bình, tác giả của *Lỡ bước sang ngang, Mây Tần, Mười hai bến nước* rất nổi tiếng sau này.

(Ghi theo lời kể của cô THANH HẰNG,
cháu ruột nhà thơ Nguyễn Bình)

Đề thơ “nhà văn mê ly”

Vào những năm 1940, hoạ sĩ Hoàng Lập Ngôn (nhiều người đùa là ông hoàng “*Lập dị*”), nổi máu giảng hồ, đóng một cỗ xe ngựa như một cái nhà di động. Ông dùng để đi khắp Bắc Trung Nam, sang cả Lào và Cao Miên trên chiếc xe đó. Đến đâu kiếm ăn bằng nghề vẽ đến đấy. Ký hiệu của ông là chiếc bánh xe lăn, và ông đặt tên chiếc xe ngựa là “*Nhà lăn Mê ly*”^(*).

Sáng hôm 8-2-1942, “Nhà lăn Mê ly” xuất phát từ đền Bà Kiệu Hà Nội. Ra tiền có nhiều bạn bè, nhà văn, nhà báo: Lê Tràng Kiều, Trương Tửu, Nguyễn Bình...

^(*) Vợ Hoàng Lập Ngôn là người Tàu có một con gái rất xinh đặt tên là Mê Ly.

Nhiều người có tặng phẩm cho chủ nhân như tập giấy, một hộp mầu, cây bút vẽ, có người tặng một chai nước mắm, một gói ruốc khô (chà bông). Nguyễn Bình bèn bảo Hoàng Lập Ngôn đưa cho hộp mực mầu và bút vẽ, rồi viết lên thành xe bốn câu thơ tặng:

*Đây chiếc “xe lăn” của bốn trời,
Trăng vàng chan chứa, gió mê tôi,
Hôm nay xe lại lên đường nhĩ
Thoả máu giang hồ, mặc sức chơi”*

Bốn câu trình bày như đôi câu đối trang trí trong xe.

Lên Tràng Kiều nhận xét:

- Mấy chữ “trăng, gió, máu, chơi” được tô đậm, tác giả có ngụ ý gì đấy?

Hoàng Lập Ngôn cười:

- Nó xỏ tôi “Máu trắng gió” chứ gì...

Sau này, Hoàng Lập Ngôn kể lại với hoạ sĩ Nguyệt Hồ là đã ngâm nga suốt dọc đường trường chinh bốn câu thơ này rất thú vị.

NGUYỆT HỒ *kể*

Thiên hạ đem thơ độ với tiền!

Cuối 1944 đầu 1945 tờ *Dân báo* ở Sài Gòn chuẩn bị ra số xuân Ất Dậu. Chủ bút Tế Xuyên thấy trong số báo năm nay cần phải có một bài thơ của một nhà thơ tên tuổi như Nguyễn Bình thì bán mới chạy. Ông ta bèn mời Nguyễn Bình đến để đặt hàng và đặt cọc trước. Bình thừa biết dụng ý của Tế Xuyên trong cuộc mặc cả ấy. Tế Xuyên tỏ ra cò kè chứ không chịu phóng tay. Nguyễn Bình dứt khoát nói với Tế Xuyên: *"Mỗi trang thơ là hai đồng bạc thì viết sao được! Nếu ông chấp thuận mỗi câu thơ của tôi là hai đồng thì tôi sẽ viết xong sớm"*.

Một đồng bạc năm đó giá trị lớn lắm. Theo giá thị trường thì một xu một ly cà phê, ba xu một tô phở, ăn cơm tháng loại sang cũng chỉ hết mười đồng, ấy thế mà Nguyễn Bình đòi hai đồng một câu thơ, nếu cả bài dài 20 câu thì thật là gay! Tế Xuyên mạnh dạn trả một đồng một câu. Tính nhẩm Bình thấy giá ấy cũng tạm nhận được, vì thực ra đã cao hơn ngày thường gấp bốn năm lần rồi.

Tối ngày hẹn, Nguyễn Bình đem đến cho toà *Dân báo* một bài thơ nhan đề *Sao Chẳng về đây?* làm tại sớm Dừa (Thanh Đa). Bài thơ gồm mười khổ theo thể thất ngôn. Mỗi khổ bốn câu, tổng cộng là 40 câu. Đọc xong bài thơ, Tế Xuyên vừa lo vừa

mừng. Bài thơ hay thật, nhưng phải trả giá 40 đồng thì quá cao. Ông ta đọc đi đọc lại, cố tìm ra những nhược điểm để dèm pha, xuống giá... và cuối cùng ông phát hiện rằng ở khổ thứ hai có hai câu gờn gợn, hình như Bình viết để chửi ông:

*... Ở mãi kinh kỳ với bút nghiên
Đêm đêm quán trọ thức thi đèn
Làm thơ đem bán cho thiên hạ
Thiên hạ đem thơ độ với tiền!*

Ông ta gạch chân câu 3 và câu 4, yêu cầu Nguyễn Bình sửa lại, vì năm mới mà đăng hai câu ấy toà báo sẽ bị “giông”. Thấy Bình cứ bần khoản, tần ngần, không chịu nhận sửa, Tế Xuyên bèn trả giá thêm bốn đồng cho bốn câu đó nếu sửa tốt. Vị chi toàn bài là 44 đồng. Dẫn do mãi Nguyễn Bình đành chấp nhận, anh rút bút ra sửa luôn câu 3 và câu 4 như sau:

*Xót xa một buổi xoè năm ngón
Thấy chết lòng tay vệt trái tim.*

Tế Xuyên đọc xong thấy rất ngại 3 câu: Câu này vẫn còn ngụ ý chửi mình về cái chuyện mặc cả từng đồng. Lại câu 4 nữa! Đọc thơ năm mới mà như thế thì sái, thiên hạ sẽ không mua báo, ông ta bèn yêu cầu Bình sửa tiếp.

Bình hỏi: “Nếu sửa vừa ý thì ông sẽ trả tôi bao nhiêu?” Tế Xuyên đáp: “Nếu hoàn chỉnh tôi xin trả ông mỗi câu hai đồng như ông đã thỉnh cầu ban

đầu”. Bình nhận lời sửa. Suy nghĩ hồi lâu anh đặt bút viết lại câu đó như sau:

*Xót xa một buổi soi gương cũ
Thấy lệch bao nhiêu mặt chữ điền.*

Cái hay của bài thơ *Sao chẳng về đây?* của Nguyễn Bình không dừng ở những lời hay ý đẹp, mà còn là tâm trạng xã hội mà Nguyễn Bình nêu lên được, và sẽ thu hút sự chú ý của người đọc đối với một nhà thơ tên tuổi giữa cảnh giao thời về sống một túp nhà tranh và những người bạn sống đầy tình người ở ngoại ô Sài Gòn.

Nguyễn Bình luyến tiếc thời gian qua, sao không sớm về miềm quê này để tâm hồn được thanh thản mà cứ lao mãi vào nơi gió bụi chốn kinh thành:

*... Sao chẳng về đây nở lạc loài
Giữa nơi thành thị gió mưa phai
Chết dần từng nấc rồi mai mốt
Chết cả mùa xuân, chết cả đời!
Xuân đã sang rồi, em có hay?
Tình xuân chan chứa, ý xuân đầy
Kinh kỳ bụi quá, xuân không đến
Sao chẳng về đây, chẳng ở đây?”*

Tế Xuyên hiểu điều đó nếu đã hạ bút ký trả 80 đồng một bài thơ cho Nguyễn Bình, giá trị bằng tiền lương một tháng của một viên tri huyện lúc bấy giờ.

ĐỖ ĐÌNH THỌ

Giá cái đầu nhà thơ!

Hồi đầu cuộc kháng chiến chống Pháp, Nguyễn Văn Thỉnh, thủ tướng chính phủ bù nhìn “*Nam Kỳ tự trị*” có treo một cái giải:

- Ai đưa được nhà thơ Nguyễn Bình “*dinh tê*” (vào thành) theo chính phủ (bù nhìn) sẽ được thưởng 1.000 đồng Đông Dương! Nếu nhà thơ tự vào thành cũng được hưởng như thế.

Về mặt nào đó, kể cũng phải công nhận lão thủ tướng bù nhìn này biết giá trị cái đầu của nhà thơ Nguyễn Bình! 1.000 đồng Đông Dương hồi ấy to lắm, là cả một cơ nghiệp.

Nhiều thi sĩ là bạn Nguyễn Bình viết thư “*thuyết khách*” mời Bình vào. Nhiều người cũng tưởng Nguyễn Bình vào thành với địch rồi. Vì lúc đó, nhà thi sĩ của chúng ta đang túng thiếu lang thang phải ăn nhờ nhà một ông bạn ở Rạch Giá, và tối tối phải chui vào cái nóp (bao cối) ra ngủ ở ngoài đình cho khỏi muỗi^(*).

^(*) Hai vợ chồng chủ nhà rất mê thơ Nguyễn Bình, nhất là bà vợ trẻ lại hơi thái quá! Để tránh sự hiểu lầm ghen tuông của bạn, tối tối ông ra ngủ ngoài đình làng. (theo họa sĩ Tạ Ty).

Ấy vậy mà hồi đó, trong một bài thơ của mình, Nguyễn Bình đã viết hai câu khẳng định:

... *"Minh không bỏ Sở sang Tề,
Minh không là kẻ lỗi thể, thì thôi".*

Nhiều cụ già trong Nam-hồi đó biết chuyện gọi Nguyễn Bình là có chí khí của một sĩ phu yêu nước.

Thi dịch thơ

Hôm ấy ở Toà soạn báo *Tiểu thuyết thứ Năm* mọi người đang bàn chuyện dịch thơ chữ Hán. Cao húng, Nguyễn Bình nói:

- Hôm nay có nhiều nhà thơ, nhà dịch, nhà lý luận... các nhà Hán học uyên thâm cả, ta chơi thi dịch thơ nào? Bây giờ ngài chủ bút chọn bài chữ Hán nào đó, tùy ý coi như đặt bài. Chúng ta cùng dịch, ai xong trước, dịch hay là thắng cuộc. Giải thưởng xin đề nghị ngài chủ bút chi tiền nhuận bút ngay mà thôi.

Mọi người tán thành. Chủ bút Lê Tràng Kiều bèn đọc một bài thơ Đường:

*Hoàng mai thời thiết gia gia vũ
Phương thảo tri đường cử cử oa.*

*Hữu ước bất lai hoa dạ bán
Nhàn xao kỳ tử lạc đặng hoa.*

Ai nầy cầm bút, gạch gạch xoá xoá, Nguyễn Bình không cầm bút nháp gì cả, một lúc đọc luôn:

*“Ao hồ tiếng ếch gần xa,
Cỏ thơm ngào ngạt, ngoài nhà mưa rơi.
Nửa đêm cái hện sai rồi,
Quân cờ gỗ nhằm làm rơi hoa đèn”*

Ai cũng công nhận hai câu kết thật là sáng tạo, “mô đéc”. Lê Trảng Kiều lại đọc một bài *Tình sử*:

*Nhất áp xuân giao vạn lý tình,
Đoạn trường phượng thảo, đoạn trường oanh.
Nguyên tương song lệ để vì vũ,
Minh nhật lưu quân bất xuất thành.*

Một lúc sau, Nguyễn Bình lại dịch xong trước tiên:

*“Một chén tiễn đưa tình vạn lý
Oanh buồn rầu rĩ, có buồn phai.
Mong đem lệ tưới thành mưa lớn,
Ngăn bước đường anh buổi sớm mai”*

Lê Trảng Kiều “nháy nháy mắt với Nguyệt Hồ”, cười khà khà: |

- Thôi bây giờ đọc một bài ngũ ngôn, dễ hơn cho các dịch giả nhé:

*“Đạm đạm trường giang thủy
Giao du tổng khách tình.
Lạc hoa tương dữ hận*

Đào địa nhất vô thanh"

Lần này họa sĩ Nguyệt Hồ lên tiếng đầu tiên:

Trường Giang nước chảy dẫu dẫu,

Tiền đưa một chén, dạ sâu đôi nơi.

Nhìn theo hoa rụng rơi rồi,

Hoa kia cũng hận cho người biệt ly

Nguyễn Bình khen:

- Họa sĩ nhanh nhẹn. Song còn câu cuối bỏ không dịch ư? Bài của tôi dịch thế này:

"Nước Trường Giang êm trôi,

Tiền khách lòng bồi hồi.

Hoa buồn rơi thật nhẹ,

Hoa cũng hận cho người"

Chủ bút cười: - Được, được, khá cả. Chấp nhận cả hai bài. Sau đây mình đọc một bài thơ cổ sử đã dịch rồi, các vị dịch lại xem sao?

Nga nga lưỡng nga nga

Ngưỡng diện hướng thiên nha.

Bạch mao phô lục thủy

Hồng trạo bãi thanh ba

Bài này Nguyệt Hồ lại dịch xong trước:

"Hai con nga lội giữa dòng,

Nghiêng nghiêng đôi mỏ ngừng trông chân gò.

Bốn bênh mặt sóng chơi vơi,

Mỏ vàng, chân đỏ, lông phơi trắng ngân"^(*)

^(*) Sau Lê Trảng Kiều tiết lộ, sợ Bình giạt hết giải, ông đọc hai bài sau mà ông biết Nguyệt Hồ đã dịch từ trước, cốt chơi khăm Nguyễn Bình.

Mọi người vỗ tay khen hoạ sĩ. Nguyễn Bình ngạc nhiên, vò đầu bứt tai, bực bội nói: - Được rồi, bây giờ đọc câu nào, mình xào luôn câu ấy!

Lê Tràng Kiều cười, vừa ề à đọc một câu:

... "*Cách hoa, nhân viễn, thiên nhai cận*"^(*)

Chưa kịp đọc cả bài, Nguyễn Bình đã dịch luôn:

"*Anh nhìn qua cụm hoàng hoa*

Chân trời gần gũi, em xa dặm nghìn..."

Mọi người phá lên cười, nhưng đều chịu là dịch nhanh và hay. Chủ bút sợ giả nhuận bút quá nhiều, nên cuộc thi dịch thơ tạm dừng ở đây.

(Theo báo *Tiểu thuyết thứ Năm*)

Thơ gửi Trần Huyền Trân

Thâm Tâm, Nguyễn Bình, Trần Huyền Trân là những người bạn tâm giao, cùng ý hướng, quây tụ quanh tờ *Tiểu thuyết thứ Năm* (trước 1945). Cả ba đều theo cách mạng từ những ngày đầu. Bài thơ này là của Nguyễn Bình gửi Trần Huyền Trân

^(*) Cách nhau có một lưỡng hoa mà sao cảm thấy em xa xôi thế. chân trời còn gần hơn.

năm 1963. Bút tích hiện nữ nghệ sĩ Hạc Đính - vợ nhà thơ Trần Huyền Trân, còn giữ. Xin trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc toàn văn bài thơ này, do M.M sưu tầm:

*Nhớ xưa hồi còn trẻ
Thâm Tâm, Trân với mình
Không Đào Viên kết nghĩa
Nhưng cũng thành tam anh
Tiếng tăm thật là nổi
Nhưng cũng thật là nghèo
Gác Sơn⁽¹⁾ nằm nhìn đôi
Cùng đọc thư người yêu
Hề có tiền trong túi
Đời lại làm ông hoàng
Đập vỡ quán Lã Vọng
Đốt cháy lầu Mộng Hoàn
Những lúc trốn hè phố
Trở về đầm Liên Hoa
Gió buốt chân Kỳ, Kỳ⁽²⁾
Mưa run lều mẹ già
Rồi mùa thu khởi nghĩa
Rồi Cách mạng vùng lên
Rồi chín năm kháng chiến*

⁽¹⁾ Gác Sơn: Ngõ Sơn Nam, Khâm Thiên.

⁽²⁾ Kỳ Kỳ: ngựa Kỳ, ngựa Kỳ.

Rồi một trận Điện Biên...
 Rồi hoà bình lập lại
 Tóc chúng mình còn xanh
 Tưởng đời ta sẽ được
 Đẹp như người trong tranh.
 Tất cả là ánh sáng
 Tất cả là hoa hồng
 Cuộc đời cứ tiếp diễn
 Không có màn cuối cùng.
 Những cái oan Thị Kính
 Những cái đại Xuý Vân
 Chỉ còn trên sân khấu
 Mỗi khi chèo mở màn.
 Ta vẫn là nghệ sĩ
 Ta vẫn là nhà thơ
 Nghệ thuật vẫn chung thuỷ
 Không chết yếu bao giờ
 Sớm nay buổi đầu xuân
 Gặp nhau bờ sông Vị
 Đời chúng mình đẹp nhĩ
 Tiếc không còn Thâm Tâm!

Xướng hoạ

Ông Seng Ly, tên thật là Xương Lợi do Nguyễn Bình đùa đặt là Seng Ly cho có vẻ tâu, vì ông này có dáng giống chú khách. Nhà ông ở xã Mỹ Tân ngoại thành Nam Định. Ông Seng Ly rất thích thơ Nguyễn Bình và hay xướng hoạ, tuy thơ ông chưa hay.

Hàng tuần, Nguyễn Bình thường cùng các bạn ra nhà ông Ly chơi. Nhà ông rất mát, vườn rộng và nhất là lần nào ông Ly cũng làm món đánh chén. Lần này, Nguyễn Bình và Nguyệt Hồ ra chơi, nhà chẳng còn gì chén. Ông Ly cùng hai nghệ sĩ ta đi lục chạn bát, gầm giường, xem còn gì ăn tạm. May sao, ở cái bị treo lủng lẳng dưới bếp, còn mấy củ khoai tây và ổ gà để có dăm quả trứng. Thế là ba vị, kẻ gọt khoai, người nhóm bếp, làm một tiệc cò con...

Rượu ngà ngà, ông Ly lại bắt Bình làm thơ đề mình hoạ. Nể lời Bình nói:

- Thôi được:

Ăn khoai thì lấy vắn khoai

Seng Ly ta gọi Seng lai cho “vắn” nhé!

Và Bình đọc thơ luôn:

Có dăm quả trứng nửa cân khoai

Đánh chén cò con, gỡ miệng ngài.

Bạn đến chơi nhà trơ củ lẳng

Thú gì thơ thân, hử ông Lai?

Nghĩ một lúc ông Seng Ly hoạ lại:

Những năm hào trứng, bấy hào khoai,

Ít đủ, nhiều no, hỡi các ngài?

Tri kỷ tri âm thơ xướng hoạ,

Giấu sang chữ nghĩa, thử vài lai?

Nguyễn Bình cười:

- A, giọng thơ thách thức nhau lắm nhỉ? Đã vậy, nghe tôi đọc đây. Và Bình đọc luôn một thôi ba bài, nhằm dùng hết chữ vần cho khó hoạ:

Nghe thơ chủ trại bử hơn khoai,

Có khổ tai không, hử các ngài?

Mà dám ti toe đòi xướng hoạ,

Ngôn từ lủng củng... lải lải lai...

Những bao tiền trứng, mấy tiền khoai

Có đắt hay không hỡi các ngài?

Cái lão Seng Ly cay nghiệt quá,

Đồng cân chẳng bớt một vài lai.

Ra về chóc nửa nắng xiên khoai,

Mặt ủ, mày chau, xạm nét ngài,

Râu tóc bù xù trông góm chết

Phen này lại phải đến Xuân Lai (hiệu cắt tóc)

Bình cười giục:

- Nào hoạ đi chứ, ông chủ?

Quả là ông chủ bí thật. Nguyệt Hồ bèn hoạ đỡ bạn:

*Lâu nay cơm, nước độn toàn khoai,
Lại kém đồ ăn... ngái ngái ngái...
Không khéo dạ dày queo quắt lại,
Mà thân hình cũng oặt xà lai (gầy còm)*

Bính cười:

- Khá lắm, còn “phông” không?

Nguyệt Hồ lại đọc:

*Đây không cần trứng, chẳng cần khoai,
Xương hoạ thơ chơi với các ngài.
Nếu bí thì đây lên Thượng Lôi
Vui trò gà chọi với ông Lai”.*

Nghe đâu ba người còn lại rai đến chiều và còn hoạ vắn đến chục bài nữa, nhưng sau say tít, cũng nhàm.

Làm thơ được mua xe đạp cung cấp

Hồi kháng chiến chống Mỹ, Ty Văn hoá Nam Hà sơ tán về xã Nhân Nghĩa, cách thành phố gần 20 cây số. Nguyễn Bình lúc ấy công tác ở Ty Văn hoá nên cũng đi theo, nhưng gia đình vợ con vẫn

phải bám sát vòng đai ngoại thành đông dân số tán đễ buôn bán kiếm ăn, ở xã Nhân Hậu. Việc đi lại rất vất vả, Nguyễn Bình thường nói với anh em mong ước có cái xe đạp để đi. Nhưng cũng đã nhiều đợt cơ quan được phân phối xe đạp giá rẻ mà nhà thơ chưa được mua.

Một chiều, Nguyễn Bình cùng một số anh em phòng sáng tác ngồi chơi mát bên bờ sông Châu, có cả hai thủ trưởng Ty Văn hoá cũng ngồi đó cả. Một ông bạn đố Bình:

- Ngày xưa Tào Thục bảy bước thành thơ, nay để bảy phút anh có thể làm xong một bài thơ không? Đâu bài là "*Chồng ở Nhân Nghĩa, vợ Nhân Hậu*".

Bình nói:

- Có hai thủ trưởng và anh em đây, tôi xin đọc luôn thơ chứ cần gì đến bảy phút.

Rồi Bình đọc:

*Chồng thì Nhân Nghĩa, vợ Nhân Hậu
Mười lăm cây số, đường độc đạo!
Không tiền, trời nắng lại không xe,
Khổ muốn kêu trời, trời có thấu?*

Khi đọc đến câu cuối, Bình gật gật về phía hai thủ trưởng, như nói với "*hai ông Trời*": "*Khổ muốn kêu trời, trời có thấu*"?

Anh bạn đố Bình, nói:

- Câu đầu chơi chữ thật hay, đổi một chữ “thì” như lời tự bạch: “*Vợ chồng tôi nhân nghĩa nhân hậu lắm, nên nghèo, không tiền, không xe...*” Nhưng tôi nghĩ đã “đạo” lại còn “đường” (đường độc đạo) sợ có thừa chữ không?

Bính hỏi:

- Ông bạn ơi, chúng ta đang ngồi ở sông nào đây?

- Sông Châu Giang.

- À, sông Châu Giang cũng như sông Hồng Hà, thì cũng như “đường độc đạo”, chẳng lẽ gọi là “đường độc” ư?

Mọi người đều cười, và hai thủ trưởng cơ quan cũng nháy mắt nhau, xem chừng đã “thấu”. Mấy hôm sau, Nguyễn Bình được cấp phiếu mua xe đạp giá rẻ.

Thế mới biết khi thơ gắn liền với đời sống, cũng có tác dụng thiết thực đấy chứ.

KIM NGỌC DIỆU

Nhà thơ trúng... xổ số

Năm 1965, nhà thơ Nguyễn Bình sống ở thị xã Nam Định. Vào những ngày chủ nhật, ông thường xuyên có mặt ở hiệu sách. Cô bán sách vốn quen với Nguyễn Bình, mỗi lần gặp ông đều giới thiệu với ông những cuốn sách mới xuất bản. Sách quý ông mượn xem qua, dư tiền thì mua, cạn tiền thì đến thư viện tìm đọc.

Một lần, cô bán sách thông báo với Nguyễn Bình:

- Thưa bác, đợt này chỉ có cuốn *Thơ Đường* mới xuất bản, ngoài ra còn toàn sách khoa học. Những cuốn như: *Chế biến thức ăn gia súc*, *Nuôi con khỏe dạy con ngoan*, *Làm phân xanh*,... có nhiều, chúng cháu phải bán nguyên giá kèm với một vé xổ số mà vẫn chưa hết. Lần sau, mời bác đến đây, có sách hay, cháu để phần cho bác.

Nguyễn Bình nấn ná ở hiệu sách hồi lâu. Cuốn *Thơ Đường*, ông đã được bạn bè tặng, còn các cuốn khác hiệu sách bán từ dạo trước của Huygô, Rơmac, Xtăngđan, Sếchxpia... ông đã đọc rồi. Thoáng nhìn cuốn *Nuôi con khỏe, dạy con ngoan*, ông chợt nghĩ đến vợ mình và muốn mua một cuốn làm quà tặng. Cô bán sách đưa cuốn sách mỏng cho nhà thơ, mỉm cười: "*Bác nhớ cho là trong đó có kèm một vé xổ số. Ngày mai mở thưởng, bác ạ*".

Ai ngờ, bằng một vé xổ số ấy, Nguyễn Bình đã... trúng thưởng. Mà ông trúng giải nhất, được hăn một chiếc xe đạp Thống Nhất mới toanh. Đó quả là một tin vui cho anh em bè bạn và nhất là cho gia đình. Nhà thơ Nguyễn Bình đã từng được giải cao về văn chương nhờ ở tài năng, nhưng với xổ số, ông chỉ mua một lần đã trúng thưởng nhờ... may mắn.

NGUYỄN ĐỨC MẬU

Bức thư biết bằng thơ của Nguyễn Bình

Cách đây 34 năm, nhà thơ Nguyễn Bình về sống ở Nam Định nhưng tình cảm vẫn gắn bó với làng Thiện Vịnh và những người thân của ông. Bài thơ này tìm được trong di cảo của nhà thơ mà bạn bè còn lưu giữ. Tết Quý Dậu, tạp chí Văn nhân đã giới thiệu bài thơ *Thư gửi chú Tùng* (Bích Thủy sưu tầm) để bạn đọc hiểu thêm một nét về nhà thơ trong đời thường:

Được thư chú gửi về rồi

Biết cô đã khỏi chúng tôi thật mừng

Phải nên bồi dưỡng cho thường
 Người chưa khoẻ hẳn cũng đừng xông pha
 Cái cầu của miệng người ta
 Nhân cường tật nhược quả là câu hay
 Nhà tôi từ nọ đến nay
 Cũng lâm trận ốm mặt gầy da xanh
 Ho nhiều ngủ chẳng trọn canh
 Bữa ăn lưng vức thân hình mệt mê
 Minh tôi quân pháp quân xe
 Hết đi chạy thuốc lại về lo cơm
 Hiện nay bệnh đã lui cơn
 Nhưng người còn mệt vẫn còn nghỉ đan
 Vẫn còn tiếp tục thuốc thang
 Phải bồi dưỡng một thời gian mới hồi
 Cho nên công việc của tôi
 Định về Thiện Vịnh đành lời chương trình
 Xếp cho ổn định gia đình
 Tháng ba mưa thuận, gió lành sẽ hay
 Yêu hoa vốn tính xưa nay
 Chuyện hoa chủ dẫn lòng này dám quên
 Khi về ví tiền đôi bên
 Sẽ mời cụ Đức bạn hiền về chơi
 Việc đồng khi tạm yên rồi
 Chú nên tranh thủ ra chơi ngoài này
 Chẳng hai ngày cũng một ngày
 Tác gang nào phải nước mây nghìn trùng

Đường xa đâu tại núi sông
Xa gần âu cũng tự lòng người ta
Côi Sơn, sông Vị một nhà
Sao Côi Sơn ngại không ra Vị Hoàng?
(Nhà tôi thường vẫn phàn nàn
Ngày xưa chú có ra Nam mấy lần
Hay là bận chuyện làm ăn
Cớ sao chú chẳng rời chân ghé nhà?)
Đã gần chỉ có điều xa
Ra chơi tiện thể lấy hoa về giồng
Cụ Đức cũng có lòng mong
Thấy hoa lại nhắc chú Tùng làng Tiên
Mới hay lão tuế trung niên
Gặp nhau thật đã nên duyên bạn bè.
Phúc thư một lá gửi về
Kính thăm cố, cụ mọi bề thành thời
Thím cô, các cháu vui tươi
Việc trong hoàn hảo việc ngoài hanh thông
Và đây xin chúc chú Tùng
Tin mừng ắt báo điềm hừng chẳng sai
Đôi câu giấy vẫn tình dài
Lấy thơ mượn bút thay lời trước sau...

NAM ĐỊNH 1960

Về một người vợ miền Nam^(*)

Năm ấy có thêm một tập thơ viết về đề tài đấu tranh thống nhất: tập *Gửi người vợ miền Nam* của thi sĩ Nguyễn Bình.

Lại bắt gặp cái giọng thơ quen thuộc không lẫn vào đâu được, cái giọng điệu quê hương, dân tộc - một thứ tổ khúc đồng nội (symphonie pastorale) không dễ gì bắt chước nổi.

Người vợ miền Nam, người bạn đời của nhà thơ này là ai, tôi vẫn ao ước có ngày tìm ra. May sao, tôi đã có dịp lần ra dấu vết tuy không hẳn là chính xác.

Non mười năm, sau ngày thống nhất đất nước, tôi có cái may mắn được về dự lễ kỷ niệm ba năm thành lập Nhà xuất bản Cửu Long. Ra đón chúng tôi từ thành phố xuống là một cô gái trẻ, mới thoảng nhìn tôi đã ngỡ ngợ ngay. Đồng chí phó giám đốc nhà xuất bản giới thiệu:

- Đây là đồng chí Hồng Cầu, trưởng ban biên tập nhà xuất bản.

^(*) Nhà thơ Nguyễn Bình còn có một cô con gái nữa tên là Hương Mai (hiện đang dạy học ở Bến Tre). Trong bài thơ "Gửi người vợ Miền Nam", anh có nhắc đến tên cô con gái này).

Một phó giám đốc nói thêm:

- Đồng chí Hồng Cầu là con gái lớn nhà thơ Nguyễn Bình.

A, đây rồi! Trách gì! Cái miệng luôn có một nụ cười rộng trên môi giống hệt như nhà thơ mà hầu như không có một bài thơ nào của anh tôi lại không thuộc. Đã có lần tôi ngỏ cho anh biết cái tham vọng của tôi: - “Chừng nào tôi có thì giờ thì anh giúp tôi làm một cái luận án về thơ anh nhé!” Nguyễn Bình cười rất rộng:

- Ông lại cũng mắc cái “mộng trạng nguyên” như tôi rồi!

Hồng Cầu, Nguyễn Bình Hồng Cầu, chính là con gái của nhà thơ Nguyễn Bình với một người vợ miền Nam đã góp cho tôi chút ít tư liệu.

Chắc Hồng Cầu về báo với mẹ, nên hôm sau chúng tôi được chị Hồng Châu mời đến nhà chơi. Lại một lần ngạc nhiên nữa. Tưởng ai hoá ra tôi đã có dịp gặp chị trên một chuyến xe khi chị ra Bắc thăm gia đình nhà thơ Nguyễn Bình. Lần đó, xe quá chật nên chị bị xô đẩy dữ đến nỗi làm rớt cả hộp ly chị mua ra làm quà. Hộp ly vỡ tan tành. Lúc đó, tôi nghe giọng miền Nam của chị mà lòng cứ ân hận hoài về chuyến xe cộ ở “xứ ta”, chuyện tuy nhỏ nhưng có thể gây một ấn tượng không vui cho một bà con trong Nam mới ra Bắc lần đầu.

Nhà chị ở phía ngoài thị xã Vĩnh Long chừng vài ba cây số chi đó. Từ lộ 4 đi Cần Thơ rẽ vào khoảng vài trăm thước, trước mặt là một con đường rải đá, ngôi nhà nằm trong một xóm ngoại ô, diện tích không lớn song cũng có một chút vườn phía trước. Phía sau có chuồng heo mà Hồng Cầu phải lo nuôi để có thêm chút bù đắp cho kinh tế eo hẹp của gia đình. Chị Hồng Châu ở với con gái và cháu ngoại tại đó.

Trong khi trò chuyện, chị Hồng Châu có kể cho chúng tôi nghe một số kỷ niệm về anh Bình và đọc cho chúng tôi một số bài thơ của chị.

Tôi còn có dịp xuống Vĩnh Long vài lần nữa. Bởi lòng quý mến, cảm thông với nhà thơ *“hữu tài thương nỗi vô duyên lạ đời”* nên cách đó mấy năm tôi đã có dịp gặp một số anh em, bạn bè của nhà thơ để chuẩn bị tư liệu viết một cái gì đó. Một trong những người bạn chí cốt của nhà thơ là anh Trúc Sơn Hoàng Chu đã nhắc nhiều về chị. Rồi nhà viết kịch Trúc Đường, anh ruột nhà thơ, trong nhiều lần tâm sự giữa các chuyến đi sáng tác với nhau, cũng đã cung cấp cho tôi khá nhiều về cuộc đời anh Bình. Trong đó có chuyện “người vợ miền Nam” của anh (xin hiểu *“người vợ miền Nam”* như một danh từ chung). Xin tạm lược kể như sau:

Trong những ngày phiêu bạt vào Nam, nhà thơ tài hoa của chúng ta đã có lúc dừng gót giang hồ ghé

vào thăm một bà má miền Nam. Bà má có một cô con gái khá duyên dáng đã tốt nghiệp thành chung đang theo học tú tài. Lúc này, Nguyễn Bình đã nổi tiếng về thơ. Thơ anh được nhiều bà con trong Nam hâm mộ cho nên cũng không ít cô gái để mắt tới anh. Ghép lại nhà má, nhà thơ nghèo chỉ có choён cau, tấm trầu làm quà. Cũng như các bà má miền Nam nhân hậu bao dung khác, má của chị Hồng Châu rất mến chàng trai hiền lành, có dáng dấp “chân quê” xứ Bắc, hay chuyện mà chuyện lại có duyên. Cho nên khi nhà thơ ngỏ ý cầu hôn má ưng bụng và khuyên con gái nên gả nghĩa với anh.

Chị Hồng Châu trở thành bà Nguyễn Bình từ đó. Là người phụ nữ có học lại làm thơ, chị kết duyên “cầm sắt” với anh nhưng đồng thời đó lại cũng là duyên “cầm kỳ” giữa hai tâm hồn thơ nữa. Sau này chị trở thành cô giáo rồi cán bộ cách mạng, hoạt động trong suốt hai cuộc kháng chiến cho đến ngày được nghỉ vì yếu sức khoẻ. Hiện chị đang mắc một chứng bệnh khá hiểm nghèo, đã mất nhiều công chạy chữa mà vẫn chưa lành.

Nhắc đến chị, tôi lại nhớ đến mấy câu thơ mở đầu trong tập thơ *Gửi người vợ miền Nam* của anh Nguyễn Bình:

*Thư một bức nghìn lời tâm huyết
Đêm canh dài thức viết cho em*

Bồi hồi máu ứ trong tim

Chảy theo ngọn bút hiện lên thơ này

Đó là thư mà cũng là thơ, tình riêng mà ý chung.

Đó là chữ nghĩa mà cũng là *máu chảy lên đầu ngọn bút*, là tấm lòng, là nỗi nhớ niềm thương đối với vợ con nói riêng, với đồng bào Nam Bộ ruột thịt nói chung.

HOÀI VIỆT

Chọn tên cho con

(Trích hồi ký)

Vào một đêm trăng sáng. Tôi có mang được vài tháng. Chúng tôi đem ghế ra sân ngồi ngắm cảnh trăng. Con kinh xăng Chác - Băng Thái Bình, chảy ngang qua cửa nhà tôi, óng ánh như những làn sóng bạc nhấp nhô nhấp nhô. Sông nước hữu tình, trăng thanh gió mát, chúng tôi lại bàn về thơ, nói chuyện tào lao một lúc, bỗng anh Bính nói:

- Chẳng biết con của chúng ta sau này là trai hay gái, mà nó đập kinh thế, có hôm bố nó đang ngủ phải giật mình.

Tôi đùa:

- Thế mà em tưởng là anh nằm mơ bị Tây đánh mới giật mình! Vậy đặt tên nó là gì cho hợp?

Anh liền nghiêm nét mặt, có dáng suy nghĩ. Tôi cũng im lặng. Vì mỗi lần anh có vẻ trầm tư, thì tôi lại tôn trọng giây phút suy nghĩ đó của anh. Anh ngồi yên một hồi lâu mới khẽ khàng nói:

- Nếu sanh gái đầu lòng thì đặt tên là Anh Thơ nhé! Còn nếu là con trai thì ta lập thêm một dòng họ Nguyễn Bình Hồng...

Anh nói chưa dứt câu, tôi cảm thấy một nỗi niềm chua xót dâng trào trong tim tôi, tôi gắt:

- Tại sao con tôi mang nặng đẻ đau, mà anh lại lấy tên người khác đặt cho nó? Khi tôi lấy anh, tôi chấp nhận tất cả, tôi biết anh yêu nào cô Tuyên (em gái anh Nguyễn Đình Lạp mà Nguyễn Bình đặt tên là Tú Uyên), nào cô Oanh, cô Dung, cô Phùng... nhưng tôi chẳng hề ghen với cô nào cả. Thậm chí, đối với chị Anh Thơ, tôi cho rằng mỗi tình nghệ sĩ rất xứng đáng, thơ mộng! Câu chuyện tình dở dang ấy là điều đáng tiếc! Mặc dù tôi rất tôn trọng mỗi tình anh với chị Anh Thơ mà tôi cho là xứng đáng nhất, nên thơ nhất, nhưng tôi không chấp nhận lấy tên chị ấy mà đặt tên cho con tôi được! Đây là những lời tôi nói từ đáy tim mình, chứ không có hàm ý ghen tuông gì đâu! Chỉ xin anh hiểu cho rằng tôi làm mẹ, tôi có công mang nặng đẻ đau, thì tôi phải có quyền làm mẹ, không ai có thể phủ nhận được chân lý ấy!

Anh thấy tôi đã nổi nóng, và cũng tự thấy mình có cái sai, nên anh đầu dụ:

- Thôi, nếu sau này là con gái thì em muốn đặt tên gì thì đặt, còn con trai thì anh đặt cho nó là Nguyễn Bình Hồng Chân có được không?

- Sao lại là Hồng Chân? Tên gì y con gái vậy? Mẹ Hồng Châu con Hồng Chân thì ra cái quái gì?

- Hồng Chân là Chân lý màu hồng! Anh muốn lấy tên cha mẹ đặt cho con! Để mai sau con chúng ta lớn lên, mỗi lần nó định làm gì sai trái, nó nhớ đến tên cha mẹ, mà nó tự răn mình, không để ô nhục đến tên tuổi mẹ cha!

Nhưng kể từ đó về sau, anh đi đồn tiêu tùm lum rằng: “*vợ tôi rất ghen*”, mà đó cũng là một điều an ủi cho anh, vợ có yêu mình nên vợ mới ghen!

Mãi đến khi tôi sanh được một tháng, tôi mới qua Ủy ban kháng chiến hành chánh xã, ở cạnh nhà tôi mà khai sanh cho con. Tôi đang nói tên cha, mẹ và tên con cho ông hộ tịch ghi ba chữ: Nguyễn Hồng Cầu.

Thì anh Bình bỗng chạy ủa vào hỏi hấp tấp:

- Vợ tôi đặt tên con nhỏ gì đấy ông Báu? (tên ông hộ tịch)

- Chị đặt Nguyễn Hồng Cầu, vì mẹ là Nguyễn Hồng Châu, lấy tên mẹ đặt cho con, cái tên nghe hay đấy!

- Ấy... ấy... ông thêm một chữ Bình nữa vào tên cháu!

Ngẩn ngơ, ông đại diện chính quyền xã, ngồi xoay xoay mãi cây viết có ngòi sắt trong tay, trở mắt nhìn anh hỏi:

- Thêm Bình vào đâu? Không lẽ Nguyễn Hồng Cầu Bình? Hay Bình Nguyễn Hồng Cầu? Trời ơi! con gái mà tên gì kỳ cục, dài thòn, lại là Bình nữa! Trời ơi!...

Rồi ông ném bút, bò lăn ra cười. Mọi người có mặt nơi đó đều cười rộ lên. Nhưng anh Bình không cười, nét mặt lộ vẻ giận dữ, lấy tay chỉ vào khai sinh, nơi chỗ ghi tên họ con nhỏ, sau chữ Nguyễn và nói:

- Ông thêm vào chỗ này: Nguyễn Bình Hồng Cầu! Có cha có mẹ mới có con! Không phải một mình mẹ nó đẻ ra nó! Mai sau khôn lớn, nó nhớ đến tên cha mẹ đã đặt cho nó, mà nó ăn ở cho nên người, đừng để cho mẹ vì nó mà xấu hổ! Nó là con cả của tôi đấy!

Tôi nhắc:

- Hôm trước anh hứa, tôi sanh con gái thì để tôi đặt tên cho nó, còn con trai anh mới thành lập một dòng họ Nguyễn Bình! Nay nó là gái, tôi lấy tên tôi đặt cho nó là phải rồi.

Nhưng anh lại thét to:

- Không có tôi, một mình cô hồi trước không để đi? Chỉ thêm một chữ Bình vào, thì có chết ai nào? Con gái tôi là Nguyễn Bình Hồng Cầu.

Rồi anh nhìn xoáy vào mắt tôi, giọng gắt gỏng như cổ trút hết nỗi bực bội:

- Đây là đứa con đầu lòng của tôi, của người vợ đầu tiên danh chánh ngôn thuận, nên tôi mới lấy tên tôi mà đặt cho nó để kỷ niệm.

Nói xong, anh ngoe nguẩy bỏ đi! Tôi cũng bực vì chồng mắng một cách vô lý, nên cũng nói to:

- Ông làm ơn gạt bỏ chữ Hồng Cầu đi, để tên nó là Nguyễn Bình Trương Phi nghe cho đẹp hơn.

Ông hộ tịch buộc lòng phải cầm viết thêm vào một chữ Bình trong tờ khai sinh cho đứa con gái còn đỏ hỏn của tôi. Miệng lại lầu bầu:

- Phải như nông dân thì trai Văn, nữ Thị cho xong chuyện. Đằng này một cái tên con đặt nghe cũng rắc rối. Mẹ không cho để chữ thị, cha đặt tên con gái mà dài quá Tây. Cả đời tôi mới thấy lần thứ nhất, cái tên: Nguyễn Bình Hồng Cầu.

HỒNG CHÂU

Gửi áo cho con

Trong những ngày tập kết ra Bắc, nhà thơ Nguyễn Bình cũng mang tâm trạng “ngày Bắc đêm Nam” như những anh chị em miền Nam khác. Anh không quên được cảnh:

*“Đưa nhau qua cánh đồng Tân Phú
Em bế con thơ tới bến tàu”*

Mùa Xuân đến, anh thăm hỏi:

*“Chợ làng mẹ có đi phiên tết?
Vợ có may con tấm áo lành?”*

Và một ngày nọ, vào năm 1957, anh đi dạo phố qua cửa hàng bách hoá tổng hợp thấy bày bán quần áo trẻ con đủ kiểu, đủ màu, anh bỗng:

“Ngắm từng kiểu áo, nhớ con vô cùng”

Tuy cuộc sống còn khó khăn, đồng tiền riêng trong túi không dư giả gì, nhưng hình ảnh đứa con gái với đôi mắt đen tròn lay láy như đẩy anh bước vào cửa hàng. Anh đã đem số tiền ít ỏi còn lại mua một tấm áo xanh:

*“Ba ôm tấm áo xanh giữa ngực
Tưởng chừng nghe thỏn thức tim con
Bâng khuâng cặp mắt đen tròn,
Chắt chiu văng tiếng chim con gọi đàn”.*

Mua rồi anh mới nhớ ra chẳng biết tìm cách nào mà gửi được vào Nam cho con trong khi đất nước tạm bị chia cắt làm hai miền. Song anh vẫn mang tấm áo về nhà, treo lên mắc để ngày ngày nhìn lên như được nhìn thấy mặt con.

*“Áo không gửi được hôm nay
Thì ba giữ lấy mai ngày cho con”.*

Anh tin như thế.

Thời gian trôi qua, cảm thấy sức khoẻ sa sút, anh đã đem tấm áo gửi cho một người quen tên là Lạc (?) và nhờ người ấy sau này nếu có dịp gặp thì trao cho con anh tấm áo ấy.

Tiếc thay, chiếc áo thêu có hai hàng chữ viết bằng bút lông của chính nhà thơ đã bị thiêu rụi trong cơn hoả hoạn bất thần xảy đến với ngôi nhà ông Lạc.

Đất nước thống nhất. Nhiều gia đình được sum họp. Riêng chỉ có Hồng Cầu là không được nhìn lại mặt người cha thân yêu và không được mặc vào người chiếc áo đầy nghĩa tình cha con sâu sắc ấy.

HOÀI VIỆT

Tên cháu là Thiên

(trích “Cát bụi chân ai”)

Tuần báo *Trăm hoa* của Nguyễn Bình mới xuất bản. Nguyễn Bình tập kết ở miền Nam ra. Mấy năm sau ở trong ấy Nguyễn Bình thôi không công tác đâu nữa, nhưng vẫn ở vùng giải phóng Đồng Tháp Mười. Vui thú điền viên nơi kênh rạch và bạn bè qua lại giúp đỡ. Khi đất nước bị chia đôi, Nguyễn Bình được gọi đi tập kết, cũng như cán bộ được phân công ra miền Bắc. Nguyễn Bình về công tác nhà xuất bản Hội Nhà văn, cùng làm việc với tôi. Hơn mười năm mà như hôm nào cùng nhà thơ Việt Châu “Lông ngỗng gieo tình” đi ăn cháo cá chợ Cũ.

Khi đó, nhiều người còn ăn và ở cơ quan, phòng làm việc cũng là nơi ở. Tính nết Nguyễn Bình thì chẳng khác xưa. Đời là một cuộc chơi dài, mà thiên hạ phải cung phụng nhà thơ. Bọn mất trắng, hiểu thế không? Những trò ấy nhiều khê, tần phiến, xưa lắm. Tôi nghĩ thế. Làm biên tập báo, xuất bản như làm khoán, cốt được việc, chẳng cần giờ giấc bàn giấy. Mà cũng không hợp với Nguyễn Bình. Có mỗi việc giao cho Nguyễn Bình tự tuyển tập thơ *Nước giếng thơ* - tác giả làm lấy tập thơ mới có được cái tên sách không phải tên

một bài thơ nào trong tập - mà cũng trầy trọt mãi. Húng làm thơ thì vút hết công việc, thích đi chơi thì vay tiền. “cơ quan lúc nào chẳng có tiền. Vài ba đồng là bao”. Say khướt tối ngày, uống tợn hơn xưa nhiều. Nhà hát lớn có kỷ niệm Nguyễn Du. Nếu tối ấy không có ban tổ chức can thiệp, còn lôi thôi nhiều. Đã muộn, ở cuộc rượu nào vừa đứng lên, Nguyễn Bình ngồi xích lô đến.

Những người giữ cửa không cho vào. Thế là Nguyễn Bình làm toáng:

- Không phải giấy! Cúng giỗ Nguyễn Du mà Nguyễn Bình không vào được sao?

Người ta phải lập lại trật tự với người say rượu. Rồi Nguyễn Bình cũng vào được. Chắc cũng ngồi ngủ mà thôi.

Một lần Nguyễn Bình bảo tôi, giọng bình thường không hơi men:

- Mà phải kết nạp hội viên Trúc Đường chứ!

- Nói anh Trúc Đường làm đơn rồi hai thằng chúng mình giới thiệu anh, theo thủ tục.

Nguyễn Bình nổi cáu, hỏi lại: “*Trúc Đường mà phải làm đơn xin vào Hội Nhà văn à?*” Rồi vùng vằng bỏ đi. Tập thơ Cửa biển của Hoàng Cầm, Lê Đạt, Văn Cao, Trần Dần đã được Hoàng Cầm chọn xong và đưa in. Vẫn phải chòng vòng trèo chống hàng ngày với Nguyễn Bình những

chuyện tương tự trên, mà chưa được *Nước giếng thời*. Những cố nhân như Yến Lan và tôi bây giờ đã mất tính, không như các bạn Mai Lộc, Đoàn Giỏi ở miền Đông trong kia, trên ghe dò hay trong rừng, phải cho chính thằng mắt trắng ấy một trận rồi mới lại thương lại. Ít lâu sau, Nguyễn Bình cũng thôi, không công tác ở đây nữa.

Không biết ai đã giúp tiền cho Nguyễn Bình ra những số báo *Trăm Hoa* đầu tiên. Tôi vẫn đến chơi, hồi này có tiền được rủ đi đánh chén luôn. Cái cô mọi khi vẫn giới thiệu là người yêu thơ, là thư ký đánh máy, bây giờ đã là vợ. Nhà thuê cả tầng dưới rộng rãi, gần phố Hoà Mã treo bảng *Trăm Hoa* - máy chữ đánh rào rào, người ra vào toà báo nhộn nhịp.

Trên có sáng kiến lấy giấy và tiền nhà xuất bản giúp *Trăm Hoa*. Tôi được giao thuyết phục một báo tư nhân nhưng có tiếng nói chống những luận điệu ngang ngược của báo *Nhân Văn*. Công tác không khó khăn đối với tôi, nhưng đã thuộc tính lung tung của Nguyễn Bình, liên kéo cả anh Trúc Đường đến. Nguyễn Bình cảm kích được giúp đỡ. Trúc Đường đã có kinh nghiệm làm báo lâu năm, từ *Ích Hữu* đến *Đàn Bà* và rồi *Công Dân* ở đồng bằng sông Hồng trong kháng chiến. Chúng tôi bàn về *Trăm Hoa* lâu dài và cả từng số báo. Tôi “mua hộ” giấy in, xe đến.

Tờ *Trăm Hoa* rõ ra một vẻ khác. Không vẻ bẽ với Nhân Văn nhưng chẳng đi với ai. Trên nhận xét từng số, từng bài cho là chưa đủ hơi sức hỗ trợ cần thiết. Tôi bàn lại với Nguyễn Bình. Nguyễn Bình cười:

- *Trăm Hoa* phải thế mới là báo của Nguyễn Bình chứ. Nếu không thì mày làm quách, cho xong!

Tôi nghe cũng có lý. Có lẽ vì thế tôi không còn hào hứng nói cho chuyển được Nguyễn Bình. Có lần Nguyễn Bình nhắn tìm tôi, chắc lại giấy và tiền. Tôi không đến. Máy lị cũng không phải tiền của tôi. Biết ăn nói thế nào. Một buổi tối Nguyễn Bình rủ tôi đến ăn nhà hàng Lục Quốc. Nguyễn Bình nói: "Hôm nay ăn cỗ đám ma *Trăm Hoa*!" Tôi hỏi: "Anh Trúc Đường đâu?" - "Ông ấy không đi". Có thể anh ấy không bằng lòng tôi.

Rồi Nguyễn Bình được giới thiệu về Ty Văn hoá Nam Định. ở Hà Nội ít lâu, vài ba tháng hay một hai năm, cũng không để ý, thỉnh thoảng gặp chỉ thấy nhân nhó, râu rì. Xưa nay thì cái thằng này vẫn thế. Những cùng quần tự chuốc, những thương đau vợ vào, mình lại đẩy ải mình, thân làm tội đời, cả những ngày còn lại này mà vẫn không nguôi.

Người con gái ấy tuổi đương thì. Những mối tình như thế của Nguyễn Bình, chẳng biết khi ở Huế, ở miền Nam thế nào, nhưng ở ngoài này, bạn

bè biết tính, biết tật Nguyễn Bình, thấy gái như quạ vào chuồng lợn, như ếch vào hoa. Thế bồi đầy rồi lại nhăng ngay đấy. Kiểu như những câu thơ đồ tòi hoa: *Nhà em ở dưới cây mai trắng* (Bạch Mai) *Bên gốc mai vàng* (Hoàng Mai) *cạnh đế kinh* (phố Huế), những người con gái, bao nhiêu con gái đã theo thơ đến với Nguyễn Bình. Nhưng cuộc đời hoa thơm bướm lượn không giống thơ, không như thơ. Thế thì lại vứt bỏ. Người con gái đến với Nguyễn Bình khi làm báo *Trăm Hoa* cũng chẳng được bao lâu. Chỉ tội đã có với nhau một mụn con.

Từ lâu, tôi mới viết một truyện ngắn. Chưa viết nhưng đặt tên trước: *Tên cháu là Hiền*, truyện ngắn. Câu chuyện đôi vợ chồng bỏ nhau. Có một con trai tên là Hiền, mới bập bẹ. Mẹ cháu trẻ quá, còn như ở tuổi son rồi, đã đi bước nữa. Mẹ đem Hiền về trả bố Hiền.

Hiền bụ bẫm, phúng phính rồi chẳng bao lâu Hiền còm nhom ghẻ lở, mụn nhọt ghê người. Ngày ngày bố ẵm vác Hiền trên một bên vai, như mèo tha con. Đến đâu, từng đám ruồi nhặng xanh xám đuổi theo. Một tối kia, bố rượu say rồi bố bế Hiền thả thơ ra phố. Đến ngã sáu Bà Triệu - ô hay, làm sao bao nhiêu tâm sự nước mắt nụ cười của người viết truyện này, trong những năm ấy, cứ quần quanh ở chỗ cái dốc Hàng Kèn oan nghiệt thế nhỉ?

Chợt nghĩ thế nào, hai tay bố Hiền giơ Hiền ra, đưa Hiền cho một người đàn ông đi tới.

Trở về, cơn say vật bố thiếp đi. Quá nửa đêm, quờ tay không thấy con. Bố vụt nhớ lại tất cả. Bố lật đật chạy đi đấm cửa mấy người bạn. Chúng tôi đã đi báo hầu khắp các đồn các trạm công an trong thành phố. Nguyễn Bình thất thế suốt đêm. Sáng ra, nhợt nhạt thân thờ bước giữa trống không. Tìm đâu bây giờ. Không phải là cháu lạc. Chúng tôi chỉ còn cầu mong biết đâu là người hốt nhiên được có người giúp cho đứa bé, lại chẳng là một người đương hiểm trở.

Bấm đốt ngón tay, đã trên ba mươi năm rồi. Ai là người đã đi qua ngã sáu tối hôm ấy, nếu trời để cho chúng sống, ông ấy cũng phải đến trong ngoài sáu bảy mươi rồi, nếu vẫn nhớ có người đưa cho một đứa trẻ, thế thì tên cháu là Hiền. Thôi bây giờ viết vào đây câu chuyện thương tâm ngày ấy. Biết đâu, chuyện này - như một cái nhẩn tin tìm người ruột thịt thường đọc trên báo. Chẳng đã có bao nhiêu cha mẹ anh em ly tán những năm đói, những năm chiến tranh ngót nửa thế kỷ, mà rồi cũng tìm được nhau. Đột nhiên, tôi hy vọng. Tên cháu là Hiền nhé.

Có lần qua Nam Định, được nghe Kim Ngọc Diệu kể: Câu chuyện thương tâm ấy, mỗi khi nhắc lại, lần nào Nguyễn Bình cũng khóc.

TÔ HOÀI

Mấy hồi ức về Nguyễn Bình

Khi cuộc kháng chiến chống Pháp mới bùng nổ, ở Nam Định quê tôi có tờ báo *Nam Định kháng chiến*. Tờ báo này ra được mấy số rồi đổi tên là *Công Dân*. Tôi là một thành viên trong toà soạn. Trúc Đường Nguyễn Mạnh Phác, anh ruột của Nguyễn Bình mang danh nghĩa chủ bút. Trong nhóm *Công Dân* còn có Bùi Hạnh Cẩn. Trúc Đường và Hạnh Cẩn biết tin Nguyễn Bình tham gia kháng chiến ở Nam Bộ. Bỗng không biết từ đâu đưa đến một tin dữ, Nguyễn Bình đã chết! Cả nhóm chúng tôi đều kinh hoàng thương tiếc.

Năm 1955, sau ngày giải phóng Thủ đô, Nguyễn Bình lại xuất hiện ở Hà Nội. Anh em bè bạn ngạc nhiên mừng rỡ như được chứng kiến một cuộc tái sinh. Tôi gặp Nguyễn Bình ở nhà Trúc Đường, một căn nhà hẹp ở ngã tư Bà Triệu - Tô Hiến Thành. Những lúc thư nhàn, chúng tôi thường họp mặt với nhau uống trà, hút thuốc lòn vẹt và chuyện trò, thơ phú. Cũng có lúc cao hứng “đưa cay” vào món nhắm sở thích của anh Bình như lòng lợn tiết canh hay “mộc tòn”. Anh Bình đọc cho chúng tôi nghe những bài thơ kháng chiến anh viết ở Nam Bộ và cả những bài thơ ứng tác của

anh làm để đùa vui anh em cho đầu óc đỡ căng thẳng. Về cái món thơ ứng tác và liên ngâm để mua vui thì tôi có thể đối đáp với anh một phần nào, cũng là để “gia vị” cho những món ăn và thêm đà tử húng. Trong những bài thơ nghiêm chỉnh tôi đọc anh nghe có bài *Rang thóc* tôi viết năm 1951 về tình quân dân ở một vùng đồng chiêm dịch hậu.

Anh Bình tỏ ra cảm tình với bài thơ này vì hình như nó hợp cái khẩu vị đã thấm đượm tình quê của anh.

Trong thời gian ngắn ngủi làm báo ở Hà Nội, năm 1956, Nguyễn Bình làm nhiều thơ đăng báo và in thành sách, tuyệt đại đa số là thơ viết về thống nhất như *Vui Tết, Xuân nhớ Miền Nam*. Thơ vui ứng tác, hồi ấy anh cũng làm nhiều, đặc biệt là bài *Mừng bạn vui duyên mới*. Bạn đây là nữ sĩ Anh Thơ, người đã gợi cảm cho Nguyễn Bình viết *Hương, cố nhân*. Bài thơ *Mừng bạn vui duyên mới* là một bài Đường luật tám câu, viết theo phong cách Hồ Xuân Hương, có nụ cười hóm hỉnh nhưng không có gì xúc phạm cố nhân. Trong bài, hai câu nghiêm chỉnh nhất là:

Chị sắp lên râu làm chức mẹ

Anh mà xuống nước đóng vai em.

Chị mà “lên râu” thì ngộ nghĩnh thật! Cũng chỉ là để nói cái ý chị lấy làm tự hào vì sắp thắng

chức mẹ. Câu thứ hai mới hóm. Nữ sĩ mang cái tên chữ *Anh* đứng đầu. Khi lấy chồng phải xưng với chồng là *Em*. Thế là “xuống nước”.

Bài thơ này, tôi không rõ Nguyễn Bình có gửi cho Anh Thơ không hay chỉ đọc cho một lũ bạn trai tếu nghe thôi.

Hồi ấy thỉnh thoảng Nguyễn Bình cũng làm thơ chữ Hán, làm chơi chớ không đưa đăng in ở đâu. Có lần anh đọc tôi nghe một bài thơ chữ Hán. Tôi chỉ còn nhớ được hai câu:

Thư tác lữ trung vô nhận túc

Nguyệt trâm song ngoại sổ kê thanh

Tôi dịch là:

Viết thư trong quán, không chân nhận

Chim nguyệt ngoài song, mấy tiếng gà

Tứ thơ u trâm biểu hiện tâm trạng khắc khoải của nhà thơ đêm dài không chợp mắt, nhớ đến những người thân ở xa có thể là vợ con ở miền Nam - không thư từ liên lạc được.

Sau Tết Nguyên đán Bình Ngô (1966) nghe tin Nguyễn Bình tử trần, tôi giật mình thương xót. Anh ra đi vào đúng ngày tất niên năm Ất Ty. Ngày tận cùng của một năm cũng là ngày tận cùng của đời anh. Khi được biết tin dữ đó, tôi có bùi ngùi nhắc đến mấy câu thơ Nguyễn Bình viết trong bài *Nhạc xuân*, một bài trong tập *Hương, cố nhân* ra đời vào năm 1939.

*Năm mới tháng giêng mong một Tết
Còn nguyên vẹn cả một mùa xuân*

Bính để lại mùa xuân nguyên vẹn cho đời,
Bính ra đi. Tôi còn nói thêm: trong bài *Nhạc xuân*,
hai câu kết thúc nghe cũng “sái”:

*Giờ đây chín vạn bông trời nở
Riêng có tình ta khép lại thôi*

Đúng vào cái lúc muôn vàn hoa xuân bừng nở
thì “tình ta khép lại” cũng tức là đời ta khép lại.
Ồi! Sao mà Nguyễn Bính dự cảm về cái chết từ
sớm đến thế? “Một lời là một vận vào...” hay đó
cũng chỉ là sự trùng hợp ngẫu nhiên giữa thơ và số
mệnh của nhà thơ mà thôi?

12.1987

TRẦN LÊ VĂN

Nhớ Nguyễn Bính

Một buổi chiều cuối xuân năm 1964, Nguyễn
Bính về Ty Văn hoá Nam Hà, làm việc và ở lại lâu
dài nơi quê hương sau 20 năm phiêu bạt. hai mươi
năm ấy, có mấy mùa xuân mà anh không gửi gắm
tâm tình - nỗi xót xa cô đơn, đem hình hài trả nợ
áo cơm, tất cả mùi tục lụy cay đắng gặp trên bước
276

đường phiêu lưu vô định: “*Xuân tha hương, xuân lại tha hương, xuân vẫn tha hương*”. Những dần vật về cuộc sống, nỗi ấm lạnh về tình đời, tình người, qua những cảnh huống bơ vơ lạc loài gói trong những vần thơ tâm sự toàn chán ngán, hoài nghi:

Em vốn đường dài thân ngựa lẻ

Chị thì sông cái chiếc đò nan

Quê người đứng ngắm mây lưu lạc

Bến cũ nằm nghe sóng lỡ làng.

Nguyễn Bình bế tắc. Nguyễn Bình nhọc nhằn, té tái, toàn là những thất vọng, ê chề, trong một xã hội đảo điên, lật lọng, xảo quyệt và man trá. Cái xã hội đầy những cạm bẫy và bất công ấy - cái chế độ phong kiến và thuộc địa trong những ngày tàn lụi, ngắc ngoải những diên khùng và hỗn loạn - Nguyễn Bình tìm sao cho được những giá trị cao đẹp, thoả mãn sao được những ước mơ - khiến cho tâm hồn nhà thơ, mỗi khi gặp nỗi bất đắc chí, lại thiết tha nhớ cố hương, nhớ người thân, ôn lại những kỷ niệm êm đềm đã qua, nơi thôn quê heo lánh, với những phong tục thuần hậu, những thú vui quê mùa, cảnh cấy gặt tất bật, tiếng trống chèo đêm xuân. Vậy mà Nguyễn Bình đã một lần lỡ bước ra đi. Đi đâu? Làm gì? Sống bằng gì? Với hai bàn tay trắng, và cái vốn học vấn không bằng cái p! Con đường trước mắt mịt mù, chông gai, anh đã

lượng thấy được. Thôi thì đổ tất cả cho số kiếp, và định mệnh. Nguyễn Bình dứt áo ra đi, và một lần đi, coi như là...

Cha đừng tiếc, mẹ đừng thương

Cầm như đồng kềm, qua đường đánh rơi.

Nguyễn Bình mắc cái bệnh thông thường của một số khá đông văn nhân thi sĩ thời ấy: bệnh giang hồ. Có những chuyện giang hồ vặt: một cuộc tàu ngược tỉnh Bắc tìm đến nhờ một ông bạn Mạnh Thường Quân, một chuyến xuống tỉnh Đông, Hải Phòng lẫn lóc một vài quán trọ. Thế rồi bệnh giang hồ mỗi ngày một nặng. Anh đi vô Huế, vô Nam; lưng vốn là mấy văn thơ, một bộ áo quần cũ nát - cùng đi có mấy người bạn, và tìm đến những người bạn - nơi thì lạnh nhạt, nơi thì xót thương. Nguyễn Bình cũng đi được đến Sài Gòn, lục tỉnh. Anh đến Ba Tri, nhà cũ cụ Đồ Chiểu, đến đất Hà Tiên - nổi tiếng về phong cảnh đẹp, cái vùng đất cực nam, vốn là nơi trấn biên của gia đình viên tổng binh Mạc Cửu. Cái vốn hiểu biết, lịch lãm càng thêm đầy tham vọng. Nguyễn Bình làm thơ, hoàn toàn sống bằng cây bút; chặt vật, nghèo nàn. Nhưng cây bút xuất thần tạo cho anh một vị trí, và tên tuổi anh được nhắc nhở, yêu mến và cảm phục ở trong dải đất miền Nam.

Chiến tranh thế giới lần thứ hai. Súng nổ khắp trời Âu. Khói lửa lan tràn thế giới. Ba mươi

sư đoàn quân phát xít Nhật làm mưa làm gió suốt vùng Đông Nam Á. Bọn Tây thực dân cụp mặt xuống trước ông chủ mới. Đội quân Thiên Hoàng gồm những tên lính béo trọc béo tròn, đầu trọc tếu, mắt một mí, những bộ quần áo màu cứt ngựa, và những thanh gươm dài ngoẵng. chúng nó cùng ăn cướp, cùng vợ vét, rồi nổ súng giết nhau. Thế rồi Cách mạng tháng Tám, Tổng khởi nghĩa, Nam Bộ kháng chiến, chống Nhật rồi chống quân Anh quân Pháp, Nguyễn Bình lưu lạc, từ vùng này sang vùng khác, khi thì bị hãm trong vòng thế lực của Bình Xuyên, khi thì lạc lõng ở vùng các giáo phái. Ở quê hương, có một mẩu tin trong tờ báo *Công Dân* (Nam Định) báo là anh đi kháng chiến. Lại có tin đồn Nguyễn Bình đã chết. Thực ra, sau này mới rõ là Nguyễn Bình đi kháng chiến thật, ở miền Tây, ở Đồng Tháp Mười. Anh đã viết nhiều trong thời gian này. Và một bài thơ truyền đi rất nhanh, kèm với điệu nhạc hào hùng: *Tiểu đoàn 307*.

Nguyễn Bình đã ném cảnh màn trời chiếu đất của người chiến sĩ. Anh đã kết bạn với những người cách mạng, và đã trải những tình cảm riêng tây, trong những gặp gỡ giữa những người cùng cảnh ngộ. Thành giặc truy lùng Nguyễn Bình... Ấy thế, rồi năm 1954, Nguyễn Bình tập kết ra Bắc. Con người ấy đã trở về.

Nguyễn Bình về, một nửa trái tim còn gửi lại miền Nam. Trong ấy, còn có hai con gái của anh: cháu Hồng Cầu, cháu Hương Mai. Lại những nhớ nhung khắc khoải. Anh cũng chung tâm tư ngày Bắc đê Nam như tất cả các anh em miền Nam tập kết, những ngày miền Bắc có hoà bình, mà trong kia là chế độ ngột thở của các chế độ nguy, thuộc Pháp rồi thuộc Mỹ.

Nguyễn Bình về Nam Hà, tuổi gần năm mươi, gầy, đen, tóc cắt ngắn như trọc. Anh ăn mặc thật giản dị: một sơ mi nâu một quần ka ki bạc màu, và đôi dép cao su. Toàn bộ hình thức ấy không gọi một vẻ gì một nhà thơ lớp trước, sau này người ta gọi là “thi nhân tiền chiến”. Anh cười, đôi mắt nâu, sắc sảo, ánh hơi lạnh, và nụ cười khô, hàm răng ám khói thuốc lào.

Nguyễn Bình về quê, về cố hương cũng khối nỗi niềm tâm trạng.

Chúng tôi đón anh, niềm nở, và những phút ngỡ ngàng ban đầu cũng sớm qua đi.

- Anh Bình ạ! Thế là “*Dần dà rồi lại quay về cố hương*”.

Câu tập Kiều tức cảnh, làm cho Nguyễn Bình vui hẳn lên, thân mật thật sự. Anh rất thuộc *Kiều*, mà hay tập Kiều trong câu chuyện thù ứng. Bởi thế, anh tươi nét mặt, cười to:

- Chao! Hay! Ở Vụ Bản quê tôi có chợ Dân, chợ Đà. Đúng như cảnh tôi bây giờ, vận vào cứ ăn khớp như gấn vậy.

Thế là từ hôm ấy, anh Bình làm việc hàng ngày. Anh em đồng sự toàn là đàn em, kể cả tuổi đời, tuổi nghề nghiệp. Nguyễn Bình làm việc không “tài tử” như một số anh em văn nghệ: Anh ngồi trong phòng như một công chức kiểu mẫu, viết rất kỹ, bản thảo của anh trông thật mê. Và anh có lối viết thảo bằng bút lông rất bay bướm, thường hay chép thơ khi tặng bạn bè.

Công việc làm thơ tuyên truyền. Thơ ca ngợi chiến thắng miền Nam. Thơ nói về sản xuất công nghiệp, nông nghiệp. Những tập sáng tác Ty Văn hoá ngày ấy in ra, phát hành không thu tiền. Nguyễn Bình làm thơ phục vụ công cuộc đấu tranh chống Mỹ, cứu nước. Tiếp theo những tập thơ *Gửi người vợ miền Nam*, Nguyễn Bình viết các bài thơ về chiến thắng. Ít người theo dõi tin thời sự chăm chỉ và nhớ kỹ như Nguyễn Bình. Những tên Bàu Bàng, Núi Thành, Ba Gia, Bình Giả, anh kể trong thơ rất rành rọt. Cây bút thơ chiến đấu thật bén nhọn. Năm 1965, có một bài về từ xó tối nào đưa ra, thác lời một người vợ bộ đội than thở cảnh vợ chồng chia biệt, đẩy những lời lẽ uỷ mị tiêu cực. Nguyễn Bình liền mở ngay một cuộc “bút chiến”.

Anh viết trong một tuần tập thơ *Bức thư nhà* cũng là lời lẽ một vợ chiến sĩ gửi cho chồng, hết sức dịu dàng, trữ tình, nhưng thể hiện một tâm hồn cao cả, ý chí kiên nghị, ba đảm đang, làm hậu phương vững chắc cho người lính chiến đấu.

Bức thư nhà lời lẽ trau chuốt, mượt mà, phong cách dân gian, đọc trong một cuộc họp dã hay, nhưng chính là những lúc một mình ngâm ngợi, hoặc ru con, đi rất sâu, và gọi ra trúng. Cũng lạ! Từ đó, không thấy ai nhắc đến cái bài về *Chinh phụ tân thời* uớt át, náo nức và phản động trước kia nữa.

Nguyễn Bình đón những tin về kết quả bài thơ của mình trong dư luận quần chúng bạn đọc, rất hồ hởi hồn nhiên. Anh có tục hay “khao”. Một ấm trà ngon, do Bình tự tay pha lấy, rất tiết kiệm và rất khéo, mấy điếu thuốc lá rẻ tiền, hay sang nữa là một gói kẹo. Cũng có khi là rượu, ít thôi, chỉ hai chén là anh say, mà say vui, đôi khi hơi gầy gò một chút. Những lúc ấy, Bình cao hứng, đọc thơ mình, đọc thơ kim cổ, kể rông rốc những chuyện vui buồn trong cuộc đời phiêu lưu. Anh hay nói nhất là chuyện miền Nam. Những phong tục vùng lục tỉnh, những bữa rượu, những món ăn, những vườn cây hoa trái, những đĩa lạch đầy tôm cá, và những khu rừng ngập nước mặn, chim sông hàng triệu con, làm tổ trĩu gục cành lá. Nói về miền

Nam, Nguyễn Bình lơ lơ đôi mắt, nhìn dâu xa lắm, và anh say sưa, hào hứng, rồi đắm chiêu, thơ thần. Bao nhiêu cảnh, bao nhiêu tình. Có đôi mắt trẻ thơ hau háu chờ mong... Chuyện chung lẫn chuyện riêng. Nguyễn Bình gắn liền máu thịt với miền Nam đất nước, da diết nhớ nhung hai đứa con thơ, và anh tin chắc ngày thống nhất đất nước.

Những câu chuyện thật xa lạ mà thật gần gũi, và cuối cùng lại là chuyện thơ. Nguyễn Bình bình thơ thật hay, thật độc đáo và chi tiết. Ôi, rồi một ngày kia, sau này, sau này nữa, có lẽ cũng cần ghi lại những chuyện xung quanh một bài thơ, một câu thơ, những câu thơ nên tình nên nghĩa, và cũng có những chuyện xích mích hờn giận - cứ gọi là những giai thoại cũng được, hoặc là những vụ án văn chương cũng được. Nguyễn Bình vốn có nhiều mặc cảm, rất băn khoăn khi người ta không hiểu được ý tứ mình, không thấy đủ những dụng công vất vả của anh đối với một từ, một chữ. Và anh càng cay đắng, dễ bực bội đến nỗi xung khi có một kẻ hiểu sự nào đó, hoặc ác ý, hoặc đùa nhả, hoặc vì thiếu thông minh đã cố ý bẻ bai, xuyên tạc xoi mói anh một bài, một câu, một chữ, xoay thành nghĩa xấu.

Cũng ở vào vị trí của Nguyễn Bình mới thông cảm nỗi với con người ấy. Anh trân trọng nguồn thơ dân gian, nhặt nhanh chắt chiu một từ, một ý

của những người lao động. Một lần, anh trầm trồ tấm tắc cảm ơn mãi anh hay chị công nhân nhà in, đã xếp lằm một chữ trong thơ anh làm cho thơ hay vọt lên, ngoài cả dự kiến của tác giả. Vốn là Nguyễn Bình viết về sự hy sinh dũng cảm của người mẹ trẻ, lấy thân mình bảo vệ đứa con thơ, trong một trận bom. Nguyễn Bình viết:

Lấy thân làm bức thành đồng cho con.

Người thợ in không biết vì có tài phẩm thi xuất chúng hay đơn giản thôi, chỉ vì lằm chữ, đã xếp thành câu:

Lấy thân làm bức thành đồng che con.

Nguyễn Bình sung sướng, trân trọng, cảm kích, tự xét: “Cái từ *cho* nó yếu ớt, bị động, tầm thường bao nhiêu, thì cái từ *che* nó năng nổ, dũng cảm, chủ động, quyết liệt bấy nhiêu. Ha! Quần chúng sáng tạo. Quần chúng làm thầy của nhà thơ, có khi dù chỉ một chữ”. Anh luôn nói vậy.

Cũng lại về một chữ, lần khác, Nguyễn Bình trần trọc thâu đêm để tìm một chữ. Hạt mầm mạ gieo xuống đất, nó bén rễ rồi trỗi dậy, nhóm dậy, vươn dậy, nhú thẳng cái thân non tí xiu. Hiện tượng ấy gọi là gì nhỉ. Anh dậy sớm, hút thuốc Lào, thở dài chưa tìm ra chữ cho tới lúc tan sương, anh mới sức tìm thấy, cái từ quên khuấy đi từ lâu lắm rồi.

A! Đây rồi. Mạ đã ngồi! Chính cái từ này mấy hôm nay, nhà thơ cứ tìm tòi, vắt óc ra mà không thấy. Mạ ngồi. Nó sống, nó cử động, nó nằm, nó ngồi, nó lớn, rồi nó đứng cái... Ấy, cây lúa đã được nông dân bao đời coi như một con người, với cả cuộc sống của nó. Và Nguyễn Bình viết:

Mông một đêm qua, mạ đã ngồi...

Anh rất đặc ý về cái từ *ngồi*, gieo chắc nịch. Cái vốn văn học dân gian của anh giàu. Nhưng như người đãi cát tìm vàng, Nguyễn Bình luôn luôn đi, lượm lặt, và ghi nhớ.

Mùa hè năm 1965, giặc Mỹ leo thang ác liệt. Hôm trái bom đầu tiên rơi xuống ngoại thành Nam Định, Bình vẫn còn ngồi trên gác (phòng văn nghệ) uống trà và gật gù viết. Tối hôm ấy, chúng tôi đến nhà “đả thông” cho anh về việc cơ quan sơ tán, đi về nông thôn, đường xa, đi lại vất vả, sinh hoạt điều kiện... Cũng ngại cho anh đấy. Nhưng Nguyễn Bình tỏ vẻ hết sức bất cần, lại ung dung nữa là khác. Đúng như vậy. Anh đi sơ tán với cơ quan, đội nón lá, khoác bị, cuộc bộ rất thoải mái. Và còn cả những bài thơ về chuyện đi bộ, và xe đạp. Không thấy anh nuối tiếc gì quạt máy, đèn điện bao nhiêu. Kể ra thì cũng đôi khi, có than thở một chút về chuyện gian khổ:

*Chồng ở Nhân Nghĩa, vợ Nhân Hậu
Mười lăm cây số, đường độc đạo.*

Nguyễn Bình sơ tán theo cơ quan về xã Nhân Nghĩa, huyện Lý Nhân. Anh ở nhà dân - ba gian nhà tre lợp lá mía - khê khà, thân thuộc như người trong gia đình, không một chút ngỡ ngàng của người thành thị. Đường xóm quanh co, mưa gió thì lầy lội, cây cối rậm rạp. Cửa ra vào là phen liếp mía, bàn viết là một cái chõng kê gá vào giường tre. Tiếng gà mái nhảy ổ tao tác ngay bên cạnh tập giấy má. Và mỗi khi có khách đến chơi, khách phải lên tiếng gọi từ đầu ngõ, để phòng con vàng con vện nó hỗn hào.

Nhưng ngay cạnh song trúc, buồng chuối tiêu rủ những trái xanh nhạt, mẫm mĩm. Cây chanh khoe quả, cây mít rủ bóng rợp cả góc vườn - xế phía kia là vườn mía, tấm tấp xếp hàng những gióng nuột nà màu mận chín. Quen thuộc quá, quê hương đồng chiêm, đồng bãi, con sông Châu xanh ngăn ngắt, đôi bờ những nhãn cùng vải xum xuê. Người đi về chợ gọi đồ ý ới suốt ngày. Ở đó, người ta vẫn cho nhau nắm hương nhu gọi đầu, mời nhau những ngày giỗ, ngày tết tháng năm, tháng tám, tết cơm mới. Máy bay Mỹ quần đảo trên trời - cũng là có từng lúc. Ở đây êm đêm quá. Người quý người quý.

Có những ông cụ cho cháu sang biếu bác Bình một miếng mít đầu mùa. Không biết có phải vì cảm cái ân ấy, mà Nguyễn Bình ca ngợi quả mít là vua

các thứ quả: thơm nhất, ngọt nhất, to nhất, tóm lại là đã nhất. Mít, ăn vào, nó nóng người lên, hăng hái tinh táo... a. ra nó có nhiều đức tính quý hoá ấy!

Một đêm khuya lắm, trời mưa dầm dề. Nguyễn Bình làm việc. Bà hàng xóm thức dậy lần thứ hai vẫn thấy ánh đèn. Lẳng lặng bà cầm dao ra vườn, chặt một cây mía lớn, vác sang gõ cửa, đem cho. Không! Đừng đánh giá người dân bình thường quá xa lạ với lao động nghệ thuật.

Cũng vì thích giao du rộng trong xóm làng nên Nguyễn Bình hay đi chợ. Còn gì vui hơn cái chợ, với chuyện mua bán mà cả con gà, con lợn, thóc gạo, chuối hồng, trái bưởi đào, chục cam chanh, và cá tép sông Châu mùa nào thứ ấy. Nhà thơ áo nâu nếm thuốc Lào. Ra về thường là lúc nửa buổi, chợ đang đông. Và anh vào hàng cắt tóc nghỉ ngơi. Nguyễn Bình có tật ngứa da đầu. Anh thợ cắt tóc bên bãi sông Châu thường giúp anh húi gần như trọc, rất cẩn thận và... không lấy tiền. Nguyễn Bình đền công anh bằng một tờ báo, một bài thơ in mới nhất. Và anh thợ dán các thứ đó lên vách ken lá mía vừa để chào hàng, vừa giới thiệu với khách rất hành diện vì mình là bạn của ông Bình làm thơ.

Và Nguyễn Bình ra về lúc đứng bóng. Từ chợ Chủ, Bình Lục về Nhân Nghĩa, qua con sông Châu. Cô lái dò - cô Bé, cũng có tên là cô Thoa nữa, sẵn

sàng chở bác nhà thơ qua sông không bao giờ lấy tiền. Chẳng biết cô Thoa có bao giờ đọc bài *Cô lái đò* của anh, những vần cảm thông:

Xuân đã đem mong nhớ trở về

Lòng cô gái ở bến sông kia

Chúng tôi thường đem chuyện này ra tán đùa Nguyễn Bình. Anh cười, và ngâm lại bài ấy, tiếc rằng chẳng bao giờ có cô Thoa cùng nghe. Bài *Cô lái đò* như chúng tôi biết có một đoạn cuối:

Thế rồi trên bến một đêm kia

Người khách tình duyên lại trở về

Cô lái đã vui duyên phận mới.

Khách còn trở lại nữa làm chi...

Nguyễn Bình hết sức ngạc nhiên. Bốn câu ấy không phải anh làm. Ai “nối điệu” vào lúc nào. không rõ. Hay... cũng có một cô lái nào đó đã sáng tác ra, một lần gặp gỡ bề bàng muện mản, với người khách của cô...

Nguyễn Bình không trách người bạn thơ vô danh nào đó, còn lấy làm thú vị. Cái vốn của Nguyễn Bình vẫn là từ dân gian mà ra, dân gian thêm thắt vào, chuyện đó, dù hay dù dở, cũng không lấy làm lạ.

Cuối năm 1965, Kỷ niệm 200 năm ngày sinh Nguyễn Du, Nguyễn Bình làm việc sôi nổi, hào hứng đặc biệt. Anh thuộc *Truyện Kiều* từ đầu chí

cuối - vốn coi cụ Tiên Điền như một vị tổ sư - nên chuẩn bị việc kỷ niệm này, Nguyễn Bính viết không mỗi, anh viết *Bài ca quê hương*, ca ngợi đất nước mình có nền nhạc, nền thơ, có kho tàng văn học dân gian đồ sộ. Và "*Có Nguyễn Du và có một Truyện Kiều*". Phải, chỉ "*có một Truyện Kiều*" mà thôi.

Chuẩn bị số báo tết Nguyên đán năm Bính Ngọ ấy, chúng tôi cũng dành rất nhiều bài về Nguyễn Du, từ chính luận đến các bài sáng tác, các chuyện giai thoại về Nguyễn Du và Kiều. Cái hôm duyệt bài báo Tết, anh em cảm thấy như Tết đã đến rồi. Nguyễn Bính khỏe, tươi, tay thủ thủ một tập giấy mỏng. Anh khoe trong một đêm, đã viết được một bài tập Kiều, vịnh cụ Tiên Điền. Anh không cho ai xem, chờ lúc ra hội đồng đủ mặt, mới trình trọng giở trang giấy viết công phu -chữ đẹp như xếp, rồi hắng giọng ngâm nga:

Kính tặng Nguyễn Du và Truyện Kiều

*Cảo thơm lần giờ trước đèn
Là nhiều vàng đá, phải tìm trắng hoa
Trăm năm trong cõi người ta
Một thiên tuyền bút, gọi là để sau
Khen tài nhả ngọc phun châu
Mười lăm năm ấy, biết bao nhiêu tình.*

Mấy lời kỳ cựu đình ninh
Rằng tài nên trọng mà tình nên thương
Khen rằng giá đáng Thịnh Đường
Thì trao giải nhất, chi nhường cho ai
Gẫm âu người ấy, bấu này
Nghe ra ngậm đắng nuốt cay thế nào.
Nặng vì chút nghĩa xưa sau.
Mà cho thiên hạ trông vào cũng hay
Thương vui bởi tại lòng này
Tan sương đầu ngõ, vén mây cuối trời
Lòng thơ lai láng bồi hồi
Tưởng người nên lại thấy người về đây...

Cả hội đồng duyệt bài số báo Tết hôm nay, cùng lặng đi. Một bài tập Kiều thật hay. Nhưng nghe ra... đây tuy đề là tặng cụ Tiên Điền mà sao cứ như tâm sự của Nguyễn Bình, tổng kết cái cuộc đời thơ tài hoa long đong lận đận về... những câu sau cùng, sao mà nó sái quá. *Một lời là một vận vào, khó nghe.*

Nguyễn Bình cười trừ:

- Các ông mê tín! Cứ hay là được rồi. Tôi xin nộp bài này. Một câu một chữ không sửa.

Cầu chuyện qua đi. Những ngày sắp Tết mưa dầm và lắm việc bận rộn. Mọi người gắng làm xong việc, về gia đình vui Tết với vợ con, cái Tết chống Mỹ, nhưng có đủ bánh chưng giò nạc. Nguyễn

Bính có chương trình khác. Cái máu giang hồ vọt lại nổi lên. Anh muốn tạo ra một xuân tha hương nữa. Tha hương đây không phải là nơi cách trở ngàn dặm, mà là một làng ở ngay huyện Lý Nhân, ở đây anh có một anh bạn yêu thơ, nhà làm thuốc đông y. Hai vợ chồng ngỏ ý mời từ lâu. Nguyễn Bính chọn ngày giáp Tết. Anh xắn cao quần, pha đường bùn đất, lặn lội tới chơi. Chủ nhà cảm động đến rơi nước mắt. Cái tết “tha hương” này hẳn là ấm cúng, tình bạn, tình người. Ngờ đâu...

Sáng 30 Tết, Nguyễn Bính ra vườn chơi. Một luồng gió lạnh. Anh rùng mình, thổ huyết rồi ngất xỉu. Gia đình chủ nhà hết lòng chạy chữa. Nhưng không kịp nữa rồi.

Tân Thanh悼 để, vị thủy thương.

(Tân Thanh sau hết, ngậm ngùi vì ai...)

Mồng sáu tháng giêng ta, tôi lên Hội nhà văn thông báo về việc anh Bính mất. Gặp Tô Hoài, cùng ngậm ngùi nói chuyện về người bạn mới mất. Trần Lê Văn tròn xoe đôi mắt, kinh ngạc:

- Bính chết thật ư? Bao giờ?

- Ba mươi Tết, trước giao thừa.

Trần Lê Văn bỗng xỉu mặt, dấm vào đùi đánh bịch.

- Biết mà! Biết mà! Chết trước mồng một - đã lường thấy từ bao giờ rồi.

Tôi gặng:

- Sao anh nói vậy?

Trần Lê Văn nói như gắt:

- Ô kìa! “Năm mới tháng giêng mỏng một Tết. Còn nguyên vẹn cả một mùa xuân”. Nó để lại mùa xuân nguyên vẹn cho người. Nó đi mà.

Tôi sực nhớ bài tập Kiều “lời lời lệ sa máu rỏ” đăng trên trọng trong số báo Tết. Ôi! Thương quá. Chẳng lẽ trong thơ có quỷ có ma thật chẳng?

Bạn bè thương Nguyễn Bình. Tô Hoài lặn lội đi đêm (ngày ấy giặc ném bom đường giao thông dữ lắm), về sớm cúi đầu trước mộ bạn. Nhưng tất cả đều không lường được tấm lòng xót thương nhà thơ của những người ta thường vẫn coi, một cách bạc bẽo là những khách qua đường.

Một buổi chiều, tôi từ chợ Chủ, qua đò sông Châu, về cơ quan Nhân Nghĩa. Vẫn con đò gỗ cũ kỹ, và vẫn cô lái đò năm ngoái, cô Thoa. Tôi tưởng nên lịch sự, thông báo với cô cái tin về Bình.

- Cô Thoa ạ.

- Dạ!

Tiếng cô bé có vẻ xa vắng.

- Cô Thoa, bác Bình làm thơ, vẫn hàng ngày đi chợ nhờ đò cô đưa sang ngang, bác ấy đã mất rồi, cô ạ.

Một tiếng nấc tắc nghẹn. Cô Thoa gục mặt lên mái chèo, tiếng lạch đi.

- Cháu biết! Giá chết thay được, thì cháu tự nguyện chết thay để bác ấy sống, bác ấy làm thơ.

Tôi bàng hoàng. Chao ôi! Ngay bạn bè anh Bình, đã mấy ai nghĩ về anh chí tình đến thế!

Vậy là Nguyễn Bình vẫn sống. Và thơ anh vẫn sống. Hai mươi năm, chúng ta xuất bản tuyển tập Nguyễn Bình, có lẽ nên nhắc lại:

Tưởng người nên lại thấy người về đây.

1985

CHU VĂN

Thôn Vân quê mẹ

Quê mẹ Nguyễn Bình ở thôn Vân xã Đông Đội (nay là Minh Tân) huyện Vụ Bản tỉnh Nam Định (Hà Nam), một làng nhỏ vùng chiêm trũng, có con đê Ất Hợi chạy ngang qua. Nơi Nguyễn Bình từng sống lâu nhất từ tấm bé cho tới lúc “giang hồ một chuyến” vô tuốt phương Nam vào những năm đầu 40 của thế kỷ này. (vì mẹ mất sớm khi Bình mới sinh được ba tháng).

Gia đình ngoại ở trên một mảnh vườn ao rộng hơn một mẫu Bắc Bộ, lúc đầu có năm gian nhà gỗ xoan, nhìn ra phía đông nam, ngọn núi Ngắm sừng

sững, phía tây nam, dãy núi Suối mơ màng. Ngoài lũy tre xanh, bao quanh năm nước đồng lai láng. Vị trí nhà ở đầu cùm xóm Bến, mà xóm Bến lại ở đầu làng hẻo lánh nhất, gặp kỳ lũ lụt mênh mông, quả đúng là một “cồn đảo nhỏ”. Dài theo lũy tre là sông Vân, cách đây khoảng ba trăm năm có cô nữ phường chèo cùng xã, sau lấy Chúa Trịnh là Trần Thị Ngọc Đài (người đã tổ chức ra tục lệ “kéo gậy xếp chữ” của Hội Phủ Giầy) ghé thuyền xóm Bến, cùm vào chùa làng 3 pho tượng gỗ. Đất nhà, nằm hai bên bờ con ngòi nhỏ thông với sông Vân, bắc ngang cầu tre một nhịp.

Vườn nhà trồng nhiều thứ cây, hầu như mùa nào thức ấy, lại có cả những thứ vốn quen thuộc với miền Nam. Tạm kể tên chút ít, nào bông gòn, nào vú sữa, nào măng cầu,... Xuân về đủ các loài: hoa bưởi, cam, chanh, đào, mơ, mận. Hoa chè thì nhiều vô kể... trẻ bé có thể ẩn nấp trong vườn chè rậm rạp, khó bề tìm kiếm nổi nhau. Tất nhiên, hoa lan nhiều loại, hoa huệ, hoa cúc, hoa từ tiêu, hoa hồng quế, kể cả hoa sam và hoa sâm, hoa mã đề, hoa ớt, hoa húng, hoa xương sông, hoa hương nhu và nhiều nhiều nữa. Mặt nước ao và ngòi, luôn có hoa sen, hoa súng, hoa ấu và hoa trang,... Những vòng bờ ao um tùm những cây dâu quả thắm, chen những gốc cam yên, sắn, ổi, táo, chay, nhãn, vải,

dừa cũng không thiếu. Trước cửa nhà thấp thoáng những giàn đỗ biển, giàn nho, giàn thiên lý hoa vàng riêng biệt, ở cạnh giàn gác đu đưa những trái hồng báo trước mùa vui đĩa xôi nếp các ngày Tết... Kể như trên vẫn chưa đủ. Giữa hai gốc sung rườm rà là chiếc cầu ao nhỏ, một đầu kê trên tảng đá xanh xếp bậc làm lối xuống lên. Không phải ngẫu nhiên mà Nguyễn Bình đã viết:

*Thôn Vân có biếc có hồng
Hồng trong nắng sớm, biếc trong vườn chiều
Đê cao có đất thả diều
Giời cao lăm lăm có nhiều chim bay
Quả lành chiu nặng từng cây
Sen đầy ao cá, cá đầy ao sen.
Hiu hiu gió quạt trăng đèn...*

Trên mảnh vườn ao quê mẹ, Nguyễn Bình từng “Rượu dâu nhà cất thuốc Lào nhà phơi”, và này, một chuyến ... qua Gôi qua Ninh Bình, Lần lần xe lửa tuốt vô Thanh, ở nơi mấy tháng “sông hồ qua quýt thế cho vui” này, Nguyễn Bình đã viết bài thơ dài Hoa với rượu gửi về thôn Vân, mà trong đó nhắc tới những cô gái làng:

*Xóm chị em Nhi ở mấy nhà
Bến đò đông vắng chợ gần xa
Nhà Nhi thuê có vườn không nhĩ
Vườn có giống cam có nở hoa?*

...

Lạy gởi trên bước đường lưu lạc
Một buổi chiều nào gặp gió mưa
Gõ cửa nhà ai xin ngủ trọ
Giật mình tôi thấy tiếng Nhi thưa

Ngồi bên lò rượu đêm hôm ấy
Nhi cất cho tôi nước rượu đầu

...

Ngại ngần Nhi bảo: Không anh ạ
Anh chả lo gì thiếu lứa đôi...

Chị em mới lấy chồng năm ngoái
Chồng chị giống hoa ở mé sông
Em ở mình đây nhà trồng trái
Trăng vàng đầy ngõ gió mênh mông...

Năm lên chín, lên mười, ở thôn Vân, Nguyễn Bình đã cùng anh em và bạn bè chung lứa tuổi, (trong này có Nguyễn Hồng Nghi, sau làm công tác nhiếp ảnh, điện ảnh), mấy mùa vác đất thuyền để tôn cao nền vườn cũng như nền nhà, nhằm tránh cái khổ chỉ vài trận mưa rào to và một cơn lũ nguồn nhỏ là nước đồng chiêm đã mấp mé đầu hè. Chính trên đám đất mới đắp cao ấy, những chú bé cùng lứa tuổi trồng hai vườn cải khá rộng, chớm gió đông bắc đầu mùa, hoa vàng đã đơm kín mảng lớn. Thế đấy:

*Tôi giống cả thấy hai vườn vải
Tháng chạp hoa non nở cánh vàng
Lũ bướm lảng giềng đang khát nhụy
Mách cùng gió sớm rủ rê sang.*

Những “gió sớm” bị bướm rủ rê ấy là những cô gái lảng giềng thỉnh thoảng sang nhà mua rau đi chợ bán. Những hai vườn rộng là nhiều rau lắm rồi. Những cô gái ấy, có người là loại xinh nhất làng như cô Điện, trong bài *Đêm ba mươi tết cạnh nồi bánh chưng*:

*Ánh lửa hồng lên má Điện hồng
Cổ tay nàng trắng mắt nàng trong...*

Và có cả những cô như sư nữ Hiền từng gặp nhau qua những đêm chèo phường Đặng ngoài chùa phủ... Nhưng rồi cả những cô gái xinh nhất làng cho tới cô sư nữ tình duyên ngang trái, cũng đều như làn “gió sớm” bay đi “đồng đất nước người”. Cho nên sau khi đám hội làng Ngang trống chèo thừa thớt:

...
*Em đã sang ngang với một người
Tôi còn giống cải nữa hay thôi
Đêm qua mơ thấy hai con bướm
Khép cánh tình chung ở giữa giờ.*

Bên những vườn cải ấy có mấy gian phòng học. Những buổi vỡ lòng của Nguyễn Bình cũng

bắt đầu từ quê mẹ. Người thầy giáo đầu tiên là người anh ruột của mẹ (Nguyễn Bính và Trúc Đường... quen gọi là Cậu). Cậu của Bính con một ông đồ nho. Dòng họ này thời Lê Cảnh Thống (thế kỷ 16) đã có người đỗ Tiến sĩ, nay còn tên ghi bia đá tại Văn Miếu Hà Nội, tiếp đó cũng có Hương cống, Sinh đồ... Nhưng trải mấy đời, cho dù hiển đạt, thường vẫn mở trường dạy học, “giấy rách giữ lề” lấy đó thêm nguồn sinh kế. Cậu ruột của Bính tên là Bùi Trình Khiêm (1880-1951), lúc nhỏ thường tập làm văn ở trường Ninh Bình của Thám hoa Vũ Phạm Hàm. Dân gian vùng này đã có câu: “Vụ Bản Trình Khiêm, Hà Nam Sứ Chỉ” để truyền tụng hai chàng trai nổi tiếng văn thơ hay, lại tài ứng đối. Cuối thế kỷ 19, người cậu Nguyễn Bính cũng từng vài phen “lêu chông” khi mới mười mấy tuổi, nhưng khoa danh không “số phận”. Rồi lại gặp luôn những bài văn “Cáo hủ lậu” và những loạt sách mới nước ngoài như *Uống băng* của Lương Khải Siêu, như *Công ước xã hội* của Rút - xô, ông tham gia phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục, cắt tóc nhưng không đi tu, viết sách báo cổ vũ tinh thần yêu nước, bài trừ hủ tục, dị đoan. Đầu thập kỷ 20, ông vào Nam Kỳ định làm báo nhưng bị thực dân Pháp đưa về quản thúc ở quê nhà tới năm 1945.

Cách mạng tháng Tám thành công, được Mặt trận Việt Minh giới thiệu, ông trúng cử đại biểu quốc hội khoá I ở tỉnh Nam Định, cùng danh sách có Trần Huy Liệu, một nhà báo cộng sản và cũng là học trò của ông.

Trong khoảng gần hai chục năm này, ông có tham gia biên soạn cuốn *Việt Nam tự điển* do hội Khai trí tiến đức xuất bản, và cùng hai bạn khác xuất bản cuốn *Việt Hán thông thoại tự vị* dày chừng bốn năm trăm trang khổ rộng. Phần riêng, ông có xuất bản mấy cuốn sách nữa, trong đó có tập sách trào phúng nhan đề là *Chớ có cười* (1925). Nội dung toàn nhằm đả kích mọi thói xôi thịt, nịnh bợ, ức hiếp, bóc lột,... Tập 2 chưa kịp in thì bị cháy trong trận càn của giặc Pháp những năm 1949-1950 ở vùng quê nhà thôn Vân.

Ngoài việc học quốc ngữ và cả chữ nho nữa, Nguyễn Bình thường được cậu kể cho nghe nhiều chuyện. Thơ phú văn chương có, thói người tình đời là nhiều hơn cả. Những chuyện như nghĩa quân chống Tây từng cấm cờ ở núi Già, chợ Mụa,... những đôi câu đối viếng ông Nghè Giao Cù, bài thơ *Động Hoa Sen* của Phạm Văn Nghị, bài thơ *Bỏ thi* của Đào Mộng Giác tức Phan Chu Trinh,... Gần như được Nguyễn Bình và “bạn ngày xưa học chữ nho” của Bình thuộc lòng.

Thời kỳ ở thôn Vân, Bình cũng có làm thơ và dịch thơ Hán sang tiếng Việt (có khi ngược lại), những câu như:

Cười như anh khoá hồng thi

Khóc như cô ả ngày đi lấy chồng

Cho tới sau này, Nguyễn Bình vẫn rất thích mấy câu thơ dịch của một người bạn học hồi nhỏ như:

Em còn ở, đầy nhà hoa ngát

Em xa rồi, ngơ ngác giường xưa

Chăn khâu nếp nếp hững hờ

Ba năm hương mãi bây giờ còn bay

Thơm nào nghe quyện đâu đây

Người đi bữa ấy mai này còn sang?

Nhớ nhau cho rụng lá vàng

Cho sương lạnh trắng mấy làn rêu xanh...

Vị, một bạn học ở thôn Vân, cũng là người đầu tiên rủ Nguyễn Bình lên Thái Nguyên dạy học kiếm sống trong cái thời kinh tế khủng hoảng những năm ba hai, ba ba. Có điều, thời ấy, ở cái huyện có tên vui như “Đồng Hỷ”, có sẵn chè ngon như Tân Thanh, Tân Cương cũng không đủ ăn. Nguyễn Bình bỏ về Hà Nội, thoát đầu có lúc đã đi bán báo ở phố Hàng Bồ. Lúc này anh ruột Bình là Nguyễn Mạnh Phác tức Trúc Đường đang là một cậu giáo trường tư tại thị xã Hà Đông, với cái

300

lượng, tháng mấy đồng bạc, cũng khó lòng cưu mang nổi đứa em.

Tên thực đầy đủ của Nguyễn Bình là Nguyễn Trọng Bình. Tên này cũng do người Cậu đặt cho. Bình có ba anh em cùng mẹ (và bốn người em khác mẹ), Bình là thứ ba. Do đó, chữ “Trọng” ở đây không phải thứ hai như thói quen xưa nay. Trọng Bình ở đây có thể hiểu với nghĩa chính là quyền bình trọng yếu. Kiểu gia đình nhà nho xưa, tên con trai đàn ông thường đặt con theo mỗi “bộ chữ”. Nhà Bình lấy bộ Mộc là “cây”. Từ bố là Nguyễn Đạo Bình (quen gọi là ông Cả Biên - Bình là cán cân) anh là Phác (cây Vối, hoặc chất phác) anh hai là Thu (cây), hai em trai là Căn và Cơ. Còn hai em gái lại đặt theo bộ Mịch (sợi tơ) là Tuyến và Nhự. Có tài liệu in Nguyễn Bình Thuyết là không đúng. Nghe nói, thời kỳ bắt đầu kháng chiến chống Pháp ở Nam Bộ năm 1945, Nguyễn Bình có đặt bí danh nhưng không phải là Thuyết.

Vậy tên Nguyễn Bình hai tiếng bắt đầu từ bao giờ? Có thể nói mốc đầu tiên là từ bài thơ *Cô hái mơ*. Năm sinh đúng nhất của Nguyễn Bình là 1918, tính theo can chi tức là Mậu Ngọ không phải là Bính Ngọ. Ngọ cầm tinh con Ngựa. Trong bài thơ dài *Xuân tha hương* gửi chị Trúc có câu:

*Em vốn đường dài thân ngựa lẻ
Chị thì sông cái chiếc đò nan.*

Ngựa lẻ ở đây chủ yếu là nói sự lộn độn đường xa, nhưng cũng là một kiểu chơi chữ thuở trước hay dùng. Ngựa lẻ quê người, ngấm mây lưu lạc. Và ở miền Nam lúc ấy, đôi khi ngấm những áng mây quê hương mà theo kiểu văn chương ngày trước, hay gọi là đám mây Tần, Nguyễn Bình không khỏi không nhớ tới thôn Vân. Vì vậy:

Ơi thôn Vân, hỡi thôn Vân!

Nơi nao kết giải mây Tần cho ta?

Ở đây tưởng nhớ quê nhà

Thấy mây Tần biết đó là thôn Vân

Thôn Vân bây giờ khác xưa nhiều rồi. Biếc thêm các rặng dài phi lao trên những thoi dề Ất Hợi, hồng thêm những “quả” đèn điện trong mấy gian nhà Xóm Bến, ngô khoai mọc thường trên cánh đồng chiêm trũng, đủ loại xe có thể về tận đầu vườn cải, vườn cam,...

Tôi nhớ mãi mấy câu thơ Nguyễn Bình viết khi trở lại quê cha Xóm Trạm và quê mẹ Thôn Vân hơn 10 năm xa cách:

Ta đi, chào núi ta đi nhé

Phời phời tình quê buổi xuất quân!

BÙI HẠNH CÁN

Biết thêm về Nguyễn Bình

Nguyễn Bình và Trúc Đường là anh em ruột vốn quê thôn Thiện Vịnh, xã Cộng Hoà, huyện Vụ Bản, tỉnh Hà Nam. Cụ Nguyễn Đạo Bình, thân sinh các anh, làm nghề dạy học, tính tình điềm đạm, hiền lành, thường dạy các con: *“Nhà ta coi chữ hơn vàng. Coi tài hơn cả giàu sang ở đời”*⁽¹⁾

Cụ bà thân mẫu Bùi Thị Miện, nét na xinh đẹp, con gái một gia đình khá giả, có truyền thống yêu nước. Bà sinh được ba người con trai: Nguyễn Mạnh Phát - Trúc Đường, Nguyễn Ngọc Thụ và Nguyễn Bình.

Nguyễn Bình ra đời vào năm Mậu Ngọ (1918).

Gia đình có vườn cây, ao cá, thuộc loại *“Cơm ăn đủ bữa, áo lành đủ thay”*⁽¹⁾.

Mọi buổi tối, mẹ xuống ao rửa chân bị rắn độc cắn, mất lúc 24 tuổi, để lại ba con thơ dại. Trúc Đường sáu tuổi, Thụ ba tuổi, Bình chưa đầy một tuổi, phải dựa vào sự giúp đỡ của bên ngoại. Mấy năm sau vì cảnh nhà neo người, cụ ông cưới bà Phạm Thị Duyên làm kế mẫu. Bà sinh được bốn người con (hai trai, hai gái).

Chị ruột của mẹ, bà cả Giân giàu có, và ông Bùi Trình Khiêm cậu ruột (thân sinh nhà văn Bùi

Hạnh Cần), một nhà nho yêu nước, đón ba cháu về nuôi cho ăn học. ở một làng đồng chiêm hẻo lánh ven đô, đẹp như một bức tranh:

Thôn Vân có biếc có hồng,

Hồng trong nắng sớm, biếc trong vườn chiều⁽¹⁾

Ông Khiêm dạy chữ Hán cho ba anh em, Bình học được nhiều hơn. Trúc Đường vào trường tiểu học, Bình vào lớp sơ học. Sau đó Trúc Đường vào trường trung học và làm gia sư, tự nuôi được mình, Bình vào trường tiểu học:

Học trò trường huyện ngày năm ấy

Anh tuổi bằng em, lớp tuổi thơ⁽¹⁾

Bình làm thơ từ thuở bé, có bài được cậu Khiêm khen hay, nên được cung. Trúc Đường thi đỗ thành chung (điplôm) vào loại giỏi ở Hà Nội, năm 1932, 1933 vào Hà Đông dạy học ở một trường tư thục, bắt đầu viết văn và làm thơ. Anh đưa Bình đi theo dạy thêm tiếng Pháp, truyền đạt văn học Pháp cho Bình. Bình có vốn thơ Đường, nay hiểu thêm thơ Pháp. Trúc Đường thay mẹ chăm sóc em. Suốt cuộc đời của Bình gắn bó với Trúc Đường về văn chương và cả đời sống. Trúc Đường hay đưa Bình về quê để Bình giữ được mạch thơ dung dị vùng Nam Định, Ninh Bình, Thái Bình, Phủ Lý hoặc đi tới các miền khác như Hà Đông, Sơn Tây, Hoà Bình vào động Hương Tích. Những năm ấy bài *Cô hái mơ* đã xuất hiện trên thi đàn.

Trúc Đường rủ Bình đi chơi thuyền trên sông Nhuệ ở Hà Đông. Cảm hứng, Bình làm hai bài thơ dài: *Mười hai bến nước* và *Lỡ bước sang ngang* năm 1939.

... *Dừng chân trên bến sông buồn*

Nhà nghệ sĩ tương đồ còn chuyển sang... ⁽¹⁾

Ở với Trúc Đường, Bình không phải lao động nặng nhọc, nên không biết quý trọng đồng tiền, nếu có là tiêu phung phí. Bình thông minh nhưng không chăm học, có hôm vờ ốm, nghỉ ở nhà làm thơ, có lần biến đi đâu mấy ngày liền, Trúc Đường lo quá. Bình lại về, cùng mấy bài thơ khoe Trúc Đường. Vừa mừng, vừa thương, mến, giận, hai anh em lại ngồi đàm đạo văn thơ. Không phải khi nào cũng suôn sẻ, có bài Trúc Đường chê dở phải sửa chữa nhiều lần. Bình nể Trúc Đường, sợ cậu Khiêm và bác Cả Giần. Nhưng cá tính thì không sửa được. Đôi lúc sống bặt tử, nhất là khi đã tự lực kiếm sống bằng ngòi bút của mình. Xong tiểu học lên trung học, Trúc Đường đành để Bình theo đuổi nghiệp thơ. Bình thích đi Hà Bắc, Thái Nguyên, Lạng Sơn, Thanh Hoá, đến đâu cũng sáng tác được thơ. Mấy năm sau làm ra tiền lại càng hay đi. Nếu cạn túi tiền, lại về với Trúc Đường.

Từ năm 1940, Nguyễn Bình bắt đầu nổi tiếng với số lượng thơ khá dày, đề tài phong phú, thơ tình chiếm vị trí cao hơn.

Sau ngày Bình mất, Trúc Đường nói rằng: “Bình như người khát nước mùa hè. Yêu nhiều, thất bại không ít, có lúc thất tình nhưng chỉ trong thơ thôi. Vì người trong mộng, trong thơ, đến người ngoài đời là một khoảng cách khó khăn. Do đó thơ tình yêu của Bình có đôi bài đượm chua chát, đắng cay và nuôi tiếc: *“Tiếc làm chi giấc chiêm bao một mình”*⁽¹⁾.”

Năm 1940, Trúc Đường chuyển ra Hà Nội ở, viết truyện dài *Nhan sắc*, Bình tỏ ý muốn đi Huế tìm đề tài sáng tác. Trúc Đường tán thành nhưng không có tiền, bèn cho Bình chiếc máy ảnh, rồi về quê bán dây thừng đá xanh, vật báu duy nhất còn lại của gia đình, đưa tất cả số tiền cho Bình và giao ước: Anh sẽ viết xong *Nhan sắc* vào năm 1941. Vào Huế, Bình gửi thơ ra anh đọc trước, rồi đăng báo sau. Đúng hẹn cuối năm 1941 đầu năm 1942, Trúc Đường nhận nhiều bài thơ của Bình trong đó có: *Xuân tha hương* và *Oan nghiệt*. Trúc Đường rất thích. Đồng thời đầu năm 1942, *Nhan sắc* cũng ra mắt bạn đọc.

Bình trở lại Hà Nội, về thăm quê rồi lại đi làm thơ. Lần chia tay cuối cùng với Trúc Đường vào năm 1943, đến năm 1945 tin tức thưa dần. Năm 1946 mất liên lạc hẳn.

Nỗi nhớ thương, khắc khoải của Trúc Đường đối với Bình càng dấy lên vào mỗi dịp

giáp tết, đọc lại *Xuân tha hương* rồi *Xuân vẫn tha hương* của em.

Hoà bình lập lại, tập kết ra Hà Nội, Bình lại về ở với gia đình Trúc Đường. Hai anh em lại bàn bạc, chuyển đề tài viết. Bình làm thơ: *Gửi người vợ miền Nam*, *Đêm sao sáng*, *Bức thư nhà...*

Trúc Đường, sau khi thi đỗ đại học văn sử loại ưu, anh chuyển sang lĩnh vực kịch lịch sử. Từ năm 1959-1983 Trúc Đường sáng tác 4 vở kịch ngắn, 14 vở kịch dài về các đề tài lịch sử.

Sự nghiệp văn chương tác động, hỗ trợ lẫn nhau của hai anh, đã để lại cho người đời nhiều tác phẩm tốt, có giá trị.

Tiếc rằng Bình đã ra đi trước Trúc Đường quá sớm.

Kỷ niệm 25 năm ngày mất của Nguyễn Bình, 80 năm ngày sinh của Trúc Đường (1911-1991), bài viết này chỉ nói lên được một phần thôi. Có thể còn nhiều điều chưa biết hết, mong được bổ khuyết.

1991
THUẦN HOA

Thôn Vân ngày nay

Thơ Nguyễn Bình là hồn quê. Hôm nay trở về thăm quê hương Nam Hà. Nhớ anh, tôi hỏi đường thăm thôn Vân quê mẹ anh xã Cộng Hoà (Vụ Bản). Mẹ anh qua đời khi anh mới ba tháng tuổi. Anh được ông cậu ruột là Bùi Trình Khiêm nuôi dạy. Thuở xưa, nhân dân Nam Hà có câu: “Vụ Bản Trình Khiêm, Hà Nam Sứ Chỉ”, để nói hai thân đồng thơ hay lại có tài ứng đối.

Ông Trần Huy Liệu là học trò cụ Bùi, trong hồi ký của mình đã viết: “Sau khi anh tôi mất, tôi theo học ông Bùi Trình Khiêm, một bạn thân của anh tôi và cũng là nhà nho tiêu biểu, có danh vọng trong vùng. Ông Bùi hay chữ, giác ngộ sớm, đã cương quyết đoạn tuyệt với khoa cử từ trước khi bỏ thi Hương. Ông có nhiều học trò, nhiều người đã trở thành cán bộ vận động phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục”.

Ông lại là người viết nhiều sách báo cổ vũ tinh thần yêu nước của nhân dân và bài trừ hủ tục, dị đoan. Thực dân phong kiến đã quản thúc ông tại quê nhà. Sau cách mạng tháng Tám thành công, ông là một trong số đại biểu Quốc hội đầu tiên ở nước ta.

Quê hương của nhà thơ Nguyễn Bình, hôm nay, tôi về thăm với biết bao xúc động.

Dãy núi Trang Nghiêm đây rồi! Hôm nay, núi đón tôi với bộ áo màu xanh mới. Rừng thông xanh ngắt ngát đã phủ kín cả dãy núi. Con đê Ất Hợi, xưa kia sau mỗi trận lụt, nhân dân ra đê rau má về ăn, thì nay phơi đầy rạ mùa. Hai bên những hàng bạch đàn thẳng tắp, vươn cao tít. Con sông Bến cuối thôn Vân mà trước đây Nguyễn Bình, Trúc Đường, Bùi Hạnh Cẩn thường ra đây bơi lội, chơi trò thả thuyền thì nay đã cải tạo thành con mương tiêu nước thẳng tắp với trạm bơm điện năm máy. Bến đò sông xưa nơi trước kia Nguyễn Bình làm bài thơ *Cô lái đò* nay đã bắc cầu rồi. Hầu hết nhà ở thôn Vân đã lợp ngói. Nhiều nhà mái bằng có cầu thang lên sân trời, trông rất đẹp. Nhân dân đã có điện chạy máy bơm nước, thấp sáng, nghe dài, xem ti vi. Chỉ ở một làng nhỏ vùng chiêm trũng như thôn Vân mà đã có 16 người là kỹ sư, hai người là bác sĩ, và hai người là phó tiến sĩ.

Giá bây giờ anh còn sống nhỉ!

Anh làm thơ, tôi viết báo. Đất nước ta lại có thêm những bài thơ của Nguyễn Bình khắc họa vào ký ức văn hoá của nhân dân hình ảnh nông thôn đổi mới ngày nay.

Cuối thu 1992

LÊ ĐIỀN

Phân mộ Nguyễn Bình

Phố Dân, huyện lỵ của Vụ Bản, cách thành phố Nam Định chừng mười kilômét, là huyện lỵ quê hương của Nguyễn Bình. Dừng lại ở đây hỏi “làng Nguyễn Bình ở đâu?” hoặc “mộ Nguyễn Bình ở đâu?”, người dân nào cũng trả lời được.

Từ phố Dân đi qua trường phổ thông trung học Vụ Bản một quãng đường khoảng ba kilômét là đến thôn Thiện Vịnh xã Cộng Hoà, nơi Nguyễn Bình cất tiếng khóc chào đời. Suốt bao nhiêu năm giang hồ trong Nam ngoài Bắc, cuối cùng thi sĩ lại được yên nghỉ tại nơi chôn nhau cắt rốn. Nhưng trước khi Nguyễn Bình vĩnh viễn nằm xuống ở đây, thi hài và hài cốt ông cũng phải trải qua bao chặng giang hồ như lúc ông còn sống.

Ngày 30 tết năm Ất Tỵ (thật ra là 29 năm ấy tháng chạp thiếu, tức ngày 20-1-1966), Nguyễn Bình qua đời. Người ta táng ông ở nghĩa trang thành phố Nam Định như những người dân bình thường khác. Ba năm sau, tức năm 1968, mộ ông được cải táng, và người ta đưa hài cốt ông vào nghĩa địa Tam Điệp như những người dân bình thường khác.

Tháng 1-1986, Nhà xuất bản Văn học và Hội văn học Nghệ thuật Hà Nam Ninh hợp tác ấn

hành *Tuyển tập Nguyễn Bình* với số lượng 40.500 cuốn. Tiếp sau đó, những tuyển thơ khác theo chuyên đề của Nguyễn Bình cũng được ra mắt bạn đọc. Rồi bao nhiêu nhà thơ, nhà phê bình không tiếc lời ca ngợi Nguyễn Bình. Người ta giật mình nhận ra rằng: Nguyễn Bình quả là một thi sĩ lớn! Nhận thấy để mộ ông nằm xa tít mù ở núi Tam Điệp là không ổn, người ta quyết định dời mộ ông về quê.

Nhưng oái oăm thay: đưa mộ Nguyễn Bình về quê thì đặt ở đâu cho xứng đáng? Bà con làng xóm và các cấp lãnh đạo đều phân vân. Nhà cũ và mảnh vườn cũ của ông bà thân sinh đã nhường cho người khác và hiện người ấy đang ở, đó là gia đình bà Nguyễn Thị Hương, em con ông chú của Nguyễn Bình.

Thôi đành vậy, táng hài cốt thi sĩ tại “Khu Mả Quan” cạnh mộ ông nội. Đây là một cồn đất nằm ở rìa làng, phía bên phải là sầm uất xóm mạc, phía bên trái là cánh đồng. Trước kia có nhiều mồ mả, nhưng các gia chủ đã dời đi nơi khác, chỉ còn lại mộ hai ông cháu thi sĩ nằm lặng lẽ bên khóm tre, khóm chuối và ao rau muống.

Thế là đã yên được một nhẽ. Nhưng nhiều bà con họ hàng làng xóm cứ cảm thấy không yên lòng: mộ nhà thơ đặt ở vị trí không xứng đáng, rồi còn phải xây nhà lưu niệm nữa chứ, chẳng lẽ nhà lưu niệm nằm một nơi, mộ nằm một nơi?

Các cấp lãnh đạo xã, huyện, tỉnh bàn với nhau: giải quyết cho bà Nguyễn Thị Hương một mảnh đất

khác để ở, đưa mộ Nguyễn Bình về tại nơi ông cất tiếng khóc chào đời. Bà Hương bằng lòng.

Cuối năm Canh Ngọ (tức năm 1990), mộ Nguyễn Bình được chính thức đưa từ “*khu Mã Quan*” vào mảnh đất vốn là nhà của bố mẹ mình. Kể từ khi hất hơi thở cuối cùng đến nay đã đằng đẳng hai mươi nhăm năm trời, trải qua bốn chặng giang hồ, thi sĩ mới có một nơi yên nghỉ vĩnh hằng.

Mộ xây giữa khu đất rộng bốn sào, nằm chính giữa làng Thiện Vịnh. Xung quanh rợp bóng tre, xoan, ruối và lô nhô vài ba đồng rom. Ngôi mộ đơn sơ hình chữ nhật, có đắp nổi hình ngọn bút với dòng chữ: “Phân mộ nhà thơ Nguyễn Bình 1918-1966”. Hoa mười giờ nở đỏ dưới chân mộ chí.

Người ta dự định xây dựng tại khu đất này, bên cạnh mộ, nhà lưu niệm trưng bày các di vật và tác phẩm của Nguyễn Bình. Nhưng, hiện nay, còn sơ sài lắm, lúa thừa mọc cây chuối, cây xoan và dăm ba luống khoai lang. Khách đến thăm viếng rất khó chịu khi nhìn thấy bao quanh ngôi mộ và mảnh đất bốn sào là bức tường xây lổm chổm mảnh chai. Phần mộ của một thi sĩ dân dã chứ có phải là nhà phú ông đâu mà xây tường như thế! Xin kiến nghị hãy thay bức tường lổm chổm mảnh chai ấy bằng bức tường xanh cây dâm bụt hoặc cây chè mạn...

3-12-1991

VŨ HẬU LUẬT

CHÚ THÍCH CỦA NGƯỜI SOẠN SÁCH

Ngày 27 tháng 12 năm 1992, tại quê hương Nguyễn Bình thôn Thiện Vĩnh xã Cộng Hoà, Vụ Bản, Nam Hà, Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội văn học nghệ thuật Nam Hà, Huyện uỷ và Ủy ban nhân dân huyện Vụ Bản, Đảng uỷ, Ủy ban nhân dân xã Cộng Hoà, đại diện gia đình và đông đảo các nhà văn, nhà thơ đã dự lễ khởi công xây dựng Nhà tưởng niệm Nguyễn Bình. Nhà tưởng niệm đặt tại khu đất cũ của gia đình, bên cạnh phần mộ của nhà thơ. Rất mong các bạn yêu thơ Nguyễn Bình góp phần để khu tưởng niệm thi sĩ của tỉnh yêu trở thành một nơi trang trọng đáp ứng sự mong mỏi của mọi người. Xin liên hệ Tạp chí Văn nhân, Hội văn học nghệ thuật Nam Hà, 171 Trần Hưng Đạo, thành phố Nam Định.

Cũng nhân lần tuyển chọn lại Thơ Nguyễn Bình và đời Nguyễn Bình, người soạn sách xin phép các tác giả và soạn giả có bài trong tập này vui lòng cho phép được trích in, giới thiệu hoặc dùng lại những gì mà các tác giả, soạn giả đã công bố. Nhiều tên bài hoặc đoạn văn là do người làm sách đặt mới, hoặc tạm đặt lại, một phần trong số đó là rút ra từ tài liệu của anh Hoài Việt.

Xin trân trọng cảm ơn và mong được các tác giả, soạn giả thứ lỗi!

HOÀNG XUÂN

MỤC LỤC

Thơ NGUYỄN BÌNH

	Trang
- Mưa xuân.....	7
- Thời trước.....	9
- Lòng mẹ	10
- Cây bàng cuối thu.....	11
- Lòng yêu đương	12
- Một lần.....	13
- Vầng nước.....	14
- Hết bướm vàng	14
- Không đề.....	15
- Lỡ bước sang ngang.....	16
- Đàn tôi	21
- Thoi tơ.....	21
- Cô lái đò	23
- Cô hái mơ.....	24
- Lá thư về Bắc.....	25
- Tương tư.....	28
- Viếng hồn trinh nữ	29
- Ghen.....	33
- Chân quê.....	34
- Đêm cuối cùng	35

- Nhớ.....	36
- Qua nhà.....	37
- Những bóng người trên sân ga.....	38
- Quan trạng.....	40
- Giấc mơ anh lái đò.....	40
- Chùa vắng.....	42
- Hoa cỏ may.....	42
- Chờ nhau.....	42
- Tình tôi.....	43
- Xuân về.....	44
- Người hàng xóm.....	45
- Thư gửi thầy mẹ.....	47
- Nhớ người trong nắng.....	49
- Khăn hồng.....	50
- Nhật nắng.....	52
- Em với anh.....	54
- Một con sông lạnh.....	55
- Thôi nàng ở lại.....	57
- Truyện cổ tích.....	59
- Đôi khuyên bạc.....	61
- Thơ xuân.....	61
- Mùa xuân xanh.....	63
- Xây lại cuộc đời.....	63
- Người con gái ở lầu hoa.....	65
- Thanh đạm.....	67

- Trưa hè	68
- Tết của mẹ tôi	68
- Làm dâu	72
- Vài nét rừng	72
- Cảm tác	74
- Rượu xuân	75
- Xuân tha hương	76
- Hành phương Nam	82
- Đoá hoa hồng	85
- Nhiều	85
- Mất nhưng	86
- Cầu nguyện	87
- Xóm Ngự Viên	90
- Thu rơi từng cánh	93
- Vài nét Huế	94
- Hoa với rượu	95
- Giời mưa ở Huế	101
- Lửa đỏ	105
- Anh về quê cũ	105
- Một trời quan tái	107
- Trường huyện	109
- Đường rừng chiều	110
- Nhạc xuân	111
- Nhà tôi	113
- Tâm hồn tôi	115

- Chùa Hương xa lắm.....	115
- Một mình.....	116
- Diệu vợi.....	116
- Bước đi bước nữa.....	117
- Hôn nhau lần cuối.....	118
- Bảy chữ.....	119
- Sao chẳng về đây.....	120
- Tặng Kiên Giang.....	122
- Từ đó về đây.....	123
- Trưa hè.....	123
- Đêm sao sáng.....	125
- Chiều thu.....	126
- Chuyện tiếng sáo diều.....	127
- Trở về quê cũ.....	130
- Tháng Ba.....	133
- Trách mình.....	133
- Bài thơ quê hương.....	134

Đời NGUYỄN BÌNH

(Qua các hồi ức và mẫu chuyện)

- Nhà thơ của tình quê chân quê, hồn quê (Tô Hoài).....	139
- Nguyễn Bình - Một vì sao (Hoàng Tấn).....	154
- Một lần đi giang hồ (Tô Hoài).....	174
- Bóng giai nhân (Yến Lan).....	178

- Nguyễn Bình những ngày
ghé bến Hà Tiên (Mộng Tuyết) 185
- Mùa mơ chùa Hương
nhớ Nguyễn Bình (Ngọc Giao) 194
- Một vài kỷ niệm
với Nguyễn Bình (Bảo Định Giang) 203
- Một thần đồng (P và N) 215
- Nhại Kiều 217
- Thơ chưa đăng của Nguyễn Bình (Thợ Rèn) 218
- Nguyễn Bình dạy cách
làm thơ lục bát (Nguyễn Huy Thông) 221
- Chửi Đông chửi Tây,
Tây cũng phải chịu (Đỗ Đình Thọ) 223
- Người ta phiên dịch tiếng ta sang tiếng Tây
cho người ta nghe (Đỗ Đình Thọ) 229
- Thơ tiên (Thanh Hằng) 233
- Đề thơ “Nhà lẩn Mê Ly” (Nguyệt Hồ) 235
- Thiên hạ đem thơ độ với tiên (Đỗ Đình Thọ) 237
- Giá cái đầu nhà thơ 240
- Thi dịch thơ 241
- Thơ gửi Trần Huyền Trân 244
- Xướng họa 247
- Làm thơ được mua xe đạp
cung cấp (Kim Ngọc Diệu) 249
- Nhà thơ trúng... xổ số (Nguyễn Đức Mậu) 252

- Bức thư viết bằng thơ của Nguyễn Bình	253
- Về một người vợ miền Nam (Hoài Việt).....	256
- Chọn tên cho con (Hong Châu)	260
- Gửi áo cho con (Hoài Việt).....	265
- Tên cháu là Hiền (Tô Hoài)	267
- Máy hồi ức về Nguyễn Bình (Trần Lê Văn).....	273
- Nhớ Nguyễn Bình (Chu Văn).....	276
- Thôn Vân quê mẹ (Bùi Hạnh Cần)	293
- Biết thêm về Nguyễn Bình (Thuần Hoa).....	303
- Thôn Vân ngày nay (Lê Diễm)	308
- Phần mộ Nguyễn Bình (Vũ Hậu Luật)	310
* Chú thích của người sách (Hoàng Xuân)	313

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

18 - Nguyễn Trường Tộ - Ba Đình - Hà Nội

Điện thoại: 8.294.683 - 8.294. 685

Fax: 04. 8.294. 781

Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh

290/20 Nam Kỳ khởi nghĩa

Điện thoại: 8.469. 858 - 8.445. 481

Chịu trách nhiệm xuất bản

NGUYỄN VĂN LƯU

Chịu trách nhiệm bản thảo

NGUYỄN CỬ

Biên tập: Nguyễn Phương Thuỳ

Bìa: Minh Nguyệt

Sửa bản in: Miên Lâm - Hà Phượng

Vi tính: Huyền - Quỳn

13 - Thọ Nhuộm - Hà Nội

In 700 cuốn, khổ 13x19cm.

Tại Xưởng in Giao thông - Nhà xuất Bản GTVT

Giấy TNKHXB số 489/79 - CXB cấp ngày 8/5/2003/ VH

In xong và nộp lưu chiểu tháng 10 năm 2003

Giá: 32.000đ